

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2538/QĐ-ĐHĐN ngày 14 tháng 07 năm 2021
 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo:** Giáo dục Tiểu học (Primary Education)
- Trình độ đào tạo:** Đại học
- Ngành đào tạo:** Giáo dục Tiểu học; Mã ngành: 7140202
- Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT đáp ứng các điều kiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum.
- Thời gian đào tạo:** 4 năm
- Loại hình đào tạo:** chính quy
- Số tín chỉ:** 137
- Thang điểm:**

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 1.1 Hệ thống thang điểm của UDCK

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5- 10	A	4
	Khá	7,0-8,4	B	3
	Trung bình	5,5- 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0-5,4	D	1
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

9. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- + Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học).

10. Văng bằng tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

11. Vị trí việc làm:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học có cơ hội tiếp cận các vị trí công việc sau:

- Giáo viên tiểu học ở các trường công lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Chuyên viên các phòng, sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý về giáo dục và đào tạo tiểu học.
- Giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học sư phạm có đào tạo giáo viên tiểu học (hướng dẫn các học phần rèn luyện NVSP, PPDH bộ môn ở trường tiểu học).
- Nhân viên thư viện, chăm sóc tâm lý học sinh tiểu học, tư vấn giáo dục v.v... khi học thêm kiến thức, nghiệp vụ liên quan.

12. Khả năng nâng cao trình độ:

- Có khả năng tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, Lý luận và PPDH Tiểu học, Quản lý giáo dục).
- Có khả năng tự học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

13. Chương trình đối sánh

Đối sánh Chương trình đào tạo của Phân hiệu với một số chương trình đào tạo của các trường đại học sư phạm trên toàn quốc (theo Bảng 1) như sau:

TT	Nội dung	Chương trình đào tạo ngành GDTH của Phân – ĐHĐN tại Kon Tum	Chương trình đào tạo ngành GDTH của trường ĐHSPT Hà Nội	Chương trình đào tạo ngành GDTH của trường ĐHSPT - ĐHĐN	Chương trình đào tạo ngành GDTH của trường ĐHQG Quy Nhơn
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
2	Số tín chỉ	137	135	137	138
3	Cấu trúc				
3.1	Giáo dục đại cương	22	21	22	24
3.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	115	114	115	115
3.3	Tỷ lệ TH/LT	55/82 (67,1%)	50/85 (58,8%)	55/82 (67,1%)	52/85 (61,1%)

4	Mục tiêu	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
5	Chuẩn đầu ra	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng

Từ Bảng 1 cho thấy chương trình đào tạo ngành GDTH của Phân hiệu – ĐHĐN tại Kon Tum có sự tương đồng về thời gian, cấu trúc, mục tiêu và chuẩn đầu ra với các chương trình đào tạo ngành GDTH của các trường bạn. Tất cả các chương trình đào tạo nêu trên đều thực hiện theo hướng ứng dụng nên tỷ lệ số tín chỉ thực hành gần tương đồng với số tín chỉ lý thuyết. Vì vậy, CTĐT ngành GDTH của Phân hiệu phù hợp với xu thế đào tạo giáo viên tiểu học trên toàn quốc và khu vực Tây Nguyên.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học có phẩm chất, đạo đức tốt; có kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại cách mạng Công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học đạt được mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + PO1: Trình bày được các kiến thức về giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp ở cấp tiểu học.
 - + PO2: Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh ở cấp tiểu học.
- Về kỹ năng:
 - + PO3: Thiết kế và thực hiện được các kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.
 - + PO4: Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, hoạt động xã hội; tìm hiểu người học và môi trường giáo dục và có tư duy phản biện, sáng tạo.
 - + PO5: Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản trong dạy học tiểu học.
- Về thái độ:
 - + PO6: Có đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm công dân và với xã hội.
 - + PO7: Có phẩm chất chính trị, pháp luật và định hướng phát triển của ngành giáo dục và của đất nước.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt các chuẩn đầu ra như sau:

PLO1: Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản về giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp ở cấp tiểu học.

PLO2: Trình bày được kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ giáo dục và dạy học ở cấp tiểu học.

PLO3. Phân tích và phát triển được Chương trình giáo dục và Chương trình môn học ở cấp tiểu học.

PLO4: Thiết kế và tổ chức được kế hoạch bài dạy các môn học và hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học.

PLO5: Thiết kế và tổ chức được các hoạt động kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.

PLO6: Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

PLO7: Xây dựng, quản lý và sử dụng được hồ sơ dạy học ở cấp tiểu học.

PLO8: Thực hiện được việc giao tiếp, làm việc nhóm, phản biện, sáng tạo trong thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học.

PLO9: Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, mến trẻ; có trách nhiệm công dân và với xã hội, đặc biệt là đối với sự phát triển của học sinh tiểu học.

PLO10: Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm pháp luật và quy định của ngành Giáo dục; có định hướng phát triển của ngành Giáo dục.

3. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được thể hiện trong Bảng 1.1. có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.2. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PO1	X		X	X	X					
PO2		X		X	X					
PO3			X	X	X	X				
PO4				X				X		
PO5				X		X				
PO6				X			X			
PO7				X	X				X	X

III. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình giảng dạy được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong bảng sau.

Bảng 3.1. Nội dung học phần và số lượng tín chỉ

STT	NỘI DUNG	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	22
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	115
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	56
2.2.	Kiến thức chuyên ngành (Phương pháp và nghiệp vụ)	59
Tổng cộng		137

Khối kiến thức giáo dục đại cương có 22 tín chỉ gồm khoa học chính trị, tư tưởng và cơ sở văn hóa VN, các kiến thức cơ bản về pháp luật nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản lý hành chính Nhà nước ở lĩnh vực giáo dục; học phần tiếng Anh và Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong dạy học.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 115 TC gồm 2 khối kiến thức đó là:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành có 56 tín chỉ (trong đó có 4 tín chỉ tự chọn) gồm tập hợp các môn nền tảng, cơ sở ngành giáo dục tiểu học như tâm lý sư phạm tiểu học, cơ sở việt ngữ của việc dạy học tiếng việt ở hiệu học, cơ sở toán học của môn toán ở tiểu học, giáo dục học tiểu học...

+ Khối kiến thức chuyên ngành (phương pháp và nghiệp vụ) gồm 59 tín chỉ (trong đó có 6 tín chỉ tự chọn) với các môn rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiểu học như phương pháp dạy các môn (Toán, tiếng Việt, TN – XH...) ở tiểu học, rèn luyện kỹ năng sư phạm, kiến tập, thực tập sư phạm.

Ở các học phần tự chọn, sinh viên sẽ học 10 tín chỉ trên tổng số 37 tín chỉ đưa ra.

Bảng 3.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Chuẩn đầu ra (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Kiến thức giáo dục đại cương	x							x	x	x
2	Kiến thức cơ sở của ngành		x			x	x				
3	Kiến thức chuyên ngành (phương pháp và nghiệp vụ)	x		x	x	x		x	x	x	
4	Học phần tự chọn		x	x	x				x	x	

2. Danh sách các học phần

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				Loại học phần		Học kỳ
		Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	22	18	4				
	Triết học Mác – Lênin	3	3	0		X		2
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0		X		3
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		X		4
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		X		5
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		X		6

	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		X		2
	Pháp luật đại cương	2	2	0		X		3
	Tiếng Anh 1	3	2	1		X		1
	Tiếng Anh 2	2	1	1		X		2
	Tiếng Anh 3	2	1	1		X		3
	Giáo dục thể chất 1	1	0	1		X		1
	Giáo dục thể chất 2	1	0	1		X		2
	Giáo dục thể chất 3	1	0	1		X		3
	Giáo dục thể chất 4	1	0	1		X		4
	Giáo dục quốc phòng	5	3	8(4t)		X		2
	Tự chọn (chọn 2/6TC)	2	1	1			X	3
	<i>Kỹ năng tham vấn học đường</i>	2	1	1			X	
	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	2	1	1			X	
	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	2	1	1			X	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	115						
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	56						
	Nhập môn Giáo dục tiểu học	2	1	1		X		1
	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1		X		1
	Giáo dục học TH (1)	2	1	1		X		1
	Giáo dục học TH (2)	3	2	1		X		2
	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1		X		6
	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1		X		7
	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	1	1		X		5
	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1	1		X		7
	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1		X		3

	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1		X		1
	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1		X		2
	Văn học thiếu nhi	4	3	1		X		1
	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	1	1		X		6
	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1		X		1
	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1		X		2
	Sinh lí học trẻ em	2	1	1		X		4
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	1	1		X		6
	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1		X		3
	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	1	1		X		7
	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1		X		7
	Tự chọn (chọn 2/6TC)	2	1	1			X	4
	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Tin học chuyên ngành 2</i>	2	1	1			X	
	<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i>	2	1	1			X	
	Tự chọn (chọn 2/6TC)*	2	1	1			X	7
	<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Số học ở tiểu học</i>	2	1	1			X	

	<i>Khởi nghiệp</i>	2	1	1			X	
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	59						
	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	4	3	1		X		4
	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3	2	1		X		5
	Thực hành giải toán ở tiểu học	3	2	1		X		6
	Đại cương Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1		X		4
	Phương pháp dạy học phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1		X		5
	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1		X		6
	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1		X		3
	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	2	1	1		X		4
	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học	2	1	1		X		3
	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	3	2	1		X		3
	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	4	3	1		X		5
	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1		X		4
	Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1		X		6
	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1		X		7
	Rèn luyện kỹ năng tư phạm 1 ở tiểu học	2	0	2		X		4

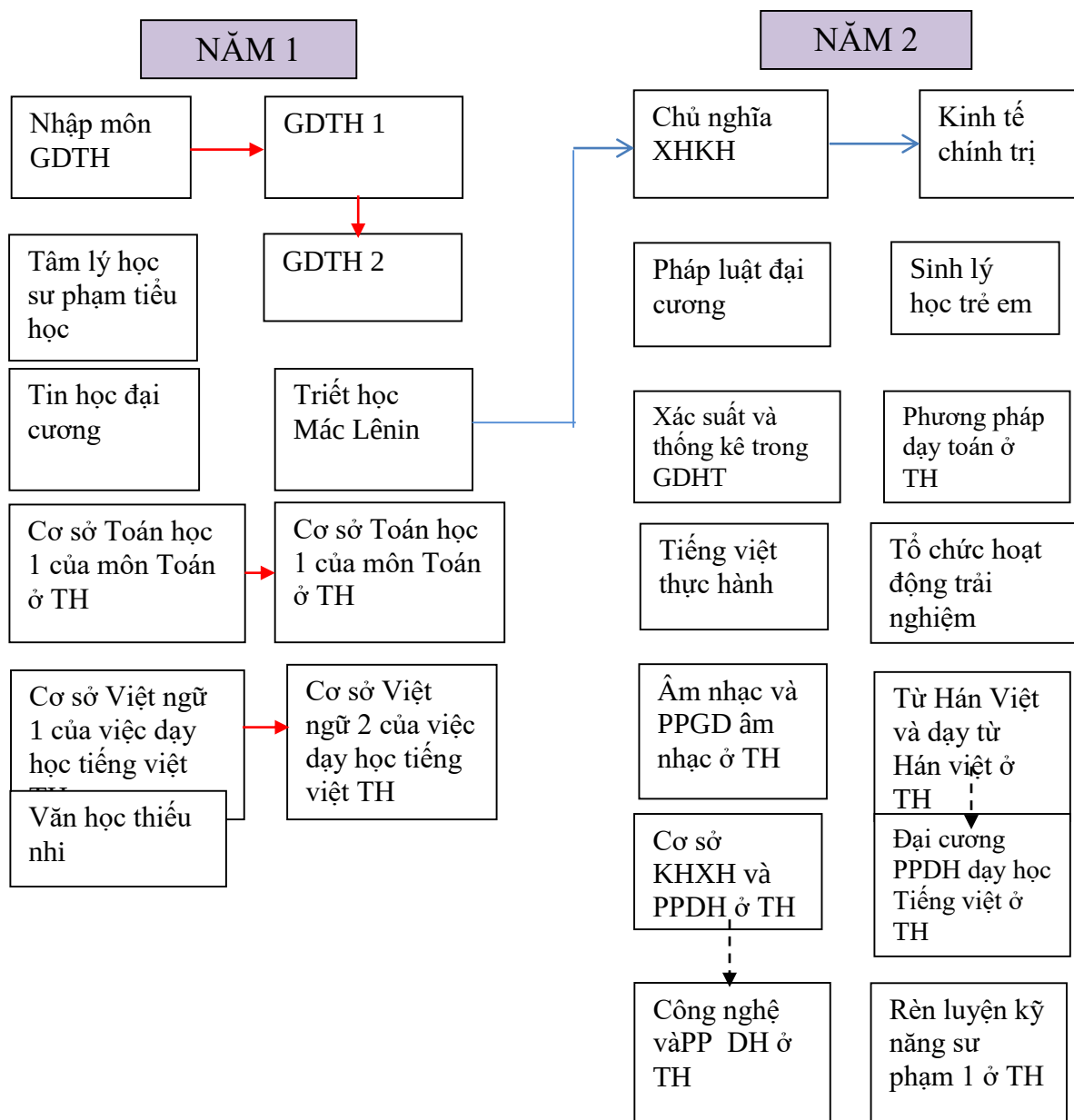
	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	0	2		X		5
	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	0	2		X		6
	Kiến tập sư phạm	2	0	2		X		7
	Tự chọn (chọn 2/6TC)*	2	1	1			X	8
	<i>Phát triển chương trình giáo dục tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học</i>	2	1	1			X	
	Tự chọn (chọn 2/6TC)*	2	1	1			X	8
	<i>Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học</i>	2	1	1			X	
	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1			X	
	Thực tập sư phạm	4	0	4		X		8
	Khóa luận tốt nghiệp (nếu SV không làm khóa luận thì chọn học 6 TC ở phần tự chọn *)	6	0	6		X		8
Tổng		137	82	55				

IV. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

1. Quy trình đào tạo

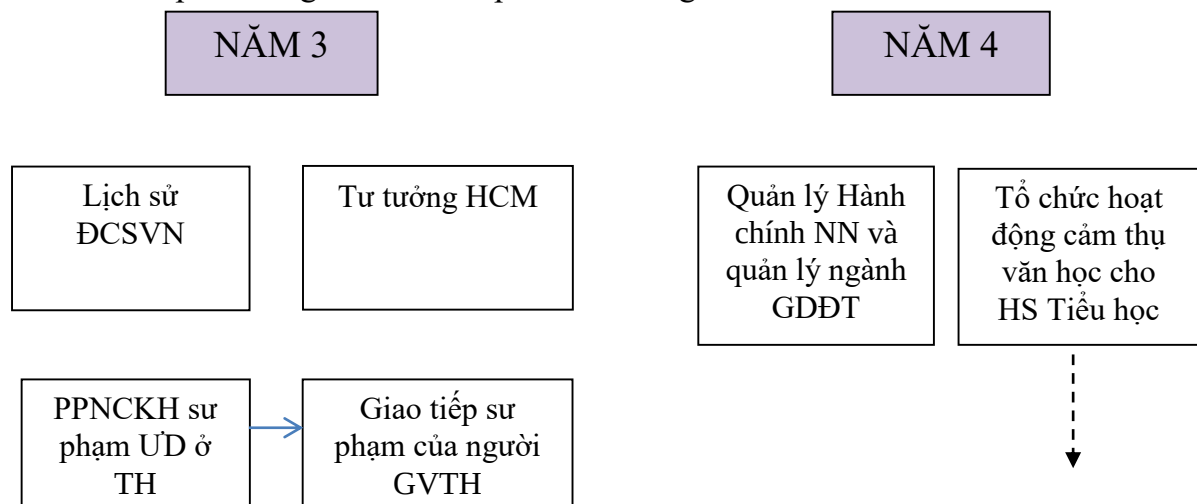
Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 4 đến 6 năm. Mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính và học kỳ mùa hè. Trong 1,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ sở ngành; các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ sẽ được bố trí vào 2,5 năm tiếp theo; ở hai kỳ học cuối cùng, sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp và học bổ sung tín chỉ để hoàn thành khóa học.

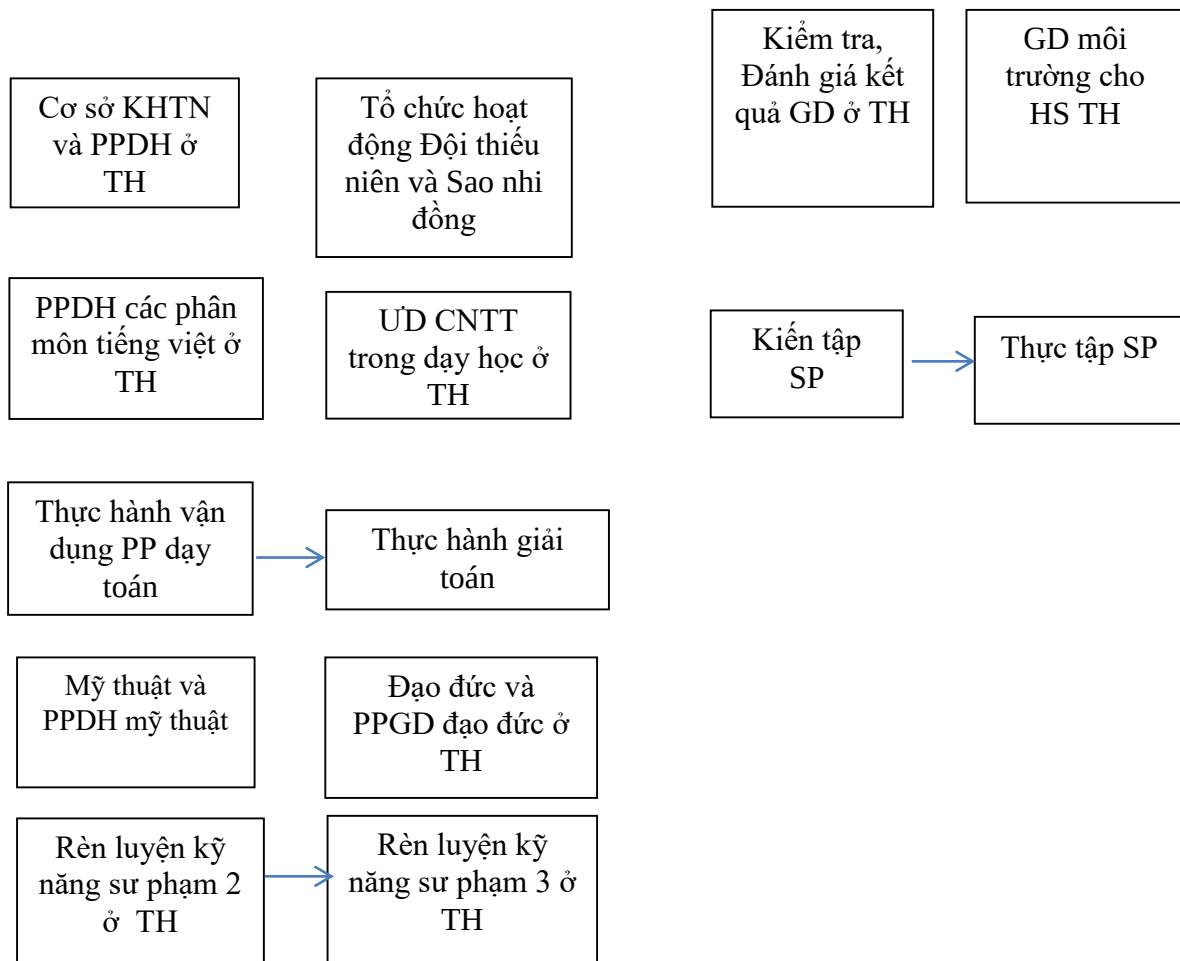
Quy trình đào tạo



Chú thích:

1. Học phần tiên quyết là học phần đã được học trước và phải đạt
2. Học phần học trước là học phần đã được học trước (và có thể chưa đạt)
3. Học phần song hành là học phần học cùng thời điểm hoặc đã học trước





Mối quan hệ:

→ : Học phần tiên quyết (*học phần cuối mũi tên là tiên quyết của học phần đầu mũi tên*)

→ : Học phần học trước (*học phần cuối mũi tên là học trước của học phần đầu mũi tên*)

-----> : Học phần song hành (*Tùy thuộc vào hướng mũi tên, học phần cuối mũi tên có thể không cần học cùng với học phần đầu mũi tên; ngược lại, học phần đầu mũi tên phải học cùng với học phần cuối mũi tên*)

2. Cách thức đánh giá

2.1. Đánh giá kết quả học tập

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;
- Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học

(điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ nhiều mức hơn do cơ sở đào tạo quy định (nếu có) cũng được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

2.2. Đánh giá học phần

- Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá.
- Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 60%.
- Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Giám đốc Phân hiệu phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.
- Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.
- Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng, khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn theo quy định của ĐHQĐ và của Phân hiệu.

2.3. Các phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

(1). Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được Khoa Sư phạm & DBĐH áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation).

(2). Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.

(3). Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

(4). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Khoa Sư phạm & DBĐH, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

(5). Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được Khoa Sư phạm & DBĐH sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment).

(6). Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

(7). Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

(8). Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.

(9). Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

(10). Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

Bảng 3.2. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

PP đánh giá	CDR của CTĐT (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đánh giá tiến trình		x	x	x	x		x	x		
Đánh giá chuyên cần		x	x	x	x		x	x	x	x
Đánh giá bài tập		x	x		x	x	x	x		
Đánh giá thuyết trình		x	x	x	x	x	x	x		
Đánh giá tổng kết/định kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra viết		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra trắc nghiệm				x	x	x				
Bảo vệ và thi vấn đáp			x	x	x					
Báo cáo	x	x	x	x	x				x	x
Đánh giá làm việc nhóm		x	x	x	x		x	x	x	x

2.4. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d của mục này.

a. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

b. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P từ: 5,0 trở lên.

c. Loại không đạt F: dưới 4,0.

d. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa Sư phạm & DBĐH đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo TCE. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	

Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu, hình thức trình bày không rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình thức trình bày cơ bản.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình thức trình bày rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình thức trình bày đẹp, đầy đủ.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình thức trình bày đẹp, đầy đủ, logic.	50%

	dung không phù hợp với yêu cầu.	ảnh và giải thích chưa rõ ràng	giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusio)	Slide trình bày với logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

4. Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

6. Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 4: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng số
----------	---------------------------	----------

đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

7. Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 5: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
						70%

Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Thông tin sai, không cụ thể, không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Thông tin sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong thông tin, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, một số nội dung chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, rõ ràng, logic, trình tự hợp lý, có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Các số liệu phân tích còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	30%

8. Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Rubric 6: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%

Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

9. Đánh giá thực hành (Practice evaluation): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn theo từng loại bài thực hành

2.3. Bảng liên hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA									
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
1. Triết học Mác – Lênin	X								X	X
2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	X								X	X
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	X								X	X
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh									X	X
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam									X	X
6. Tin học đại cương (Tin học CN1)										
7. Pháp luật đại cương						X			X	
8. Anh văn 1						X				
9. Anh văn 2						X				
10. Anh văn 3						X				
11. Giáo dục thể chất 1	X									
12. Giáo dục thể chất 2	X									
13. Giáo dục thể chất 3	X									
14. Giáo dục thể chất 4	X									
15. Giáo dục quốc phòng										X
16. Nhập môn Giáo dục tiểu học	X							X	X	
17. Tâm lý học Sư phạm tiểu học		X				X		X	X	X
18. Giáo dục học tiểu học (1)		X				X	X	X	X	
19. Giáo dục học tiểu học (2)		X				X	X			
20. Giao tiếp sư phạm của người giáo viên TH		X		X		X	X	X		
21. Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học		X		X		X	X	X		
22. Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm		X				X	X	X		

[illegible]

40. Phương pháp dạy học phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
41. Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
42. Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
43. Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
44. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
45. Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	X	X	X	X	X	X		X		
46. Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	X	X	X	X	X	X		X		
47. Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	X	X	X	X		X		X		
48. Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X		
49. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
50. Rèn luyện kỹ năng sự phạm 1 ở tiểu học		X	X	X		X	X	X	X	
51. Rèn luyện kỹ năng sự phạm 2 ở tiểu học		X	X	X	X	X	X	X	X	
52. Rèn luyện kỹ năng sự phạm 3 ở tiểu học		X	X	X	X	X	X	X	X	
53. Kiến tập sự phạm		X	X	X	X	X	X	X	X	
54. Thực tập sự phạm		X	X	X	X	X	X	X	X	
55. Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	X	X				X	X	X		
56. Kỹ năng tham vấn học đường	X	X				X	X	X		
57. Cơ sở văn hóa Việt Nam	X	X						X		

58. Tin học chuyên ngành 2		X		X				X		
59. Phát triển lời nói cho HS tiểu học trên bình diện ngữ âm	X	X				X		X		
60. Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	X	X		X		X		X		
61. Giáo dục kỹ năng sống cho HS tiểu học	X	X		X		X	X	X		
62. Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	X	X		X		X		X		
63. Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học		X				X	X	X		
64. Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học		X				X	X	X		
65. Phát triển chương trình giáo dục tiểu học		X	X	X		X		X		
66. Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học		X	X	X	X	X	X	X		
67. Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học		X	X	X	X			X		
68. Số học ở tiểu học	X							X		
69. Khóa luận tốt nghiệp				X			X	X		
70. Khởi nghiệp	X	X					X			

V. Mô tả các học phần

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Qua nghiên cứu, học tập, sinh viên hiểu rõ những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay, cụ thể như: Hàng hóa, thị trường, cạnh tranh, độc quyền, các chủ thể và sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Học phần góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Trên cơ sở đó, người học biết đánh giá những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn liên quan đến những vấn đề kinh tế chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường đại học. Môn học trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên có cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức đầy đủ hơn về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối, chủ trương chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Là học phần bắt buộc trong chương trình của tất cả các ngành đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm chương: chương 1, nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết dân tộc; về xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN ở Việt Nam của Chủ Tịch Hồ Chí Minh.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
6	Tin học đại cương (tin học CN1)	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các ngành không chuyên tin học. Để được học học phần này, sinh viên phải được công nhận đạt kết quả kiểm tra sát hạch đầu vào phần kiến thức và kỹ năng của tin học phổ thông. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin, máy tính và mạng máy tính; kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm thông dụng cơ bản trên máy tính cá nhân cũng như các thiết bị di động. Từ đó, sinh viên hiểu rõ các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng và làm chủ được các dịch vụ thông dụng trên môi trường Internet; tiếp cận với môi trường làm việc trực tuyến chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại và biết cách đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và mạng máy tính. Học phần giúp sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng

		với các tính năng nâng cao, cụ thể là các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là MicrosoftWord, MicrosoftExcel và MicrosoftPowerpoint.
7	Pháp luật đại cương	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhà nước và pháp luật, như về nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời môn học giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật hành chính và luật tố tụng hành chính, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự, luật phòng chống tham nhũng.
8	Nhập môn giáo dục tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học về những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Quan đó SV ngành GD tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.
9	Tâm lý học sư phạm tiểu học	Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.
10	Giáo dục học tiểu học 1	Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của lí luận chung về giáo dục học. Đó là, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, các phạm trù cơ bản của giáo dục học; mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển cá nhân và xã hội; mục đích, nhiệm vụ giáo dục, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; vấn đề phổ cập giáo dục; người giáo viên trong nhà trường tiểu học
11	Giáo dục học tiểu học 2	Học phần này trình bày một cách hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại, sát với thực tiễn Việt Nam về Giáo dục học, gồm: Quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức

		dạy học. Quá trình giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp.
12	Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên TH	Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp các kiến thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể phát triển được các năng lực giao tiếp sư phạm trong quá trình học tập và vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp tương lai.
13	Giáo dục hòa nhập ở trường TH	Học phần này trình bày một cách có hệ thống các tri thức về một số vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, tiến hành giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học và cách hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học.
14	PP nghiên cứu KH sư phạm ứng dụng ở TH	Học phần này cung cấp cho sinh viên tiểu học những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong các trường tiểu học để thấy rõ: khả năng ứng dụng cao của một nghiên cứu khoa học trong lớp học, trường tiểu học; những ưu điểm nổi trội của cách làm này với NCKH truyền thống, đặc biệt đối với giáo viên tiểu học; giáo viên có thể phổ biến kết quả nghiên cứu trên phạm vi trường, tỉnh, cả nước cũng như có thể học tập từ đồng nghiệp ở khắp nơi.
15	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lí ngành GD-ĐT	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức, viên chức; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo; thực tiễn giáo dục Việt Nam.
16	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo 5 nhóm vấn đề chính: (1) Chính tả; (2) Dùng từ; (3) Đặt câu; (4) Viết đoạn văn; (5) Xây dựng văn bản.

17	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt (ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị và chữ viết tiếng Việt); Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ xét trên bình diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc). Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ 1 học kỳ I trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học.
18	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần được bố trí ở học kỳ 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Ngữ pháp tiếng Việt và việc dạy luyện từ và câu ở tiểu học; (2) Phong cách học tiếng Việt và việc dạy các văn bản ở tiểu học.
19	Văn học thiếu nhi	Học phần Văn học thiếu nhi một môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về văn học thiếu nhi. Đây là học phần cơ sở ngành, được thiết kế dành cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc, được bố trí ở học kỳ 1 trong chương trình đào tạo. Học phần tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Văn học dân gian dành cho thiếu nhi; (2) Văn học thiếu nhi Việt Nam; (3) Văn học thiếu nhi nước ngoài. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những phương pháp tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi.
20	Tổ chức hoạt động Đội thiếu nhi và Sao nhi đồng	Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động Đội TNTP và sao nhi đồng Hồ Chí Minh, làm cơ sở luận, cơ sở khoa học để thiết kế, chỉ đạo các hoạt động cho thiếu nhi trong trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Giúp người học có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của Đội, hiểu về cơ cấu tổ chức và vấn đề tự quản của Đội. Từ đó xác định trách nhiệm của người giáo viên đối với công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng.

		Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng nghiệp vụ, rèn luyện tay nghề và khả năng tiếp cận tổ chức các hoạt động của thiếu nhi một cách sáng tạo. Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, rèn luyện phong cách của người giáo viên trẻ.
21	Cơ sở toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	Phần lí thuyết tập hợp nhằm củng cố, trang bị cho người học những khái niệm, tính chất, cơ bản về tập hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ. Phần logic toán nhằm trang bị cho người học các khái niệm, tính chất về mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề; hàm mệnh đề, công thức, luật và qui tắc suy luận và ứng dụng để trình bày, diễn đạt, cách lập luận chặt chẽ, phát triển tư duy logic trong quá trình dạy môn Toán ở bậc tiểu học. Qua đó giúp người học hiểu rõ các kiến thức cơ sở của môn toán ở tiểu học, phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này. Trên cơ sở đó, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy, vận dụng để giảng dạy tốt môn Toán ở cấp tiểu học.
22	Cơ sở toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	Các cấu trúc nửa nhóm, vị nhóm, nhóm. Nửa nhóm con, vị nhóm con, nhóm con. Các cấu trúc vành, miền nguyên. Cấu trúc trường. Xây dựng hệ thống số: Tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$, tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp số hữu tỉ $\mathbb{Q}$, tập hợp số thực $\mathbb{R}$, tập hợp số phức $\mathbb{C}$.
23	Sinh lý học trẻ em	Học phần sinh lý học trẻ em cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các đặc điểm sinh lý trẻ em của sự sinh trưởng và phát triển, hệ thần kinh và hoạt động thần kinh cấp cao, hoạt động của các cơ quan phân tích, các tuyến nội tiết, hệ vận động, hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết và trao đổi chất.
24	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở TH	Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học Toán, Tiếng việt, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức... ở tiểu học, học phần sẽ trang bị cho SV những kỹ năng khai thác và ứng dụng CNTT để thiết kế bài soạn, hỗ trợ đổi mới PPDH ở tiểu học theo hướng tích cực hóa các hoạt động nhận thức của học sinh, kiến tạo tri thức mới... phù hợp với con đường nhận thức, tâm sinh lí lứa tuổi HS tiểu học.
25	Xác suất và thống kê trong giáo dục ở TH	Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lí luận, là công cụ hữu hiệu để xử lí số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục ở các trường tiểu học.

26	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên và bảo vệ môi trường; về giáo dục môi trường và tình hình giáo dục môi trường ở trên thế giới và Việt Nam; về giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học, làm cơ sở để sinh viên vận dụng kiến thức vào thực tế giáo dục môi trường trong nhà trường. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
27	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh TH	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về năng lực cảm thụ văn học; rèn luyện các năng lực cơ bản trong việc cảm thụ văn học khi dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.
28	PPDH Toán ở tiểu học	PPDH đại cương cung cấp cho người học về: Phương pháp dạy học (PPDH) nói chung và PPDH Toán; Nhiệm vụ, nội dung và mục đích của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học Toán ở tiểu học. PPDH cụ thể cung cấp cho người học về: Nội dung và PPDH các kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: số học, hình học, đại lượng, một số yếu tố đại số, thống kê, giải toán. Qua đó giúp người học có các hiểu biết, kỹ năng cơ bản về PPDH Toán đại cương, một số PPDH Toán thường dùng ở tiểu học, chương trình môn Toán ở tiểu học hiện hành và vận dụng các PPDH Toán ở tiểu học vào các nội dung giảng dạy chính ở tiểu học.
29	Thực hành vận dụng PPDH toán ở tiểu học	Tìm hiểu về chuẩn nghề nghiệp GVTH nói chung và phân tích làm rõ một số điểm về chuẩn nghề nghiệp của GVTH trong dạy học môn Toán. Giúp SV tự rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng cơ bản: * Kỹ năng phân tích chương trình. * Kỹ năng soạn kế hoạch bài học. * Kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập cho phù hợp đối tượng HS. * Kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học môn Toán.
30	Thực hành giải toán ở tiểu học	Sau khi học xong học phần PPDH Toán tiểu học, SV được học HP “Thực hành giải toán tiểu học” nhằm trang bị thêm các kiến thức về giải toán ở tiểu học, các PP giải toán cơ bản thường được sử dụng và một số PP mới, hiện đại để sớm tiếp cận với Toán học ở các

		bậc học cao hơn sau này. Mục đích, hình thức và PP kiểm tra, đánh giá trong dạy – học toán tiểu học.
31	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	Đại cương Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học là một môn khoa học về phương pháp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này được bố trí ở học kỳ 4 (học kỳ 2 năm thứ 2) trong chương trình đào tạo. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học; (2) PPDH các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.
32	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	PP dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm GD Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phân môn trong môn Tiếng Việt ở tiểu học (phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn và phương pháp dạy học các phân môn này ở tiểu học) và hướng dẫn tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc, được bố trí vào học kỳ 2 năm 3 trong chương trình đào tạo.
33	Cơ sở khoa học tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Phương pháp dạy học ở tiểu học là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lý luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng dạy học môn Tự nhiên- Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học. Cùng với học phần Cơ sở Khoa học Xã hội và Phương pháp dạy học ở tiểu học, nó góp phần trang bị cho sinh viên đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về tự nhiên- xã hội và kỹ năng dạy học các môn học về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ 4 năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

34	Cơ sở khoa học xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	Cơ sở KH Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm GD Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Tự nhiên, Xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Học phần Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2 và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức Tự nhiên Xã hội, cụ thể là kiến thức về Địa lí và Lịch sử; (2) Các phương pháp dạy học Tự nhiên Xã hội (môn Địa lí và Lịch sử) ở tiểu học.
35	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm Giáo dục Tiểu học. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về môn Thủ công, Kỹ thuật và cách thức dạy học môn này ở tiểu học. Học phần Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức về Thủ công, Kỹ thuật; (2) Các phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học.
36	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học là một học phần cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành được bố trí ở học kì 6, năm thứ ba dành cho sinh viên ngành GDTH
37	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học là học phần được xây dựng dành riêng cho ngành Giáo dục Tiểu học hệ vừa học vừa làm bậc đại học. Học phần được xây dựng gộp chung hai phần. Trong đó, phần 1 - cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về hát, kĩ thuật hát và ứng dụng vào thể hiện các bài hát ở tiểu học. Phần 2 - giới thiệu những kiến thức chung về vai trò, nội dung chương trình, đặc điểm tâm sinh lí và một số phương pháp dạy học môn âm nhạc ở tiểu học, đồng thời vận dụng những kiến thức đó vào việc thực hành soạn, giảng tiết học âm nhạc ở TH.

38	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật là một học phần cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được qui trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn giáo án các phân môn, các bước tiến hành một bài dạy trên lớp...). Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Môn học này là môn học bắt buộc; có thể bố trí ở học kỳ 1 năm thứ hai trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 8 nhóm vấn đề chính: (1) Tìm hiểu mỹ thuật; (2) Vẽ theo mẫu; (3) Ký họa và phương pháp ký họa; (4) Vẽ trang trí; (5) Kẽ chữ in hoa ; (6) Vẽ tranh; (7) Thường thức mỹ thuật; (8) Phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học.
39	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học là một học phần trong môn Tiếng Việt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt và các kỹ năng nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt, đặc biệt là từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc và được bố trí ở học kỳ 3 (học kì 1 năm thứ 2) trong chương trình đào tạo. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên nắm nội dung về Từ Hán Việt theo 4 nhóm vấn đề chính: (1) Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt; (2) Khái niệm từ Hán Việt; (3) Một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong chương trình và SGK Tiếng Việt tiểu học; (4) Bỏ túi vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.
40	Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của đạo đức học có liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng; những vấn đề chung về giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay; hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kì II năm thứ ba dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
41	Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học ở tiểu học	Học phần Kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục và dạy học nói chung và ở trường tiểu học nói riêng, hình thành cho họ những kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên.

42	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức, biện pháp chung về các kiến thức nghiệp vụ sư phạm tiểu học như: phương pháp, biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học, tìm hiểu học sinh và giáo viên tiểu học; công tác chủ nhiệm lớp, giao tiếp sư phạm sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học,... Cùng với Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 2, Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 3, nó góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ I năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
43	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức, biện pháp chung về các kiến thức nghiệp vụ sư phạm tiểu học như: phương pháp, biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm và kỹ năng dạy học cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết; phân tích nội dung chương trình, thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học... Cùng với Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 1, Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 3, nó góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ I năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
44	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, biện pháp chung về hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học như: kỹ năng tổ chức dạy học, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục... Cùng với Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 1, Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 2, nó góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ I năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
45	Kiến tập sư phạm	Thông qua các buổi dự giờ các tiết học và tiết chủ nhiệm sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức thực tế về tiến trình, cách thức tổ chức một tiết học; giúp các em bước đầu làm quen với việc lên kế hoạch, soạn giáo án dạy học, chủ nhiệm và làm quen với việc

		lên lớp qua các tiết dạy tại cơ sở thực tập góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên.
46	Thực tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường tiểu học; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên tiểu học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường tiểu học. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.
47	Giáo dục giới tính và PP giáo dục giới tính	Phần Giáo dục giới tính gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên. Mỗi bài học được bắt đầu bằng một trò chơi khởi động, các bài trình bày dưới dạng các slide cung cấp các kiến thức có liên quan đến bài học từ hai giáo dục viên đồng đẳng. Bước tiếp theo là phần chính của bài học là phần bài tập dưới dạng hoạt động sáng tạo, huy động tính tích cực của sinh viên qua việc thảo luận, trình bày theo nhóm, thiết kế xây dựng một câu chuyện, một thông điệp, đóng vai để giải quyết tình huống... Xen kẽ là một số trò chơi, hoặc một bài trắc nghiệm kiểm tra kiến thức và thái độ. Tất cả các hoạt động đều nhằm giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và lắng nghe suy nghĩ của những người khác, kết hợp với suy nghĩ của chính bản thân mình một cách sinh động. Phần Phương pháp giáo dục giới tính được hệ thống lại từ phần phương pháp đã được thể hiện qua các bài học. Sinh viên nắm được phương pháp trải nghiệm và một số phương pháp, kỹ năng dạy học tích cực, trình bày các nội dung phù hợp với từng chủ đề, huy động, khơi dậy được sự hứng thú, chủ động của người học, kỹ năng phản hồi, kỹ năng đưa ra quyết định.

48	Kỹ năng tham vấn học đường	Kỹ năng tham vấn học đường là học phần nằm trong hệ thống kiến thức lựa chọn dành cho sinh viên khối ngành Sư phạm bao gồm 4 chương bàn về các vấn đề: Bản chất của tham vấn học đường là gì? Người làm công tác tham vấn học đường cần có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng và thực hiện theo các nguyên tắc đạo đức; Học sinh, các nan đề của học sinh và nhà trường cần được tham vấn; các loại hình và quy trình tham vấn học đường; các kỹ năng cơ bản và rèn luyện ứng dụng các kỹ năng tham vấn học đường vào việc hỗ trợ tâm lý cho học sinh, phụ huynh, GV khác.
49	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm 3 chương: (1) Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; (2) Các thành tố văn hóa Việt Nam; (3) Các sắc thái văn hóa địa phương và tộc người.
50	Tin học chuyên ngành 2	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu. Học phần giúp người học đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cần thiết đối với sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học khi ra trường như các mô hình tiếp cận áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; cách thiết kế và xây dựng trang web, trang cá nhân phục vụ dạy học; thiết kế phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và xử lý kết quả thu được; sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các công cụ với dịch vụ web 2.0; tham gia kết nối với cộng đồng giáo dục và duy trì kết nối.
51	Phát triển lời nói cho HS tiểu học trên bình diện ngữ âm	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho HS tiểu học; có kỹ năng phát hiện các lỗi của HS tiểu học khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.
52	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.

		Học phần được thiết kế dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ 4, học kì II trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học. Học phần Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp, (2) Thiết kế nội dung và tổ chức dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.
53	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	Học phần Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là một trong những học phần tự chọn được bố trí vào học kì 2 năm 2 trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Thủ công – Kỹ thuật, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học.
54	Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở TH	Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học. Đây là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kì 8 năm thứ tư dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
55	Các mô hình dạy học hiệu quả ở trường tiểu học	Trang bị cho người học những cách thức chung về tổ chức dạy học theo mô hình trường tiểu học mới để hướng dẫn hoạt động học của người học theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm của quá trình dạy học. Giúp họ hiểu rõ những đặc trưng cơ bản của mô hình trường tiểu học mới, qui trình “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập” và những yếu tố tác động đến tính hiệu quả của việc tổ chức, quản lí lớp học như tài liệu hướng dẫn hoạt động học, kĩ thuật dạy học tích cực, đánh giá kết quả dạy học và sự tham gia của cộng đồng địa phương

56	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở TH	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tiểu học trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp. Học phần thiên về thực hành nên phần lý thuyết được trình bày ngắn gọn, có tính chất hướng dẫn. Thời gian chủ yếu của học phần dành cho sinh viên thực hiện các bài tập rèn các kỹ năng sát với chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.
57	Phát triển chương trình giáo dục ở tiểu học	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phát triển chương trình, thiết kế chương trình môn học; phục vụ cho việc xây dựng và phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học. SV có năng lực phân tích chương trình hiện hành và phát triển chương trình giáo dục tiểu học theo từng khối lớp.
58	Dạy học Khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học	Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về quan điểm dạy học khám phá – lấy người học là trung tâm và vai trò của dạy học tìm tòi, khám phá trong việc phát triển năng lực cho học sinh tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn học khoa học ở trường tiểu học.
59	Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học	Học phần Kỹ thuật dạy học Lịch sử và Địa lý ở tiểu học là học phần tự chọn trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lý ở TH. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng dạy học về Lịch sử và Địa lý ở tiểu học theo các nhóm vấn đề chính: (1) Phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; (2) Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.
60	Số học ở tiểu học	Học phần này bao gồm các vấn đề về: Trình bày tổng thể hệ thống về các hàm số, lý thuyết đồng dư, liên phân số hữu hạn và vô hạn, phương trình Đi-ô-phăng.
61	Khởi nghiệp	Môn học cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một

		doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là môn học sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... do đó, để có thể học môn này dễ dàng hơn người học nên học trước các môn về Quản trị.
62	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này giúp sinh viên tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên.

VI. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum về đào tạo đại học. Chương trình này được định kỳ rà soát, hiệu chỉnh nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

2. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

a. Đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo

- Đánh giá, cập nhật CTĐT: Định kỳ hai năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý CTĐT tổ chức đánh giá, cập nhật CTĐT theo Quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành ngày 16/4/2015.

- Giám đốc ĐHĐN ban hành CTĐT cập nhật trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.

b. Đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

- Ít nhất 05 năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý CTĐT tổ chức đánh giá và cải tiến CTĐT theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Giám đốc Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum thực hiện cải tiến chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và đào tạo sau khi CTĐT được đánh giá.

- Giám đốc ĐHĐN ban hành CTĐT cập nhật trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.

**GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU ĐHĐN
TẠI KON TUM**

**Phó trưởng khoa
Sư phạm và Dự bị Đại học**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Phụ lục 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

Học kỳ 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Triết học Mác Lê-nin

1. Học phần: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

2. Tên học phần (tiếng Anh): MARX-LENIN PHILOSOPHY

3. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 32 tiết; thực hành: 13 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được kiến thức khái quát về triết học.
2	MT2	Hiểu đúng vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của triết học Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.
3	MT3	Hiểu được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.
4	MT4	Hiểu đúng những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lý; 3 quy luật; 6 cặp phạm trù;
5	MT5	Hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.
6	MT6	Chứng minh được sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.
7	MT7	Hiểu đúng vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Giới thiệu được về quá trình hình thành và phát triển của triết học.
2	CDR2	Phân tích được vấn đề cơ bản của triết học; tính cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.
3	CDR3	Chứng minh được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.
4	CDR4	Phân tích được nội dung hai nguyên lý; mối quan hệ biện chứng của 6 cặp phạm trù, nội dung 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; rút ra bài học phương pháp luận; Phân tích được con đường biện chứng của quá trình nhận thức;
5	CDR5	Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.
6	CDR6	Chứng minh được sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên và hai quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.
7	CDR7	Giải thích được quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người, bản chất con người, vai trò của quần chúng nhân dân, vĩ nhân lãnh tụ.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7
1	x	x	x				
2			x				
3			x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Triết học và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội	6	2	8
2	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	12	5	17
3	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	6	20
Tổng		32	13	45

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp: Đọc nghiên cứu tài liệu hoặc giáo trình môn học.
- Trong giờ lên lớp: Nghe giảng, ghi chép, trao đổi ý kiến, xử lý tình huống, hợp tác làm việc nhóm.
- Sau giờ lên lớp: Tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Bài tập/chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X
Thi giữa kỳ	X	X	X	X			
Thi cuối kỳ	X	X	X	X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI		
1.1		Triết học và vấn đề cơ bản của triết học
	1.1.1	Khái lược về triết học
	1.1.2	Vấn đề cơ bản của triết học
	1.1.3	Biện chứng và siêu hình
1.2		Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội
	1.2.1	Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin
	1.2.2	Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin
	1.2.3	Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 2		
CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG		
2.1		Vật chất và ý thức
	2.1.1	Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
	2.1.2	Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
	2.1.3	Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
2.2		Phép biện chứng duy vật
	122.1	Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
	2.2.2	Nội dung của phép biện chứng duy vật
2.3		Lý luận nhận thức
	2.3.1	Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học
	2.3.2	Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng
CHƯƠNG 3		
CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ		
3.1		Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
	3.1.1	Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
	3.1.2	Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
	3.1.3	Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
	3.1.4	Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên
3.2		Giai cấp và dân tộc
	3.2.1	Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
	3.2.2	Dân tộc
	3.2.3	Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại
3.3		Nhà nước và cách mạng xã hội
	3.3.1	Nhà nước
	3.3.2	Cách mạng xã hội
3.4		Ý thức xã hội
	3.4.1	Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
	3.4.2	Ý thức xã hội và kết cấu ý thức xã hội
3.5		Triết học về con người
	3.5.1	Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học
	3.5.2	Quan điểm về con người trong triết học Mác - Lênin
	3.5.3	Quan điểm của triết học Mác – Lênin về mối quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
	3.5.4	Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

13. Tài liệu học tập

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn giảng dạy năm 2019, Hà Nội, 2019.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn học khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình triết học Mác –Lêni, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.

TK2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia, Giáo trình Triết học Mác-Lênin (tái bản có sửa chữa, bổ xung), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

TK3. Trần Tiến Đạt, Nguyên lý Triết học chủ nghĩa Mác, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

TK4. Viện thông tin khoa học xã hội, Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

1. Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

2. Tên học phần (tiếng Anh): MARX - LENIN POLITICAL ECONOMY

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Qua nghiên cứu, học tập, sinh viên hiểu rõ những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay, cụ thể như: Hàng hóa, thị trường, cạnh tranh, độc quyền, các chủ thể và sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Học phần góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Trên cơ sở đó, người học biết đánh giá những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn liên quan đến những vấn đề kinh tế chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được sự hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
2	MT2	Hiểu được lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị thặng dư, các kiến thức cơ bản về thị trường, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường.
3	MT3	Trình bày được quan niệm của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các kiến thức liên quan đến quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.
4	MT4	Hiểu được các kiến thức liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
5	MT5	Ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra

1	CDR1	Nhận thức đúng quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
2	CDR2	Có hiểu biết đúng đắn về các nội dung kiến thức liên quan đến sản xuất hàng hóa, hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường.
3	CDR3	Nhận thức đúng về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vận dụng kiến thức để thực hiện hài hòa các quan hệ lợi ích trong phát triển ở Việt Nam.
4	CDR4	Đánh giá tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội và Việt Nam; phân tích được những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam.
5	CDR5	Hình thành được các kỹ năng hợp tác, tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, thuyết trình, điều khiển...Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Xây dựng được tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động trước những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	X				X
2		X			X
3		X			X
4		X			X
5			X		X
6				X	X

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận (*)	Tổng số
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin.	2	0	2
2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	3	1.5	4.5

3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	2	1.5	3.5
4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	1.5	4.5
5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	5	2.5	7.5
6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	5	3	8
Tổng		20	10	30

Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải đọc trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Nghiên cứu các tài liệu khác có liên quan đến nội dung của bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

{Đánh dấu X vào giao nhau giữa chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá}

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chuyên cần/Y thức học tập/Bài tập nhóm	X	X	X	X	X
Kiểm tra giữa kỳ		X	X		
Thi cuối kỳ			X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG
--

ĐỜI SỐNG XÃ HỘI		
1.1		Triết học và vấn đề cơ bản của triết học
	1.1.1	Khái lược về triết học
	1.1.2	Vấn đề cơ bản của triết học
	1.1.3	Biện chứng và siêu hình
1.2		Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội
	1.2.1	Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin
	1.2.2	Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin
	1.2.3	Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay
CHƯƠNG 2		
CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG		
2.1		Vật chất và ý thức
	2.1.1	Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
	2.1.2	Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
	2.1.3	Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
2.2		Phép biện chứng duy vật
	2.2.1	Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
	2.2.2	Nội dung của phép biện chứng duy vật
2.3		Lý luận nhận thức
	2.3.1	Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học
	2.3.2	Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng
CHƯƠNG 3		
CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ		
3.1		Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
	3.1.1	Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
	3.1.2	Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
	3.1.3	Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
	3.1.4	Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên
3.2		Giai cấp và dân tộc
	3.2.1	Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
	3.2.2	Dân tộc
	3.2.3	Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại
3.3		Nhà nước và cách mạng xã hội
	3.3.1	Nhà nước

	3.3.2	Cách mạng xã hội
3.4		Ý thức xã hội
	3.4.1	Khái niệm tội tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
	3.4.2	Ý thức xã hội và kết cấu ý thức xã hội
3.5		Triết học về con người
	3.5.1	Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học
	3.5.2	Quan điểm về con người trong triết học Mác - Lênin
	3.5.3	Quan điểm của triết học Mác – Lênin về mối quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
	3.5.4	Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn giảng dạy năm 2019, Hà Nội, 2019.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn học khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình triết học Mác –Lêni, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.

TK2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia, Giáo trình Triết học Mác-Lênin (tái bản có sửa chữa, bổ xung), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

TK3. Trần Tiến Đạt, Nguyên lý Triết học chủ nghĩa Mác, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

TK4. Viện thông tin khoa học xã hội, Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Học phần: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

2. Tên học phần (tiếng Anh): **SCIENCE SOCIALISM**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết.**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Triết học Mác Lê-nin**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường đại học. Môn học trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên có cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức đầy đủ hơn về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối, chủ trương chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục Tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin, có quá trình ra đời và phát triển trong lịch sử, có đối tượng và phương pháp nghiên cứu độc lập.
2	MT2	Trình bày được khái niệm, đặc điểm giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung, phương hướng và một số giải pháp chủ yếu xây dựng, phát triển giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.
3	MT3	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.
4	MT4	Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Phân tích được vấn đề dân chủ và chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.
5	MT5	Phân tích được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự cần thiết xây dựng liên minh giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
6	MT6	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện

7	MT7	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay.
---	-----	--

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Nhận thức đúng đắn chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin, có đối tượng và phương pháp nghiên cứu độc lập.
2	CDR2	Nắm vững nội dung học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.
3	CDR3	Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.
4	CDR4	Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Nhận thức đúng đắn về vấn đề dân chủ và chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.
5	CDR5	Nhận thức đúng đắn vấn đề cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
6	CDR6	Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức đúng đắn vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
7	CDR7	Biết vận dụng các kiến thức bộ môn vào thực tiễn; tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; có bản lĩnh chính trị vững vàng và trách nhiệm cá nhân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1	x						x

2		x					x
3			x				x
4				X			x
5					x		x
6						x	x
7						x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận (*)	Tổng số
1	Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2
2	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	2	6
3	Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	2	5
4	Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	2	5
5	Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	2	5
6	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	2	5
7	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	0	2
Tổng		20	10	30

Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Chuẩn bị đủ giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giáo viên.
- Đọc trước bài giảng ở nhà, lên lớp nghe giảng đầy đủ và tham gia trao đổi, thảo luận tại lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần theo quy định.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Tham gia học tập/Ý thức học tập/ Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra giữa kỳ	x	x	x	x			
Thi cuối kỳ	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1		
NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC		
1.1.		Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.1.1.	Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.1.2.	Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen
1.2		Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.2.1.	Các Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.2.2.	V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới
	1.2.3.	Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay
1.3		Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.3.1.	Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.3.2.	Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học
	1.3.3.	Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học
CHƯƠNG 2		
SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN		

2.1.		Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân
	2.1.1	Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân
	2.1.2	Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
	2.1.3	Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
2.2		Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay
	2.2.1	Giai cấp công nhân hiện nay
	2.2.2	Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay
2.3.		Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam
	2.3.1.	Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam
	2.3.2.	Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam
	2.3.3.	Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay
CHƯƠNG 3 VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
3.1.		Chủ nghĩa xã hội
	3.1.1.	Chủ nghĩa xã hội – Giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa
	3.1.2.	Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội
	3.1.3.	Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội
3.2.		Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
	3.2.1.	Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
	3.2.2.	Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ
3.3.		Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
	3.3.1.	Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa
	3.3.2.	Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
CHƯƠNG 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA		
4.1.		Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa
	4.1.1	Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ
	4.1.2.	Dân chủ xã hội chủ nghĩa
4.2.		Nhà nước xã hội chủ nghĩa
	4.2.1.	Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

	4.2.2.	Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội
4.3		Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền XHCN ở VN
	4.3.1.	Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
	4.3.2.	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
	4.3.3.	Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay
CHƯƠNG 5		
CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
5.1		Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH
	5.1.1	Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội
	5.1.2	Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
5.2.		Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH
5.3.		Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
	5.3.1.	Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN
	5.3.2.	Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN
CHƯƠNG 6		
VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
6.1.		Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
	6.1.1.	Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc
	6.1.2.	Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam
6.2.		Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
	6.2.1.	Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo
	6.2.2.	Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay
6.3.		Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
	6.3.1.	Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
	6.3.2.	Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
CHƯƠNG 7		
VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
7.1.		Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình
	7.1.1.	Khái niệm gia đình
	7.1.2.	Vị trí của gia đình trong xã hội

	7.1.3.	Chức năng cơ bản của gia đình
7.2.		Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH
	7.2.1.	Cơ sở kinh tế - xã hội
	7.2.2.	Cơ sở chính trị - xã hội
	7.2.3.	Cơ sở văn hóa
	7.2.4.	Chế độ hôn nhân tiến bộ
7.3.		Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
	7.3.1.	Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
	7.3.2.	Phương hướng cơ bản xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị, đã sửa chữa, bổ sung sau khi dạy thí điểm), Hà Nội, 2019.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

TK2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

TK3. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sỹ Quý, Những quan điểm cơ bản của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.

TK4. Phạm Công Nhất, Phan Thanh Khôi, Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (tậpIII), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh:**1. Học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH****2. Tên học phần (tiếng Anh): HO CHI MINH'S IDEOLOGY****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 23 tiết, thực hành: 07 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Triết học Mác Lê-nin, Kinh tế chính trị Mác Lê-nin****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Ngoài chương mở đầu, học phần gồm có 7 chương thể hiện một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Đại đoàn kết; Xây dựng một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam và về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới... cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
2	MT2	Trình bày được hệ thống tư tưởng, văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh
3	MT3	Phân tích được những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh.
4	MT4	Đánh giá đúng sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
5	MT5	Xây dựng được lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự phát triển đất nước; vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện đạo đức, tác phong và công tác của bản thân; dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm và hiện tượng sai trái.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Hiểu được bối cảnh lịch sử - xã hội, các nhân tố góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
2	CĐR2	Hiểu được nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH việt nam, ...

3	CĐR3	Nêu được được các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
4	CĐR4	Hiểu được những sáng tạo cơ bản về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh
5	CĐR5	Giải thích được sự vận dụng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay
6	CĐR6	Nhận diện được các quan điểm sai trái xuyên tạc tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh
7	CĐR7	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, công tác; rèn luyện bản thân theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
8	CĐR8	Có lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai của đất nước.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
1	X							
2	X		X					
3		X	X	X	X	X		
4		X	X	X	X	X	X	X
5		X	X	X	X	X	X	X
6		X	X	X	X	X	X	X
7		X	X	X	X	X	X	X
8			X		X	X	X	X

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 02 tín chỉ(1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/thảo luận(*)	Tổng số
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4		4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	5	3	9
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	5	1	6
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	4	2	4

6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức con người	3	1	4
Tổng		23	07	30

Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến để hỏi, trao đổi thảo luận, ...
- Sinh viên phải tập trung nghe giảng, trả lời các câu hỏi của giảng viên trên lớp và tham gia thảo luận các chủ đề do giảng viên nêu ra.
- Sinh viên phải tham dự các buổi lên lớp, các buổi thảo luận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

{Đánh dấu X vào giao nhau giữa chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá}

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Trắc nghiệm	X	X	X	X				
Tự luận	X	X	x	X	x	x	x	x
Bài tập								

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP		
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH		
1.1		Đối tượng nghiên cứu
	1.1.1	Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
	1.1.2	Đối tượng, nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.
1.2		Phương pháp nghiên cứu
	1.2.1	Cơ sở phương pháp luận chung

	1.2.2	Các nguyên tắc phương pháp luận HCM.
	1.2.3	Các phương pháp cụ thể.
1.3		Ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.
CHƯƠNG 2 CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH		
2.1		Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
	2.1.1	Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
	2.1.2	Những tiền đề tư tưởng lý luận góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
	2.1.3	Nhân tố chủ quan.
2.2		Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
	2.2.1	Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước ý chí cách mạng của Hồ Chí Minh (trước ngày 5/6/1911)
	2.2.2	Giai đoạn khảo nghiệm các đường lối cứu nước, xác định con đường đi cho dân tộc Việt Nam (1911 – 30/12/1930)
	2.2.3	Giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh (1921 – 3/2/1930)
	2.2.4	Giai đoạn Hồ Chí Minh kiên định các quan điểm của mình, vượt qua khó khăn, thử thách (1931 – 1945)
	2.2.5	Giai đoạn bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (1945 – 1969)
2.3		Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh
	2.3.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc
	2.3.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của cách mạng thế giới.
CHƯƠNG 3 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
3.1		Vấn đề độc lập dân tộc
	3.1.1	Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc
	3.1.2	Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
	3.1.3	Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để
3.2		Về cách mạng giải phóng dân tộc
	3.2.1	Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
	3.2.2	Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.
	3.2.3	Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
	3.2.4	Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

	3.2.5	Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực
3.3		Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
	3.3.1	Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
	3.3.2	Tiến lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan
	3.3.3	Tiến lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan
3.4		Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
	3.4.1	Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
	3.4.2	Động lực chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3.5		Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam
	3.5.1	Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
	3.5.2	Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ
3.6		Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
	3.6.1	Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
	3.6.2	Chủ nghĩa xã hội là điều kiện đảm bảo nền độc lập vững chắc
	3.6.3	Điều kiện đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
3.7		Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay
	3.7.1	Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
	3.7.2	Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
	3.7.3	Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị
	3.7.4	Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và « tự diễn biến », « tự chuyển hóa » trong nội bộ.
CHƯƠNG 4		
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN		
4.1		Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam
	4.1.1	Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
	4.1.2	Đảng phải trong sạch, vững mạnh
	4.1.3.	Đảng là đạo đức, là văn minh
	4.1.4.	Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng
	4.1.5.	Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.
4.2		Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
	4.2.1	Nhà nước dân chủ
	4.2.2	Nhà nước pháp quyền.
	4.2.3	Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

4.3		Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước
	4.3.1	Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh
	4.3.2	Xây dựng nhà nước
CHƯƠNG 5 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ		
5.1		Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
	5.1.1	Vai trò của đại đoàn kết dân tộc
	5.1.2	Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
	5.1.3	Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
	5.1.4	Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất
	5.1.5	Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc
5.2		Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
	5.2.1	Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế
	5.2.2	Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức
	5.2.3	Nguyên tắc đoàn kết quốc tế
5.3		Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay
	5.3.1	Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng
	5.3.2	Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng
	5.3.3	Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế
CHƯƠNG 6 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ CON NGƯỜI		
6.1		Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa
	6.1.1	Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác
	6.1.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa
	6.1.3	Quan niệm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới
6.2		Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
	6.2.1	Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng
	6.2.2	Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng
	6.2.3	Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng
6.3		Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người
	6.3.1	Quan niệm Hồ Chí Minh về con người

	6.3.2	Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của con người
	6.3.3	Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người
6.4		Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh
	6.4.1	Xây dựng và phát triển văn hóa, con người
	6.4.2	Xây dựng đạo đức cách mạng

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tư tưởng Hồ Chí Minh (Sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn giảng dạy năm 2019, Hà Nội, 2019.

TL2. Hội đồng trung ương, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị Quốc gia, 2004.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, 12 tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998; TK2. Đĩa CDROM HCM;

TK3. Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng HCM và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 1997.

TK4. Trần Văn Giàu, Sự hình thành về cơ bản tư tưởng HCM, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Học phần: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

2. Tên học phần (tiếng Anh): **HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Sinh viên hiểu được quy luật ra đời của Đảng, nhận thức đúng về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
2	MT2	Nhận thức đúng đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).
3	MT3	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ Đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.
4	MT4	Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sinh viên nắm vững đường lối của Đảng, từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Hiểu được sự ra đời và ý nghĩa của việc thành lập Đảng.
2	CĐR2	Nắm vững đường lối đấu tranh giành chính quyền giai đoạn (1930–1945), đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945–1975) và kết quả thực hiện đường lối.
3	CĐR3	Giải thích được nội dung đường lối, chủ trương của Đảng về trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới.
4	CĐR4	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
Nhập môn	x			
1	x	x		
2	x	x		
3			x	x
Tổng kết	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng số
Nhập môn	Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	0	1
2	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	5	3	8
3	Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945–1975)	6	4	10
4	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc Đổi mới (1975–2018)	6	3	9
5	Tổng kết	2	0	2
Tổng		20	10	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc tài liệu về những nội dung liên quan trước khi đến lớp.
- Tham gia làm bài tập nhóm, cá nhân.
- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo các quy định hiện hành.

11. Đánh giá sinh viên:**Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá**

Hình thức đánh giá	CDRMD	CDR1	CDR2	CDR3
Bài tập/chuyên cần	X	X	X	X
Thi giữa kỳ	X	X	X	X
Thi cuối kỳ	X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG MỞ ĐẦU		
ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CS VIỆT NAM		
1.		Đối tượng nghiên cứu
2.		Chức năng, nhiệm vụ
	2.1.	Chức năng
	2.2.	Nhiệm vụ
3.		Phương pháp nghiên cứu, học tập
	3.1.	Phương pháp nghiên cứu
	3.2.	Ý nghĩa học tập
CHƯƠNG I		
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945)		
1.1.		Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 02/1930)
	1.1.1	Bối cảnh lịch sử
	1.1.2.	Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

	1.1.3.	Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
	1.1.4.	Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
1.2.		Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)
	1.2.1.	Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935
	1.2.2.	Phong trào Dân chủ 1936-1939
	1.2.3.	Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
	1.2.4.	Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám 1945
CHƯƠNG 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC(1945-1975)		
2.1.		Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền Cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)
	2.1.1.	Xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng 1945 – 1946
	2.1.2.	Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950
	2.1.3.	Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
	2.1.4.	Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ
2.2.		Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)
	2.2.1.	Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965
	2.2.2.	Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975
	2.2.3.	Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975
CHƯƠNG 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CNXH VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)		
3.1.		Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)
	3.1.1.	Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1981
	3.1.2.	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986
3.2.		Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế (1986–2018)
	3.2.1.	Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996

	3.2.2.	Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế 1996- 2018
	3.2.3.	Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới
CHƯƠNG 4 TỔNG KẾT LỊCH SỬ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG		
4.1.		Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
4.2.		Những bài học lớn lãnh đạo cách mạng của Đảng

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình:

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng cộng Sản Việt Nam (Sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn giảng dạy năm 2019, Hà Nội, 2019.

TL2. Hội đồng Trung ương, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tái bản 2010

TK2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018

TK3. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Marx-Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập II, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995

TK4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995-2018

TK5. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1 đến tập 15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011

TK6. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, Chiến tranh Cách mạng Việt Nam 1945 – 1975, thắng lợi và bài học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008

TK7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết, Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 30 năm đổi mới, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015

TK8. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

TK9. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

6. Tin học đại cương (TIN HỌC CN1)

1. Tên học phần: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (TIN HỌC CN1)

2. Tên tiếng Anh: Computer skill

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 10 tiết, thực hành: 20 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các ngành không chuyên tin học. Để được học học phần này, sinh viên phải được công nhận đạt kết quả kiểm tra sát hạch đầu vào phần kiến thức và kỹ năng của tin học phổ thông. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin, máy tính và mạng máy tính; kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm thông dụng cơ bản trên máy tính cá nhân cũng như các thiết bị di động. Từ đó, sinh viên hiểu rõ các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng và làm chủ được các dịch vụ thông dụng trên môi trường Internet; tiếp cận với môi trường làm việc trực tuyến chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại và biết cách đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và mạng máy tính. Học phần giúp sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng với các tính năng nâng cao, cụ thể là các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là MicrosoftWord, MicrosoftExcel và MicrosoftPowerpoint.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp các vấn đề về máy tính và mạng máy tính; ứng dụng của công nghệ thông tin - truyền thông; các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; truyền thông đa phương tiện.
2	MT2	Trang bị cho sinh viên các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc khối tin học văn phòng: Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint.
3	MT3	Nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập và cuộc sống; có ý thức trong việc tiếp cận, bồi dưỡng khả năng ứng dụng công nghệ và trung thực trong việc sử dụng các phần mềm ứng dụng.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Sử dụng thành thạo máy tính, các ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh và các dịch vụ phổ biến trên Internet phục vụ học tập, công việc và cuộc sống hàng ngày.
2	CDR2	Sử dụng thành thạo các tính năng cơ bản và nâng cao của phần mềm Microsoft Word
3	CDR3	Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel
4	CDR4	Sử dụng thành thạo các tính năng của phần mềm Microsoft Power Point
5	CDR5	Biết cách bảo vệ máy tính và thông tin cá nhân an toàn khi sử dụng các dịch vụ, giao dịch trên Internet, thư điện tử, mạng xã hội, lưu trữ và chia sẻ tài liệu
6	CDR6	Thực hiện in ấn, chia sẻ và bảo mật văn bản, bảng tính và bài thuyết trình.
7	CDR7	Chủ động trong việc cập nhật kiến thức, công nghệ mới để phù hợp với thực tiễn.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Chương 1	x				x		x
Chương 2		x				x	
Chương 3			x			x	
Chương 4				x		x	

Phân bổ thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ=15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		LT	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Công nghệ thông tin và truyền thông	2	4	2
2	Soạn thảo văn bản nâng cao	3	5	5
3	Bảng tính nâng cao	2	6	5
4	Trình chiếu nâng cao	3	5	8
Tổng		10	20	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

Đọc tài liệu về những nội dung liên quan trước khi đến lớp.

- Tham gia làm bài tập nhóm, cá nhân.
- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo các quy định hiện hành.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDRMD	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Bài tập/chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	
Kiểm tra giữa kỳ		x	x	x	x				
Thi cuối kỳ		x	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC	NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1	
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
1.1	Ôn tập các kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính
1.2.	Ứng dụng của công nghệ thông tin - truyền thông
1.3	An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông
1.4	Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính
1.5	Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin
1.6	Đa phương tiện
CHƯƠNG 2	
SOẠN THẢO VĂN BẢN NÂNG CAO	
2.1	Định dạng văn bản nâng cao
2.2.	Bảng và định dạng nâng cao

2.3	Nhúng và định dạng các đối tượng khác nhau vào văn bản
2.4	Theo dõi văn bản
2.5	Tham khảo và liên kết
2.6	Trộn thư
CHƯƠNG 3 BẢNG TÍNH NÂNG CAO	
3.1	Giới thiệu
3.2	Thiết lập môi trường làm việc nâng cao
3.3	Sắp xếp và lọc dữ liệu
3.4	Khai thác cơ sở dữ liệu nâng cao
3.5	Đồ thị
CHƯƠNG 4 TRÌNH CHIẾU NÂNG CAO	
4.1	Giới thiệu
4.2	Xây dựng nội dung, tùy biến và hiệu chỉnh bài thuyết trình
4.3	Nhúng và định dạng các đối tượng vào trang trình chiếu
4.4	Làm việc với các hiệu ứng, hoạt cảnh
4.5	Một số ứng dụng
4.6	Chuẩn bị thuyết trình và thuyết trình
4.7	Trình chiếu bài thuyết trình

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Khoa Tin học - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Bài giảng Tin học đại cương (không chuyên), 2017.

Tài liệu tham khảo:

TL2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tin học 10,11,12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. PGS.TS. Bùi Thế Tâm, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông vận tải, 2007.

TK2. Microsoft Việt Nam, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Word 2010, Sách điện tử.

TK3. Microsoft Việt Nam, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Excel 2010, Sách điện tử.

TK4. Microsoft Việt Nam, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Power Point 2010, Sách điện tử.

TK5.<http://www.microsoft.com/About/corporatecitizenship/citizenship/giving/programs/up/digitalliteracy/eng/Curriculum4.msp>

TK6. <http://www.microsoft.com/learning/en-us/exam-77-881.aspx>

TK7.<http://www.microsoft.com/learning/en-us/exam-77-887.aspx>

TK8.<http://www.microsoft.com/learning/en-us/exam-77-882.aspx>

TK9.<http://www.microsoft.com/learning/en-us/exam-77-888.aspx>

TK10. <http://www.microsoft.com/learning/en-us/exam-77-883.aspx>

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

7. Pháp luật đại cương

1. Tên học phần: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

2. Tên tiếng Anh: **GENERAL LAW**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 21 tiết, thực hành: 9 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhà nước và pháp luật, như về nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời môn học giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật hành chính và luật tố tụng hành chính, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự, luật phòng chống tham nhũng.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Người học phân tích được khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của Nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật.
2	MT2	Người học hiểu được Bộ máy nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước.
3	MT3	Phân tích được các hình thức thực hiện pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa.
4	MT4	Hiểu được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
5	MT5	Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người học, xử lý được các tình huống pháp luật trong thực tiễn.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Người học hiểu được bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất của pháp luật, các hình thức pháp luật, chức năng pháp luật, các đặc trưng của pháp luật và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.
2	ĐR2	Người học hiểu được khái niệm, đặc điểm quy phạm pháp luật, cấu trúc của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành quan

		hệ pháp luật, sự kiện pháp lý, các căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một quan hệ pháp luật.
3	CĐR3	Người học hiểu và phân biệt được các hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và pháp chế xã hội chủ nghĩa.
4	CĐR4	Người học hiểu được khái niệm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt, quyền thừa kế, các loại thừa kế, hợp đồng, thủ tục tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án dân sự.
5	CĐR5	Người học nắm được hợp đồng lao động, tuổi tham gia quan hệ lao động, thời gian làm việc, nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, giải quyết tranh chấp lao động.
6	CĐR6	Người học hiểu được khái niệm, đặc điểm tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm, phân loại tội phạm, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mục đích, ý nghĩa của hình phạt, phân loại hình phạt, thủ tục giải quyết vụ án hình sự.
7	CĐR7	Phân tích được khái niệm luật hành chính, cơ quan hành chính nhà nước, nhận biết vi phạm hành chính, các yếu tố cấu thành vi phạm hành chính, tuổi chịu trách nhiệm hành chính, cán bộ, công chức, viên chức, thủ tục giải quyết vụ án hành chính.
8	CĐR8	Người học nắm được khái niệm tham nhũng, hành vi tham nhũng, các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, xử lý tham nhũng và tài sản tham nhũng.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
1	x	x	x	x	x	x	x	x
2	x	x		x	x	x		x
3		x	x					
4			x	x				
5					x	x		
6					x	x		
7							x	x
8							x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 02 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

		Số tiết tín chỉ
--	--	------------------------

Chương	Tên chương	Lý thuyết	Thực hành thảo luận(*)	Tổng số
1	Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	4	2	6
2	Quy phạm pháp luật - quan hệ pháp luật	2	1	3
3	Thực hiện pháp luật - Vi phạm pháp luật - Trách nhiệm pháp lý- Pháp chế XHCN	2	2	4
4	Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự	3	1	4
5	Pháp luật lao động	2	1	3
6	Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự	3	1	4
7	Pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	1	4
8	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng chống tội phạm	3	0	3
Tổng		21	9	30

Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải đọc trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;
- Nghiên cứu các tài liệu khác có liên quan đến nội dung của bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Bài tập/chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra giữa kỳ		x	x	x	x			
Thi cuối kỳ		x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %

3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1		
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT		
1.1		Một số vấn đề chung về nhà nước
	1.1.1	Nguồn gốc, bản chất
	1.1.2	Các đặc trưng của nhà nước
	1.1.	Chức năng nhà nước
	1.1.4	Hình thức và bộ máy nhà nước
	1.1.5	Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
1.2		Một số vấn đề chung về pháp luật
	1.2.1	Nguồn gốc, bản chất
	1.2.2	Các hình thức pháp luật
	1.2.3	Các đặc trưng của pháp luật
	1.2.4	Vai trò của pháp luật
CHƯƠNG 2		
QUY PHẠM PHÁP LUẬT - QUAN HỆ PHÁP LUẬT		
2.1.		Quy phạm pháp luật
	2.1.1	Khái niệm và đặc điểm
	2.1.2	Cấu trúc của quy phạm pháp luật
	2.1.3	Phân loại các quy phạm pháp luật
	2.1.4	Văn bản quy phạm pháp luật
2.2.		Quan hệ pháp luật
	2.2.1	Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật
	2.2.2	Các bộ phận cấu thành của quan hệ pháp luật
	2.2.3	Các căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật
CHƯƠNG 3		
THỰC HIỆN PHÁP LUẬT - VI PHẠM PHÁP LUẬT - TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ - PHÁP CHẾ XHCN		
3.1.		Thực hiện pháp luật
	3.1.1	Khái niệm
	3.2.1	Các hình thức thực hiện pháp luật
3.2.		Vi phạm pháp luật
	3.2.1	Khái niệm

	3.2.2	Các yếu tố cấu thành
3.3		Trách nhiệm pháp lý
	3.3.1	Khái niệm
	3.3.2	Phân loại
3.4		Pháp chế XHCN
	3.4.1	Khái niệm
	3.4.2	Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN
CHƯƠNG 4		
PHÁP LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ		
4.1		Pháp luật dân sự
	4.1.1	<i>Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự</i>
	4.1.2	Quan hệ pháp luật dân sự
	4.1.3	Hợp đồng dân sự
	4.1.4	Quyền sở hữu
	4.1.5	Quyền thừa kế
4.2		Luật tố tụng dân sự
	4.2.1	Khái niệm, đặc điểm và phương pháp điều chỉnh
	4.2.2	Các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng Dân sự
	4.2.3	Chủ thể của Tố tụng Dân sự
	4.2.4	Thủ tục giải quyết vụ án dân sự
CHƯƠNG 5		
PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG		
5.1		Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật Lao động
	5.1.1	Khái niệm
	5.1.2	Đối tượng
	5.1.3	Phương pháp
5.2		Việc làm và tiền lương
	5.2.1	Việc làm
	5.2.2	Tiền lương
5.3		<i>Thỏa ước lao động tập thể</i>
5.4		Hợp đồng lao động
	5.4.1	Khái niệm
	5.4.2	Phân loại
5.5		Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

	5.5.1	Thời gian làm việc
	5.5.2	Thời gian nghỉ ngơi
5.6		Bảo hiểm xã hội
	5.6.1	Khái niệm
	5.6.2	Phân loại
CHƯƠNG 6		
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ		
6.1.		<i>Pháp luật hình sự</i>
	6.1.1	Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật Hình sự
	6.1.2	Tội phạm
	6.1.3	Hình phạt
6.2		Luật Tổ tụng hình sự
	6.2.1	Đối tượng và phương pháp điều chỉnh
	6.2.2	Các nguyên tắc cơ bản của Tổ tụng Hình sự
	6.2.3	Chủ thể của Luật Tổ tụng Hình sự
	6.2.4	Thủ tục xét xử vụ án hình sự
CHƯƠNG 7		
LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH		
7.1		Luật Hành chính
	7.1.1	Đối tượng và phương pháp điều chỉnh
	7.1.2	Chủ thể của Luật Hành chính
	7.1.3	Vi phạm hành chính
	7.1.4.	Trách nhiệm hành chính
	7.1.5.	Quy chế pháp lý về cán bộ, công chức, viên chức
7.2		Luật tổ tụng hành chính
	7.2.1.	Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật Tổ tụng hành chính
	7.2.2.	Vụ án hành chính
	7.2.3.	Các nguyên tắc cơ bản của luật tổ tụng hành chính
	7.2.4.	Chủ thể tiến hành tổ tụng
	7.2.5.	Thủ tục giải quyết vụ án hành chính
CHƯƠNG 8		
PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG		
8.1		Khái quát chung về tham nhũng
	8.1.1	Khái niệm và đặc trưng của tham nhũng
	8.1.2	Nguyên nhân, điều kiện của tham nhũng

	8.1.3	Tác hại của tham nhũng
	8.1.4	Pháp luật về phòng chống tham nhũng
8.2		Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.2.1	Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.2.2	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.2.3	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.2.4	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.2.5	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt
	8.2.6	Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
8.3		Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.3.1	Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị
	8.3.2	Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán
	8.3.3	Phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng
8.4		Xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng
	8.4.1	Xử lý tham nhũng
	8.4.2	Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo

TK1. Nguyễn Hợp Toàn, Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010.

TK2. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2016.

TK3. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2018.

TK4. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật lao động, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2015.

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

8. Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)
9. Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)
10. Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)
11. Giáo dục thể chất 4 (Physical Education 4)
12. Giáo dục quốc phòng (Military Education)

13. Nhập môn giáo dục Tiểu học

1. Tên học phần : **NHẬP MÔN GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

2. Tên tiếng Anh : **Introduction To Primary Education**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học về những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Quan đó SV ngành GD tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.

8. Mục tiêu học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu rõ mục tiêu giáo dục phổ thông, mục tiêu GD cấp tiểu học
2	MT2	Thực hiện phẩm chất đạo đức của một nhà giáo; hiểu rõ những hành vi mà một nhà giáo không được làm
3	MT3	Trình bày được vị trí, vai trò và nhiệm vụ của một nhà giáo; những yêu cầu đối với một nhà giáo
4	MT4	Xây dựng nguyên tắc chuẩn mực, làm tốt công tác nêu gương của một nhà giáo
5	MT5	Rèn luyện bản thân đáp ứng năng lực sư phạm và chuẩn nghề nghiệp của một nhà giáo

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR của HP	Mô tả chuẩn đầu ra
1	CDR1	Hiểu biết về mục tiêu của GDPT, GD tiểu học, nghề nghiệp đặc thù của một nhà giáo
2	CDR2	Tuân thủ những quy định, những hành vi nhà giáo không được làm

3	CĐR3	Áp dụng những kiến thức đã học để xây dựng phẩm chất đạo đức của một nhà giáo, xây dựng hình mẫu một nhà giáo chân chính
4	CĐR4	Rèn luyện năng lực sư phạm, năng lực chuyên môn đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp của một nhà giáo
5	CĐR5	Vận động, hỗ trợ đồng nghiệp trong xây dựng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của một nhà giáo

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	ĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x				
2	x	x	x		
3			x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Giới thiệu về cơ sở đào tạo	3	4	7
2	Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên ở các trường tiểu học	6	4	10
3	Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách người giáo viên tiểu học	6	7	13
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế nhân 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1		
Giới thiệu về cơ sở đào tạo		
1.1		Giới thiệu về ĐHĐN
1.2		Giới thiệu về Phân hiệu ĐHĐN
1.3		Giới thiệu về Khoa SP&DB ĐH, Chương trình đào tạo GDTH
Chương 2		
Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học		
2.1		Giáo dục Tiểu học
2.2		Vị trí, nhiệm vụ giáo viên tiểu học
2.3		Các hành vi giáo viên không được làm
2.4		Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
2.5		Quy định Chuẩn Hiệu trưởng
2.6		Lao động sư phạm và sự tôn vinh của xã hội đối với nhà giáo
2.7		Tìm hiểu các văn bản chỉ đạo của Bộ liên quan đến hoạt động giáo dục, giảng dạy ở trường tiểu học
Chương 3		
Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách người giáo viên tiểu học		
3.1		Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách và uy tín nhà giáo
3.2		Đạo đức nhà giáo
3.3		Nhân cách nhà giáo
3.4		Thực hành phẩm chất, đạo đức, nhân cách
3.5		Yêu cầu về phẩm chất, đạo đức, nhân cách và uy tín nhà giáo

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Quốc hội (2019), Luật giáo dục, số 43/2019/QH14; TL2. Quốc hội (2010), Luật viên chức số 58/2010/QH12; TL3. Bộ GD&ĐT, Điều lệ trường tiểu học.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Nguyễn Văn Giang (2020), Bài giảng Nhập môn Giáo dục Tiểu học. TK2. Bộ GD&ĐT (2016), Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT

TK3. Bộ GD&ĐT (2018), Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT; TK4. Bộ GD&ĐT (2018), Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

15. Tâm lý học sư phạm

1. Học phần: **TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM TIỂU HỌC**

2. Tên học phần (tiếng Anh): **PSYCHOLOGY OF PEDAGOGICAL ELEMENTARY**

3. Số tín chỉ: **04**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 34 tiết, thực hành: 26 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần

Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Sinh viên phải phát biểu và phân tích được: - Quy luật chung của sự phát triển tâm lý con người, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý của con người. - Những điều kiện phát triển và những đặc trưng tâm lý chủ yếu của lứa tuổi học sinh tiểu học.
2	MT2	Sinh viên phải phát biểu và phân tích được: - Hoạt động học tập – hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học - Các hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động xã hội, hoạt động văn hóa nghệ thuật của học sinh tiểu học.
3	MT3	Sinh viên phải phát biểu và phân tích được: - Những quy luật tâm lý của sự hình thành tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh tiểu học. - Cơ sở tâm lý học của việc dạy học cho học sinh tiểu học - Cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học.
4	MT4	Sinh viên phải phát biểu và phân tích được: Những đặc thù của lao động sư phạm, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học.
		Kỹ năng cứng : Vận dụng kiến thức để:

5	MT5	+ Giải thích các nguyên nhân thành công hay thất bại của các tác động sư phạm. + Đề xuất, thể hiện những tác động sư phạm khoa học trong quá trình dạy học và giáo dục.
6	MT6	Kỹ năng mềm: + Hình thành kỹ năng hợp tác với người khác trong hoạt động. + Hình thành kỹ năng thuyết trình vấn đề. + Hình thành kỹ năng đặt câu hỏi. + Hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề. + Hình thành kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.
7	MT7	Thái độ: + Đánh giá đúng vị trí, vai trò của tâm lý học đối với lao động sư phạm, từ đó có ý thức trong việc học tập, rèn luyện, tự giáo dục để trở thành người giáo viên tốt trong tương lai.
8	MT8	Thái độ: + Tích cực vận dụng kiến thức tâm lý học vào thực tế và nghề nghiệp trong tương lai.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Người học có hiểu biết qui luật chung của sự phát triển tâm lý con người, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý của con người.
2	CDR2	Người học có hiểu biết về những điều kiện phát triển và những đặc trưng tâm lý chủ yếu của lứa tuổi học sinh tiểu học
3	CDR3	Người học có hiểu biết về hoạt động học tập – hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học; Các hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động văn hóa nghệ thuật của học sinh tiểu học.
4	CDR4	Người học có hiểu biết về cơ chế lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh tiểu học
5	CDR5	Người học có hiểu biết về cơ sở tâm lý học của việc dạy học cho học sinh tiểu học
6	CDR6	Người học có hiểu biết về cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học
7	CDR7	Người học có hiểu biết về đặc trưng của lao động sư phạm, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học

8	CĐR8	Người học giải thích được các nguyên nhân thành công hay thất bại của các tác động sư phạm. Người học thể hiện sự tích cực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế và nghề nghiệp trong tương lai
9	CĐR9	Người học có kỹ năng hợp tác với người khác trong hoạt động, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
1	X								X
2	X	X						X	X
3	X	X						X	X
4		X						X	X
5			X					X	X
6				X	X	X		X	X
7							X	X	X

Phân bố thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Chương 1: Nhập môn tâm lý học sư phạm	4	2	6
2	Chương 2: Đặc điểm phát triển lứa tuổi học sinh tiểu học	14	12	26
3	Chương 3: Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học bậc Tiểu học	8	8	16
4	Chương 4: Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức ở bậc Tiểu học	4	2	6
5	Chương 5: Tâm lý học nhân cách người giáo viên tiểu học	4	2	6
Tổng		34	26	60

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo về những nội dung liên quan trước khi đến lớp;
- Tham gia làm bài tập nhóm, bài tập cá nhân;
- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo các quy định hiện hành.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
1. Thường xuyên nhận xét thái độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của từng SV.	x	X	x	X					
2. Đánh giá hoạt động của nhóm	x	X	x	X					
3. Kiểm tra viết	x	X		X					
4. Thi.	x	X		X					

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC SỰ PHẠM		
1.1.		Khái quát chung về tâm lý học và tâm lý học sự phạm
	1.1.1	Khái quát về tâm lý học
	1.1.2	Khái quát về tâm lý học sự phạm
1.2.		Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học sự phạm
	1.2.1	Những nguyên tắc nghiên cứu tâm lý học sự phạm
	1.2.2	Những phương pháp nghiên cứu tâm lý học sự phạm
		Tài liệu học tập
	TL1	Đọc chương 1, giáo trình [1]
	TL2	Đọc chương 1, giáo trình [2]
	TL3	Đọc chương 1, tài liệu tham khảo [4]
CHƯƠNG 2		
ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ HỌC SINH TIỂU HỌC		
2.1.		Quan điểm và quy luật về sự phát triển tâm lý trẻ em
	2.1.1	Quan điểm về sự phát triển tâm lý trẻ em
	2.1.2	Các quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em
2.2.		Đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học
	2.2.1	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học
	2.2.2	Đặc điểm phát triển nhân cách của lứa tuổi học sinh tiểu học
		Tài liệu học tập

	TL1.	Độc chương 3 giáo trình [1]
	TL2.	Độc chương 2 giáo trình [2]
	TL3	Độc chương 3 tài liệu tham khảo [1]
	TL4	Độc chương 4, 5 giáo trình [1]
	TL5	Độc chương 5 , tài liệu tham khảo [1]
	TL6	Độc chương 5,6,7,8, tài liệu tham khảo [2]
CHƯƠNG 3		
CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC BẬC TIỂU HỌC		
3.1.		Hoạt động học
	3.1.1	Các lý thuyết học tập
	3.1.2	Hoạt động học
3.2.		Hoạt động dạy
	3.2.1	Khái niệm hoạt động dạy
	3.2.2	Đặc điểm tâm lý của hoạt động dạy
	3.2.3	Cấu trúc hoạt động dạy
	3.2.4	Các hướng dạy học tăng cường phát triển năng lực cho người học
		Tài liệu học tập
	TL1	Độc chương 6 giáo trình [1]
	TL2	Độc chương 3 , giáo trình [2]
	TL3	Độc chương 6 tài liệu tham khảo [1]
CHƯƠNG 4		
CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở BẬC TIỂU HỌC		
4.1.		Khái niệm đạo đức, hành vi đạo đức
4.2.		Một số vấn đề cơ bản của tâm lý học giáo dục tiểu học
4.3.		Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức (1 tiết)
		Các nhân tố tham gia vào việc giáo dục đạo đức cho HSTH(gia đình, nhà trường, xã hội, tự giáo dục)
		Tài liệu học tập
	TL1	Độc chương 7 giáo trình [1]
	TL2	Độc chương 3 giáo trình [2]
	TL3	Độc chương 7, tài liệu tham khảo [1]
	TL4	Độc chương 10, 11 tài liệu tham khảo [2]
CHƯƠNG 5		
TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC		
5.1.		Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên tiểu học
	5.1.1	Nhiệm vụ, vai trò của người giáo viên tiểu học
	5.1.2	Đặc thù lao động của người giáo viên tiểu học
5.2		Cấu trúc nhân cách của người giáo viên tiểu học
	5.2.1	Những phẩm chất của người giáo viên tiểu học

	5.2.2	Năng lực sư phạm của người giáo viên tiểu học
5.3		Các con đường tự hoàn thiện nhân cách của người giáo viên tiểu học
	5.3.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện nhân cách của người giáo viên tiểu học
	5.3.2	Các con đường hình thành và tự hoàn thiện nhân cách của người GV TH
		Tài liệu học tập
	TL1	Đọc chương 8 giáo trình [1]
	TL2	Đọc chương 9 giáo trình [2]
	TL3	Đọc chương 8 tài liệu tham khảo [1]
	TL4	Đọc chương 9 tài liệu tham khảo [2]

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình

[1] Bùi Văn Huệ, Tâm lý học tiểu học, NXB ĐHSP Hà Nội- Năm 2004

[2] Bùi Văn Huệ, Tâm lý học - NXB QGHN Hà Nội 1996

[3] Nguyễn Đình Chính - Nguyễn Văn Lũy – Phạm Ngọc Uyển, Sư phạm học tiểu học – NXBGD – Năm 2006

[4] Lê Văn Hồng- Lê Ngọc Lan- Nguyễn Văn Thành , *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội – Năm 2007

[5] Lê Quang Sơn, TLH lứa tuổi và TLH sư phạm, NXB Đà Nẵng – năm 2011.

[6] Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương* – NXB ĐHQG Hà Nội – Năm 2007

[7] Trần Trọng Thủy, *Tâm lý học* - NXB giáo dục – Năm 1982

13.2. Tài liệu tham khảo

[8] Tâm lý học (Tài liệu dùng cho các trường Trung học sư phạm) - Tổ tâm lý học – Viện nghiên cứu khoa học giáo dục – NXBGD – Năm 1975

[9] Lê Thanh Vân, *Giáo trình Sinh lý học trẻ em*, NXB ĐHQG Hà Nội Năm 2007

[10] A.V.Pêtrôski, *Tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm* – Tập 1 - NXBGD –1982

[11] A.V.Pêtrôski, *Tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm* – Tập 1 - NXBGD - 1982

[12] V.A. Cruchetxki, *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm* - Tập 1- NXBGD – Năm 1981

[13] V.A. Cruchetxki, *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm* - Tập 2- NXBGD – Năm 1981

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

15. Giáo dục học Tiểu học (1)**1. Tên học phần: GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC (1)****2. Tên học phần (Tiếng Anh): PRIMARY SCHOOL EDUCATION (1)****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần**

Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của lí luận chung về giáo dục học. Đó là đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, các phạm trù cơ bản của giáo dục học; mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển cá nhân và xã hội; mục đích, nhiệm vụ giáo dục, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; vấn đề phổ cập giáo dục; người giáo viên trong nhà trường tiểu học

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về giáo dục học như tính chất, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học; phân tích xu thế phát triển giáo dục Việt Nam và thế giới; xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách
2	MT2	Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hiện tượng giáo dục; Có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng giáo dục; Dự kiến được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục
3	MT3	Có hứng thú học tập và nghiên cứu môn Giáo dục học cũng như các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục; Có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai; Có niềm tin sự phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ.

9. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã chuẩn đầu ra của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Nêu và phân tích được các đặc trưng của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội.
2	CDR2	Hiểu và phân tích được các tính chất của giáo dục; Chỉ ra được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học.
3	CDR3	Phân tích được các xu thế phát triển của giáo dục trên thế giới và Việt Nam.

4	CDR4	Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, khái niệm và vai trò của các yếu tố
5	CDR5	Nêu và phân tích được các chức năng của giáo dục
6	CDR6	Nêu được khái niệm mục tiêu giáo dục; Phân tích được ý nghĩa của việc xác định đúng đắn mục tiêu giáo dục; Trình bày được mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Tìm hiểu và phân tích việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong tiểu học hiện nay.
7	CDR7	Xác định và phân tích được cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.
8	CDR8	Liệt kê và phân tích được các con đường giáo dục ở trường tiểu học
9	CDR9	Trình bày được vị trí, chức năng; đặc điểm của lao động; phẩm chất, năng lực của người giáo viên tiểu học
10	CDR10	Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hiện tượng giáo dục.
11	CDR11	Dự kiến được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục
12	CDR12	Có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng giáo dục

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CDR 1	CD R 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CD R 9	CD R1 0	CDR 1 1	CD R1 2
1	X	X	X		X					X		
2				X								
3						X	X					
4								X				
5									X		X	X

Phân bổ thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng số
1	Chương 1. Giáo dục học là 1 khoa học về giáo dục con người	6	2	8
2	Chương 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách	2	2	4
3	Chương 3. Mục tiêu giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	6	2	8
4	Chương 4. Nguyên lý và các con đường giáo dục ở tiểu học	2	2	4
5	Chương 5. Người giáo viên tiểu học	4	2	6

Tổng	20	10	30
-------------	-----------	-----------	-----------

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo về những nội dung liên quan trước khi đến lớp
- Tham gia làm bài tập nhóm, bài tập cá nhân
- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo quy định hiện hành

11. Đánh giá sinh viên:**Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá**

Chương	CĐ R1	CĐ R2	CĐ R3	CĐ R4	CĐ R5	CĐ R6	CĐ R7	CĐ R8	CĐ R9	CĐ R10	CĐ R11	CĐ R12
1		X										
2				X								
3						X						
4								X				
5									X		X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC	NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1	
GIÁO DỤC HỌC LÀ KHOA HỌC VỀ GIÁO DỤC CON NGƯỜI	
1.1.	Giáo dục là một hiện tượng xã hội
1.1.1.	Đặc trưng của giáo dục
1.1.2.	Tính chất của giáo dục
1.1.3.	Chức năng của giáo dục
1.2.	Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục học
1.2.1.	Vài nét về sự ra đời của giáo dục học
1.2.2.	Quá trình sự phạm - đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học
1.2.3.	Các nhiệm vụ của giáo dục học
1.2.4.	Mối quan hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác.
1.3.	Các phạm trù cơ bản của giáo dục học
1.3.1.	Giáo dục (nghĩa rộng)
1.3.2.	Dạy học

	1.3.3.	Giáo dục (nghĩa hẹp)
1.4.		Các phương pháp nghiên cứu của giáo dục học
	1.4.1.	Khái niệm
	1.4.2.	Hệ thống phương pháp nghiên cứu của giáo dục học
1.5.		Xu thế phát triển của giáo dục
	1.5.1.	Bốn trụ cột của giáo dục
	1.5.2.	Học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập
CHƯƠNG 2		
GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH		
2.1.		Một số khái niệm cơ bản
2.2.		Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách
	2.2.1.	Bẩm sinh, di truyền
	2.2.2.	Môi trường
	2.2.3.	Giáo dục
	2.2.4.	Hoạt động cá nhân
CHƯƠNG 3		
MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN Ở VIỆT NAM		
3.1		Khái niệm mục tiêu giáo dục
	3.1.1	Khái niệm mục tiêu giáo dục
	3.1.2	Ý nghĩa của việc xác định mục tiêu giáo dục
3.2		Mục tiêu giáo dục Việt Nam
	3.2.1	Cơ sở khoa học để xác định mục tiêu giáo dục
	3.2.2	Mục tiêu giáo dục Việt Nam
3.3.		Những nhiệm vụ giáo dục
	3.3.1.	Giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức
	3.3.2.	Giáo dục trí tuệ
	3.3.3.	Giáo dục lao động
	3.3.4.	Giáo dục thẩm mỹ
	3.3.5.	Giáo dục thể chất
3.4.		Hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam
	3.4.1.	Khái niệm
	3.4.2.	Nguyên tắc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
	3.4.3.	Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
3.5.		Phổ cập giáo dục
	3.5.1.	Khái niệm
	3.5.2.	Ý nghĩa
	3.5.3.	Mục tiêu và chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học
	3.5.4.	Các biện pháp thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

CHƯƠNG 4 NGUYÊN LÝ VÀ CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC		
4.1.		Nguyên lý giáo dục
	4.1.1.	Khái niệm
	4.1.2.	Nội dung các nguyên lý giáo dục
4.2.		Con đường giáo dục
	4.2.1	Khái niệm
	4.2.2	Các con đường giáo dục
CHƯƠNG 5 NGƯỜI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC		
5.1		Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên
5.2		Đặc điểm của lao động sư phạm
5.3		Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên TH
5.4		Quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách người giáo viên

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính

TL1. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), Giáo dục học tập 1, NXB Giáo dục, HN

TL2. Nguyễn Văn Giang, Bài giảng Giáo dục học tiểu học 1, năm 2021

13.2. Tài liệu tham khảo

TK1. Raja Joy Singh (1994), Nền giáo dục thế kỷ thứ 21, Những triển vọng của Châu Á Thái Bình Dương, UNESCO.

TK2. Phạm Viêt Vượng (1996), Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục, NXB ĐHQG, HN.

TK3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Giáo dục 2005

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

16. Giáo dục học Tiểu học (2)**1. Tên học phần: GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC (2)****2. Tên học phần (Tiếng Anh): PRIMARY SCHOOL EDUCATION (2)****3. Số tín chỉ: 03****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 29 tiết, thực hành: 16 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Giáo dục học Tiểu học (1)****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần**

Học phần này trình bày một cách hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam về Giáo dục học, gồm: Quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Quá trình giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Quá trình giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp.
2	MT2	Biết cách lựa chọn và vận dụng nội dung dạy học, giáo dục vào hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học, các hình thức kiểm tra đánh giá; biết xử lý các tình huống trong dạy học và giáo dục; lập kế hoạch chủ nhiệm lớp và kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục; hình thành kỹ năng công tác với các lực lượng giáo dục
3	MT3	Có thái độ đúng đắn đối với việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục; việc thực hiện các nguyên tắc dạy học và giáo dục; hình thành yêu nghề sư phạm cũng như rèn luyện các phẩm chất nhân cách nhà giáo

9. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã chuẩn đầu ra của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Nêu và phân tích được khái niệm, cấu trúc, bản chất đặc điểm động lực và logic của QTDH và QTGD
2	CDR2	Liệt kê và phân tích được các nguyên tắc dạy học và các nguyên tắc giáo dục

3	CĐR3	Trình bày và phân tích được các nội dung dạy học và nội dung giáo dục
4	CĐR4	Trình bày và phân tích được khái niệm PPDH và PPGD và việc sử dụng các phương pháp đó; các ưu nhược điểm cũng như cách thức vận dụng của các phương pháp dạy học, giáo dục.
5	CĐR5	Liệt kê và phân tích được khái niệm hình thức tổ chức dạy học, giáo dục; các ưu nhược điểm cũng như cách thức vận dụng của các hình thức tổ chức dạy học, giáo dục.
6	CĐR6	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ; nội dung và phương pháp; phẩm chất và năng lực của GVCN.
7	CĐR7	Biết cách lựa chọn và vận dụng nội dung dạy học, giáo dục vào hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp với mục tiêu.
8	CĐR8	Biết cách lựa chọn và vận dụng các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học, các hình thức kiểm tra đánh giá.
9	CĐR9	Biết cách lựa chọn và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc điểm đối tượng cũng như các tình huống giáo dục cụ thể
10	CĐR10	Kỹ năng vận dụng tri thức để phân tích hiện thực giáo dục và đánh giá các quan điểm giáo dục.
11	CĐR11	Biết xử lý các tình huống trong dạy học và giáo dục
12	CĐR12	Biết lập kế hoạch chủ nhiệm lớp và kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục
13	CĐR13	Bước đầu hình thành kỹ năng công tác với các lực lượng giáo dục

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13
1	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
2	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
3						X	X	X	X	X	X	X	X

Phân bổ thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng số
1	Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học tiểu học	10	5	15

2	Chương 2: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quá trình giáo dục tiểu học	10	5	15
3	Chương 3: Công tác chủ nhiệm lớp trong nhà trường tiểu học	9	6	15
Tổng		29	16	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo về những nội dung liên quan trước khi đến lớp

- Tham gia làm bài tập nhóm, bài tập cá nhân

- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo quy định hiện hành

11. Đánh giá sinh viên:**Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá**

Chương	CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 3	CĐ Đ R 4	CĐ Đ R 5	CĐ Đ R 6	CĐ Đ R 7	CĐ Đ R 8	CĐ Đ R 9	CĐ Đ R 0	CĐ Đ R 1	CĐ Đ R 2	CĐ Đ R 13
1	X	X	X	X	X								
2	X	X	X	X	X								
3						X	X	X	X	X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như

sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC	NỘI DUNG CHI TIẾT
Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
1.1.	Khái quát chung về quá trình dạy học
1.1.1.	Quá trình dạy học với tư cách là một hệ thống
1.1.2.	Các nhiệm vụ dạy học
1.1.3.	Bản chất của quá trình dạy học
1.1.4.	Động lực và logic của quá trình dạy học

1.2.		Nguyên tắc dạy học
	1.2.1.	Khái niệm nguyên tắc dạy học.
	1.2.2.	Khái niệm nguyên tắc dạy học.
1.3.		Nội dung dạy học
	1.3.1.	Khái niệm nội dung dạy học.
	1.3.2.	Các nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng nội dung dạy học và vấn đề đổi mới nội dung dạy học.
	1.3.3.	Nội dung dạy học ở Tiểu học
1.4.		Phương pháp dạy học
	1.4.1.	Khái niệm về phương pháp dạy học
	1.4.2.	Hệ thống các phương pháp dạy học
	1.4.3.	Lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học.
1.5.		Hình thức tổ chức dạy học
	1.5.1.	Khái niệm
	1.5.2.	Các hình thức tổ chức dạy học ở Tiểu học
Chương 2 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC		
2.1.		Khái quát chung về quá trình giáo dục
	2.1.1.	Khái niệm, cấu trúc của quá trình giáo dục
	2.1.2.	Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục
	2.1.3.	Đồng lực và logic của quá trình giáo dục
	2.1.4.	Tự giáo dục và giáo dục lại
2.2.		Nguyên tắc giáo dục
	2.2.1.	Khái niệm nguyên tắc giáo dục
	2.2.2.	Hệ thống các nguyên tắc giáo dục
2.3.		Nội dung giáo dục
	2.3.1.	Khái niệm.
	2.3.2.	Nội dung giáo dục ở Tiểu học
2.4.		Phương pháp giáo dục
	2.4.1.	Khái niệm phương pháp giáo dục
	2.4.2.	Hệ thống các phương pháp giáo dục
Chương 3 CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC		
3.1		Chức năng và nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học
	3.1.1	Chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp

	3.1.2	Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp
3.2		Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp
	3.2.1	Với tập thể học sinh
	3.2.2	Với các giáo viên khác
	3.2.2	Với cha mẹ học sinh
	3.2.2	Xây dựng kế hoạch công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp
3.3.		Những phẩm chất và năng lực chủ yếu của giáo viên chủ nhiệm lớp
	3.3.1.	Những phẩm chất chủ yếu
	3.3.2.	Những năng lực sư phạm
3.4.		Tổ chức hoạt động giáo dục

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính

TL1. Hà Thế Ngữ-Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học T2 NXB Giáo dục, 1987

TL2. Nguyễn Văn Giang, Bài giảng Giáo dục học tiểu học 2, năm 2021

13.2. Tài liệu tham khảo

TK1. Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Đình Chính (1989), Thực hành giáo dục học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK2. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng (1995), Tổ chức hoạt động giáo dục, Hà Nội.

TK3. Raja Joy Singh (1994), Nền giáo dục thế kỷ thứ 21, Những triển vọng của Châu Á Thái Bình Dương, UNESCO.

TK4. Phạm Viết Vượng (1996), Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục, NXB ĐHQG, HN.

TK5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Giáo dục 2005

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

TS. Nguyễn Văn Giang

ThS. Nguyễn Thị Trúc Phương

17. Giáo tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học**1. Học phần: GIAO TIẾP SƯ PHẠM CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): PEDAGOGICAL COMMUNICATION OF ELEMENTARY SCHOOL TEACHERS****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 10 tiết, thực hành: 20 tiết, tự học: 0****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần Giao tiếp Sư phạm thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm. Nội dung của học phần được bao gồm 2 chương:

Chương 1: Lý thuyết về giao tiếp sư phạm

Chương này trình bày một cách khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp sư phạm như: khái niệm giao tiếp, giao tiếp sư phạm; những phương diện của giao tiếp sư phạm; những yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm.

Chương 2: Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm

Chương này rèn luyện một cách hệ thống nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản như: Kỹ năng định hướng, kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng kết thúc quá trình giao tiếp sư phạm.

8. Mục tiêu của học phần

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
	MT1	- Trình bày được khái niệm giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Mô tả được các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các yếu tố của giao tiếp sư phạm gồm: mục đích, nội dung, chức năng, đặc trưng, phương tiện, nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm.
		- Trình bày được các kỹ năng giao tiếp sư phạm gồm: Kỹ năng định hướng trong giao tiếp sư phạm, kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi khi đứng lớp, kỹ năng cho thông tin phản hồi, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng kết thúc quá trình giao tiếp.

2.	MT2	- Có khả năng định hướng trong giao tiếp sư phạm Biết cách tạo ấn tượng ban đầu khi giao tiếp - Biết cách kiểm soát cảm xúc bản thân - Có kỹ năng sử dụng hợp lý các phương tiện giao tiếp Có kỹ năng lắng nghe hiệu quả trong quá trình giao tiếp Có kỹ năng đặt câu hỏi khi đứng lớp - Có kỹ năng cho thông tin phản hồi tích cực Có kỹ năng tiến hành bài thuyết trình hiệu quả - Có khả năng xử lý khéo các tình huống sư phạm - Có kỹ năng kết thúc quá trình giao tiếp
3.	MT3	Nhận ra được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp, từ đó có ý thức rèn luyện và không ngừng nâng cao hiệu quả giao tiếp

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, các giai đoạn và các yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm
2.	CDR2	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
3.	CDR3	Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện giao tiếp
4.	CDR4	Vận dụng được các phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp
5.	CDR5	Trình bày được các kỹ năng giao tiếp sư phạm
6.	CDR6	Có khả năng định hướng trong giao tiếp sư phạm
7.	CDR7	Tạo ấn tượng tốt, biết lắng nghe và quản lý cảm xúc của bản thân.
8.	CDR8	Có khả năng đặt câu hỏi khi đứng lớp, cho thông tin phản hồi tích cực
9.	CDR9	Có khả năng thực hiện bài thuyết trình hiệu quả
10.	CDR10	Có khả năng xử lý khéo các tình huống sư phạm

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
1.	x	x	x	x	x					
2.						x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo	Tổng số

			luận^(*)	
1.	Lý thuyết về giao tiếp sư phạm	10	5	15
2.	Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm	0	15	15
Tổng		10	20	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR1
Kiểm tra thường xuyên	x	x	x	x	x					
Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành nhóm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thi cuối học kỳ (bài vấn đáp, thực hành cá nhân)		x	x	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Mục		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1		
LÝ THUYẾT VỀ GIAO TIẾP SƯ PHẠM		
1.1		Khái quát về giao tiếp sư phạm
	1.1.1	Khái quát về giao tiếp
	1.1.2	Khái quát về giao tiếp sư phạm
1.2		Nguyên tắc và phương tiện và phong cách giao tiếp sư phạm

	1.2.1	Nguyên tắc giao tiếp sư phạm
	1.2.2	Phương tiện giao tiếp sư phạm
	1.2.3	Phong cách giao tiếp sư phạm
1.3		Kỹ năng giao tiếp sư phạm
	1.3.1	Kỹ năng giao tiếp
	1.3.2	Kỹ năng giao tiếp sư phạm
		Tài liệu học tập
	TL1	Đề cương bài giảng giao tiếp sư phạm, tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường ĐHSP Đà Nẵng, 2015.
	TK9	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, <i>Giáo trình giao tiếp sư phạm</i> . Nxb Đại học Sư phạm 2014.
	TK5	Chu Văn Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Kỹ năng giao tiếp</i> , NXB Hà Nội, 2005.
CHƯƠNG 2		
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP SƯ PHẠM		
2.1		Rèn luyện kỹ năng định hướng trong giao tiếp sư phạm
2.2		Rèn luyện kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp
2.3		Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc
2.4		Rèn luyện kỹ năng lắng nghe
2.5		Rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi khi đứng lớp
2.6		Rèn luyện kỹ năng cho thông tin phản hồi
2.7		Rèn luyện kỹ năng thuyết trình
2.8		Rèn luyện kỹ năng kết thúc quá trình giao tiếp
2.9		Rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm
		Tài liệu học tập
	TL1	Đề cương bài giảng giao tiếp sư phạm, tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường ĐHSP Đà Nẵng, 2015.
	TK9	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, <i>Giáo trình giao tiếp sư phạm</i> . Nxb Đại học Sư phạm 2014
	TK5	Chu Văn Đức (chủ biên), <i>Giáo trình Kỹ năng giao tiếp</i> , NXB Hà Nội, 2005.
	TK10	Bùi Thị Mùi, <i>Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh phổ thông</i> , Nxb Đại học Sư phạm 2005
	TK11	Vũ Mạnh Quỳnh, <i>Ứng xử sư phạm những điều cần biết</i> , Nxb Thời đại 2009
	TK12	Lã Văn Mến, <i>Cấu trúc tình huống sư phạm</i> , tạp chí Tâm lý học số 11/2004.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu bắt buộc

TL1. Nguyễn Văn Giang, Bài giảng Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học, năm 2021

13.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Hoàng Anh –Đỗ Thị Châu, 300 tình huống giao tiếp sư phạm, Nxb Giáo dục 2008.
- [3] Hoàng Anh - Vũ Kim Thanh, Giao tiếp sư phạm, HN 1995.
- [4] Nguyễn Văn Đồng, Tâm lý học giao tiếp, Nxb Chính trị - Hành chính, 2009
- [5] Chu Văn Đức (chủ biên), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp, NXB Hà Nội, 2005.
- [6] Ngô Công Hoàn- Hoàng Anh, Giao tiếp sư phạm, Nxb Giáo dục 1998.
- [7] Bùi Văn Huệ - Nguyễn Trí - Trọng Hoàn - Hoàng Thị Xuân Hoa, Nghệ thuật ứng xử sư phạm, Nxb ĐHSP 2003
- [8] Nguyễn Văn Lê, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, Nxb GD 1998
- [9] Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, *Giáo trình giao tiếp sư phạm*. Nxb Đại học Sư phạm 2014.
- [10] Bùi Thị Mùi, *Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm 2005
- [11] Vũ Mạnh Quỳnh, *Ứng xử sư phạm những điều cần biết*, Nxb Thời đại 2009
- [12] Lã Văn Mến, *Cấu trúc tình huống sư phạm*, tạp chí Tâm lý học số 11/2004.
- [13] Một số tài liệu học tập từ internet

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

TS. Nguyễn Văn Giang

ThS. Nguyễn Thị Trúc Phương

18. Giáo dục hòa nhập ở trường Tiểu học:**1. Học phần: GIÁO DỤC HOÀ NHẬP Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC****2. Tên học phần (Tiếng Anh): INCLUSIVE EDUCATION IN PRIMARY SCHOOL****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 25 tiết, thực hành: 5 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần**

Học phần này trình bày một cách có hệ thống các tri thức về một số vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, tiến hành giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học và cách hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về trẻ khuyết tật, về mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ từng dạng tật khi học hòa nhập
2	MT2	Thực hiện có hiệu quả việc giáo dục trẻ khuyết tật ở tất cả các dạng tật trong lớp hoà nhập; Tham gia vào hoạt động tư vấn và xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng.
3	MT3	Yêu nghề, có ý thức trách nhiệm trong việc giáo dục học sinh đặc biệt là học sinh khuyết tật.

9. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã chuẩn đầu ra của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	- Có được hiểu biết cơ bản về trẻ khuyết tật, về mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật.
2	CĐR2	- Mô tả được khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật
3	CĐR3	- Thực hiện có hiệu quả việc giáo dục trẻ khuyết tật ở tất cả các dạng tật trong lớp hoà nhập.
4	CĐR4	- Tham gia vào hoạt động tư vấn và xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng.
5	CĐR5	- Yêu nghề, có ý thức trách nhiệm trong việc giáo dục học sinh đặc biệt là học sinh khuyết tật.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
--------	------	------	-------	-------	-------

1	X				X
2		X	X		X
3				X	X

Phân bổ thời gian theo tiết cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng số
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học	5		5
2	Chương 2. Giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học	17	5	22
3	Chương 3. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học hòa nhập	3		3
Tổng		25	5	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo về những nội dung liên quan trước khi đến lớp.
- Tham gia làm bài tập nhóm, bài tập cá nhân
- Tham gia đầy đủ các buổi học, buổi kiểm tra, buổi thi theo quy định hiện hành

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Chương	CDR1	CDR2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1	X	X	X	X	X
2		X	X	X	X
3				X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100 %

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC	NỘI DUNG CHI TIẾT
	Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP

Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC		
1.1.		Những vấn đề về trẻ khuyết tật
	1.1.1.	Khái niệm trẻ khuyết tật
	1.1.2.	Phân loại trẻ khuyết tật
	1.1.3.	Nguyên nhân gây khuyết tật
	1.1.4.	Các hình thức giáo dục trẻ khuyết tật
1.2.		Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật
	1.2.1.	Khái niệm về giáo dục hoà nhập
	1.2.2.	Tính tất yếu của giáo dục hoà nhập
	1.2.3.	Quy trình giáo dục hoà nhập
Chương 2 GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC		
2.1.		Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thị
2.2.		Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính
2.3.		Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm phát triển trí tuệ
2.4.		Giáo dục hòa nhập cho học sinh có khó khăn về ngôn ngữ
2.5.		Giáo dục hòa nhập cho học sinh tự kỉ
Chương 3 HỖ TRỢ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP		
3.1		Xây dựng vòng tay bạn bè cho học sinh khuyết tật trong trường hòa nhập
	3.1.1	Tổ chức học sinh trong nhà trường
	3.1.2	Xây dựng nhóm bạn bè
3.2		Nhóm hỗ trợ cộng đồng trong giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học hòa nhập
	3.2.1	Vai trò của cộng đồng trong giáo dục hòa nhập
	3.2.2	Xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng
	3.2.3	Quá trình xây dựng kế hoạch và tiến hành hỗ trợ cho 1 trẻ khuyết tật tại cộng đồng

13. Tài liệu học tập:

[1] Lê Văn Tạc (chủ biên) (2006), Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học, NXB Lao động xã hội.

[2] (2006), Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục.

[3] Trung tâm tật học, (2000), Dạy học hoà nhập cho trẻ khuyết tật, NXB chính trị Quốc gia.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2000), Kỹ năng dạy hoà nhập trẻ khuyết tật, Dự án lớp linh hoạt, HN.

14. Phê duyệt**Tổ bộ môn****Trưởng khoa**

19. Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở Tiểu học

1. Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học

2. Tên học phần (tiếng Anh): **Scientific Research Methodology In Primary Education**

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 19 tiết, thực hành: 11 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong các trường tiểu học để thấy rõ: khả năng ứng dụng cao của một nghiên cứu khoa học trong lớp học, trường tiểu học; những ưu điểm nổi trội của cách làm này với NCKH truyền thống, đặc biệt đối với giáo viên tiểu học; giáo viên có thể phổ biến kết quả nghiên cứu trên phạm vi trường, tỉnh, cả nước cũng như có thể học tập từ đồng nghiệp ở khắp nơi.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của HP	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học.
2	MT2	Kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu, lập đề cương nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phân tích dữ liệu, viết báo cáo toàn văn và bảo vệ đề tài đã thực hiện trước hội đồng.
3	MT3	Tự tin, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong triển khai nghiên cứu và ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ở trường tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của HP	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Hiểu rõ các khái niệm về nghiên cứu khoa học, khoa học sư phạm ứng dụng; quy trình, các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; cách thức lập đề cương, thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu.
2	CDR2	Áp dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để lập được đề cương nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu.
3	CDR3	Vận dụng kiến thức, kỹ năng để triển khai nghiên cứu một cách hiệu quả, đáp ứng mục đích đã đề ra.
4	CDR4	Viết báo cáo toàn văn và tổ chức bảo vệ kết quả nghiên cứu.

5	CDR5	Tự tin và tự chủ trong hoạt động nghiên cứu cũng như triển khai ứng dụng và thực tiễn công tác.
---	------	---

Ma trận quan hệ giữ mục tiêu học phần và CDR của học phần:

MT \ CDR	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
MT1	H				
MT2		H	H	H	
MT3					H

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	H				
2		H	H		H
3		H		H	H

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/thảo luận(*)	Tổng số
1	Giới thiệu về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	5	3	8
2	Các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	8	5	14
3	Phân tích dữ liệu thu thập trong NCKHSPUD	6	3	8
Tổng		19	11	30

(*) Ghi chú: Số tiết thực hành/thảo luận thực hiện trên lớp bằng số tiết lý thuyết.

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, bài thực hành, thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên bộ môn.

- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chuyên cần, hoàn thành bài tập được giao	x				

Kiểm tra tự luận/báo cáo/thực hành giữa kỳ	x	x	x		
Thi tự luận cuối kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Mục	CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG
	1.1.	Khái niệm NCKHSPUD
	1.2.	Ý nghĩa của NCKHSPUD đối với giáo viên tiểu học
	1.3.	Những khó khăn khi thực hiện NCKHSPUD
	1.4.	Bản chất của NCKHSPUD
CHƯƠNG 2 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH MỘT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG		
	2.1.	Xác định vấn đề nghiên cứu và XD giả thuyết nghiên cứu
	2.2.	Thực hành xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng giả thuyết nghiên cứu
	2.3.	Tìm hiểu về thiết kế nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng
	2.4.	Thiết kế NCKHSPUD phù hợp với điều kiện giáo dục Việt Nam
	2.5.	Các loại dữ liệu trong NCKHSPUD và PP thu thập dữ liệu
	2.6.	Độ tin cậy và độ giá trị trong NCKHSPUD
CHƯƠNG 3 Phân tích dữ liệu thu thập trong NCKHSPUD		
	3.1.	Ý nghĩa của việc sử dụng thống kê trong NCKHSPUD
	3.2.	Phân tích dữ liệu và đưa ra kết quả để trả lời cho vấn đề nghiên cứu
	3.3.	Mối quan hệ giữa thống kê với thiết kế nghiên cứu trong NCKHSPUD

13. Tài liệu học tập:

14.1 Giáo trình chính

TL1. Bộ GD&ĐT (2007), *Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học*, Dự án Việt – Bỉ;

14.2 Tài liệu tham khảo

TK1. Vũ Cao Đàm (2009), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXBGD. TK2. Bộ GD&ĐT (2006), *SGK lớp 1, 2, 3, 4, 5, NXB GD*; TK3. Quy định thực hiện đề tài NCKH SPUĐ và sáng kiến của Sở GD&ĐT Kon Tum.

15. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

TS. Nguyễn Văn Giang

ThS. Nguyễn Thị Trúc Phương

20. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo

1. Học phần: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

2. Tên học phần (Tiếng Anh): STATE MANAGEMENT ON EDUCATION AND TRAINING

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 22 tiết, thực hành: 8 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, đường lối, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay, giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân, có khả năng tham gia chủ động, tích cực vào quá trình xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhà nước và quản lý hành chính nhà nước; quản lý hành chính nhà nước về giáo dục; đường lối phát triển giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục và các luật liên quan; Điều lệ nhà trường và những quy định đối với giáo viên.
2	MT2	Thực hiện đúng chức trách khi tham gia các hoạt động giáo dục; có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về quản lý giáo dục, quản lý trường, lớp học; có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý giáo dục và hoạt động nghề nghiệp.
3	MT3	Hình thành cho sinh viên hứng thú học tập và nghiên cứu môn Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo cũng như các hoạt động liên quan đến quản lý giáo dục trong nghề nghiệp tương lai; có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để có chuẩn mực người giáo viên tương lai; hình thành niềm tin sự phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ.

9. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã chuẩn đầu ra của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR 1	Phân tích được các khái niệm cơ bản về quản lý, quản lý hành

		chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục; những vấn đề cơ bản liên quan đến công chức, công vụ
2	CĐR2	Vận dụng được đường lối, quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo vào việc xem xét, đề xuất giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục
3	CĐR3	Vận dụng được chiến lược phát triển giáo dục, chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông; rèn luyện để tham gia vào quá trình đổi mới sau đào tạo
4	CĐR4	Đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục, nhà trường, chất lượng giáo dục phổ thông
5	CĐR5	Vận dụng được vào thực tiễn luật giáo dục và các luật liên quan, điều lệ nhà trường và những quy định đối với giáo viên
6	CĐR6	Trình bày/thuyết trình hiệu quả các báo cáo về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo
7	CĐR7	Tham gia và quản lý các hoạt động thảo luận nhóm liên quan đến các chủ đề nghiên cứu học phần

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
1	X						
2	X	X					
3		X	X	X		X	X
4					X		
5					X		

Phân bố thời gian theo tiết cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng số
1	Những vấn đề cơ bản về nhà nước và quản lý hành chính nhà nước	6		6
2	Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục	8		8
3	Đường lối phát triển giáo dục và đào tạo	4	8	12
4	Luật giáo dục và các luật liên quan	2		2
5	Điều lệ nhà trường và những quy định đối với giáo viên	2		2
Tổng		22	8	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Dự lớp không thấp hơn 80% số tiết lên lớp qui định của học phần;
- Làm và nộp các bài tập cá nhân/ nhóm theo qui định của học phần;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;

- Thảo luận nhóm theo chủ đề;
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Bài tập cá nhân tại lớp/về nhà	X	X	X	X	X	X	X
Thi giữa kỳ	X	X					
Thi cuối kỳ	X	X	X	X	X		

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
1.1.		Những vấn đề cơ bản của nhà nước
	1.1.1.	Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước
	1.1.2.	Nguyên tắc cơ bản về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước CHXHCN Việt Nam
	1.1.3.	Cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam
	1.1.4.	Các quan điểm cần quán triệt trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước CHXHCN Việt Nam
1.2.		Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước
	1.2.1.	Khái niệm, đặc trưng, tính chất và nguyên tắc của quản lý nhà nước
	1.2.2.	Nội dung, quy trình quản lý hành chính nhà nước
	1.2.3.	Công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước
	1.2.4.	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước
CHƯƠNG 2 QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC		
2.1.		Vị trí, vai trò, nguyên tắc, nội dung cơ bản của quản lý hành chính nhà nước về giáo dục
	2.1.1.	Khái niệm quản lý nhà nước về giáo dục

	2.1.2.	Vị trí, vai trò của quản lý nhà nước về giáo dục
	2.1.3.	Nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục
	2.1.4.	Nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục
2.2.		Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục
	2.2.1.	Giới thiệu cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục
	2.2.2.	Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục
	2.3.3.	Định hướng đổi mới tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục
2.3.		Chính sách giáo dục
	2.3.1.	Khái niệm và vai trò của chính sách trong quản lý nhà nước về giáo dục
	2.3.2.	Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách giáo dục
CHƯƠNG 3		
ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
3.1.		Quan điểm, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
	3.1.1.	Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay
	3.1.2.	Đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá
3.2.		Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020
	3.2.1.	Định hướng chiến lược
	3.2.2.	Mục tiêu chiến lược và khâu đột phá
	3.2.3.	Các đột phá chiến lược
3.3.		Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020
	3.3.1.	Tính hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001-2010
	3.3.2.	Thời cơ và thách thức
	3.3.3.	Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục
	3.3.4.	Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2020
	3.3.5.	Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020
3.4.		Nghị quyết Trung ương 8 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo
	3.4.1.	Quan điểm chỉ đạo
	3.4.2.	Mục tiêu
	3.4.3.	Nhiệm vụ, giải pháp
3.5		Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông
	3.5.1.	Mục tiêu
	3.5.2.	Nguyên tắc xây dựng chương trình mới, sách giáo khoa mới
	3.5.3.	Định hướng xây dựng chương trình mới, sách giáo khoa mới
	3.5.4.	Giải pháp chủ yếu
	3.5.5.	Lộ trình thực hiện
	3.5.6.	Kinh phí và nguồn vốn

	3.5.7.	Trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan
CHƯƠNG 4		
LUẬT GIÁO DỤC VÀ CÁC LUẬT LIÊN QUAN		
4.1		Luật giáo dục
	4.1.1.	Giới thiệu tổng quan về Luật Giáo dục
	4.1.2.	Nội dung cơ bản của Luật giáo dục
	4.1.3.	Phân tích một số nội dung cơ bản của Luật giáo dục
4.2.		Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em
4.3.		Pháp luật lao động
	4.3.1	Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động
	4.3.2.	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động
	4.3.3.	Một số nội dung của Bộ luật Lao động
	4.3.4.	Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
Chương 5		
ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN		
5.1.		Điều lệ nhà trường
	5.1.1.	Cấu trúc chung của Điều lệ nhà trường
	5.1.2.	Vai trò của Điều lệ nhà trường trong quản lý nhà trường
	5.1.3.	Điều lệ trường mầm non
	5.1.4.	Điều lệ trường tiểu học
		Điều lệ trường trung học
		Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp
5.2.		Quy chế, quy định đối với các bậc học
	5.2.1.	Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông
	5.2.2.	Quy định về kiểm tra, đánh giá, xếp loại giờ dạy đối với giáo viên
	5.2.3.	Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh (theo cấp học)

13. Tài liệu học tập:

13.1. Sách, giáo trình chính:

TL1. Trần Xuân Bách, Bùi Việt Phú, Lê Quang Sơn (2016), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (giáo trình)*, NXB. Giáo dục Việt Nam;

TL2. Phạm Việt Vượng (chủ biên, 2016), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (giáo trình)*, NXB. Đại học Sư phạm.

13.2. Sách, tài liệu tham khảo:

TK1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

TK2. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ, Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

TK3. Chính phủ, *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2010* (ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

TK4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII* ngày 28/01/2016.

TK5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Giáo dục*, NXB. Chính trị quốc gia, 2005.

TK6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Lao động* (Luật số 10/2012/QH13).

TK7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Trẻ em* (Luật số 102/2016/QH13).

TK8. Luật Viên chức; Luật Cán bộ, công chức; các điều lệ nhà trường, quy chế, quy định, văn bản pháp quy của ngành Giáo dục và đào tạo (cập nhật theo thời gian hiệu lực).

14. Phê duyệt

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

21. Tiếng Việt thực hành ở Tiểu học

1. Học phần : Tiếng Việt thực hành ở tiểu học

2. Tên học phần (tiếng Anh): Vietnamese Practice in Primary School

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 13 tiết, thực hành: 17 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Tiếng Việt thực hành là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên cả khối ngành Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội và Nhân văn. Tùy theo thiết kế chương trình của mỗi khoa, mỗi chuyên ngành, môn học này có thể là môn học bắt buộc hoặc tự chọn; có thể bố trí ở bất kỳ học kỳ nào (từ học kỳ 1 đến học kỳ 8) trong chương trình đào tạo.

Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo 5 nhóm vấn đề chính: (1) Chính tả; (2) Dùng từ; (3) Đặt câu; (4) Viết đoạn văn; (5) Xây dựng văn bản.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt.
2	MT2	Giúp người học nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và hành văn. Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết.
3	MT3	Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã học để diễn đạt đúng mục đích nói/viết, tạo lập được một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ).
4	MT4	Có thái độ yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và tạo sự tự tin trong giao tiếp tiếng Việt.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt và các mẹo viết đúng chính tả.

2	CDR2	Phân tích được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ.
3	CDR3	Phân tích được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu.
4	CDR4	Phân tích được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn.
5	CDR5	Nêu được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, phân tích được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản.
6	CDR6	Phân tích được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo).
7	CDR7	Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết.
8	CDR8	Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết, tạo lập được một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ).

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
1	x						x	
2	x	x					x	
3	x	x	x				x	x
4	x		x	x	x	x	x	x
5	x		x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	Tổng số
1	Luyện kỹ năng viết đúng chính tả tiếng Việt	2	2	4
2	Luyện kỹ năng dùng từ	2	3	5
3	Luyện kỹ năng đặt câu	2	3	5
4	Luyện kỹ năng viết đoạn văn	3	4	7

5	Luyện kỹ năng xây dựng văn bản	4	5	9
Tổng		13	17	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Hoàn thành bài tập được giao	X	x	x	x	x	x		
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	X		
Thi tự luận cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1	
LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT	
1.1	Giản yếu về chính tả
1.2	Một số lỗi chính tả thường gặp
1.3	Nguyên tắc chính tả tiếng Việt
1.4	Luyện tập viết đúng chính tả tiếng Việt
CHƯƠNG 2	
LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ	
2.1	Từ và từ vựng tiếng Việt
2.2	Những yêu cầu chung của việc dùng từ
2.3	Thao tác lựa chọn và sử dụng từ
CHƯƠNG 3	
LUYỆN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU	
3.1	Câu trong tiếng Việt

3.2	Yêu cầu chung của việc đặt câu
3.3	Sửa câu sai
CHƯƠNG 4 LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN	
4.1	Yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản
4.2	Luyện viết đoạn văn theo cấu trúc
4.3	Luyện tách đoạn văn và liên kết đoạn văn
4.4	Luyện rút gọn và mở rộng đoạn văn
4.5	Luyện chữa lỗi đoạn văn
CHƯƠNG 5 LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN	
5.1	Định hướng xây dựng văn bản
5.2	Lập đề cương văn bản
5.3	Triển khai đề cương thành văn bản
5.4	Thực hành xây dựng một số văn bản hành chính thông dụng

13. Tài liệu học tập:**13.1. Giáo trình chính:**

TL1. Nguyễn Quang Ninh (2005), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành A*, NXB Giáo dục.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Nội vụ (2011), *Thông tư số 01/2011/TT-BNV* ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2011.

TK2. Nguyễn Đức Dân (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội. TK3. Nguyễn Thị Ly Kha (2010), *Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản*, NXB Giáo dục, TP HCM.

TK4. Nguyễn Quang Ninh (1997), *150 bài tập rèn luyện kỹ năng dựng đoạn văn dùng cho THCS và THPT*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK5. Vương Thị Kim Thanh (2010), *Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

TK6. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ - Tập 1, 2*, NXB Giáo dục.

TK7. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

TK8. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2008), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

14. Phê duyệt**Tổ bộ môn****Trưởng khoa**

22. Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học Tiếng Việt tiểu học

1. Học phần: Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học

2. Tên học phần (tiếng Anh): VIETNAMESE 1-BASE BASIS OF PRIMARY VIETNAMESE TEACHING

3. Số tín chỉ: 04

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 40 tiết, thực hành: 20 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt (ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị và chữ viết tiếng Việt); Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ xét trên bình diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc).

Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ 1 học kỳ I trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1.	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt ; ngữ âm tiếng Việt hiện đại và từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt.
2.	MT2	Giúp người học nhận biết và chữa được các lỗi phát âm và dùng từ cho học sinh trong quá trình dạy học; giải được các bài tập trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học; sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực và hiệu quả.
3.	MT3	Vận dụng được kiến thức đã học để lí giải những vấn đề có liên quan trong môn Tiếng Việt nói chung và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy tiếng Việt ở tiểu học nói riêng. Xây dựng được chủ đề dạy học tích hợp trong môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học.
4.	MT4	Có thái độ yêu ngôn ngữ của dân tộc, nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp và dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học; có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và tạo sự tự tin trong giao tiếp tiếng Việt.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR1	Phân tích và lí giải được những kiến thức cơ bản về Đại cương ngôn ngữ và tiếng Việt (khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt).
2.	CDR2	Phân tích và lí giải được những kiến thức về ngữ âm tiếng Việt hiện đại (bản chất âm thanh của ngôn ngữ; các đơn vị ngữ âm; âm tiết; hệ thống âm vị; một số vấn đề liên quan đến chính âm, chính tả ở trường tiểu học).
3.	CDR3	Phân tích và lí giải được những kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ có quan hệ về nghĩa, không có quan hệ về nghĩa; một số vấn đề liên quan đến dạy từ ngữ ở tiểu học).
4.	CDR4	Giải được các bài tập trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học. Nhận biết và chữa lỗi phát âm, dùng từ cho học sinh trong quá trình dạy học.
5.	CDR5	Vận dụng được kiến thức đã học để lí giải những vấn đề có liên quan trong môn Tiếng Việt nói chung và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy tiếng Việt ở tiểu học nói riêng.
6.	CDR6	Xây dựng được chủ đề dạy học tích hợp trong môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học.
7.	CDR7	Nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp và dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học. Có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1.	x			x	x		
2.	x	x	x	x	x	x	x
3.		x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

		Số tiết tín chỉ
--	--	------------------------

Chương thứ	Tên chương	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1.	Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt	10	5	15
2.	Ngữ âm tiếng Việt hiện đại	15	5	20
3.	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	15	10	25
Tổng		40	20	60

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao	X	x	x	x		x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	x	x
Thi trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x		

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1	
ĐẠI CƯƠNG VỀ NGÔN NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT	
1.1	Đại cương về ngôn ngữ và ngôn ngữ học
1.2	Bản chất và chức năng của ngôn ngữ
1.3	Bản chất tín hiệu của ngôn ngữ
1.4	Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ
1.5	Phân loại ngôn ngữ

1.6	Nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt
CHƯƠNG 2	
NGŨ ÂM TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI	
2.1	Bản chất âm thanh của ngôn ngữ
2.2	Các đơn vị ngữ âm
2.3	Âm tiết tiếng Việt
2.4	Hệ thống âm vị tiếng Việt
2.5	Vấn đề chính âm - chính tả trong nhà trường
CHƯƠNG 3	
TỪ VỰNG - NGŨ NGHĨA TIẾNG VIỆT	
3.1	Đại cương về từ vựng - ngữ nghĩa học
3.2	3.2. Từ và cấu tạo từ tiếng Việt
3.3	3.3. Nghĩa của từ tiếng Việt
3.4	3.4. Cụm từ cố định
3.5	3.5. Các lớp từ Tiếng Việt

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Lê A, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tinh (2011), *Giáo trình Tiếng Việt 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TL2. Lê A, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tinh (2011), *Giáo trình Tiếng Việt 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Đỗ Hữu Châu (2009), *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

TK2. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học Sư phạm.

TK3. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (2008), *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK4. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Cơ sở ngôn ngữ học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

TK5. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK6. Đoàn Thiện Thuật (2007), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

TK7. Đỗ Xuân Thảo (1995), *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TK8. Bộ sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

23. Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy Tiếng Việt tiểu học:**1. Tên học phần: CƠ SỞ VIỆT NGỮ 2 CỦA VIỆC DẠY HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh: VIETNAMESE 2-BASE BASIS OF PRIMARY VIETNAMESE TEACHING****3. Số tín chỉ: 04****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 27 tiết, thực hành: 23 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy Tiếng Việt tiểu học.****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần được bố trí ở học kỳ 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo.

Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Ngữ pháp tiếng Việt và việc dạy luyện từ và câu ở tiểu học; (2) Phong cách học tiếng Việt và việc dạy các văn bản ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được kiến thức khái quát về ngữ pháp học
2	MT2	Hiểu đúng các kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt: từ loại tiếng Việt, câu tiếng Việt, đoạn văn, văn bản.
3	MT3	Hiểu được các kiến thức về phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt.
4	MT4	Hiểu được các kiến thức về phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.
5	MT5	Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
8.	CDR1	Trình bày và phân tích được các kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt: từ loại tiếng Việt, câu tiếng Việt, đoạn văn, văn bản.
9.	CDR2	Trình bày và phân tích được các kiến thức về phong cách học, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.
10.	CDR3	Vận dụng kiến thức để đặt câu, viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết.

11.	CĐR4	Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản đúng với các thể loại phong cách chức năng.
12.	CĐR5	Vận dụng những kiến thức đã học để dạy các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
1	X		x	x	x
2		x		x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Ngữ pháp tiếng Việt	22	13	35
2	Phong cách học tiếng Việt	15	10	25
Tổng		37	23	60

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo quy định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT	
1.1	Đại cương về ngữ pháp học
1.2	Từ loại
1.3	Cụm từ
1.4	Câu
1.5	Đoạn văn

1.6	Văn bản
1.7	Việc dạy Luyện từ và Câu ở tiểu học
CHƯƠNG 2 PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT	
2.1	Những khái niệm cơ bản
2.2	Các phong cách chức năng tiếng Việt
2.3	Các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt
2.4	Dạy các loại văn bản ở tiểu học
2.5	Xây dựng một số chủ đề tích hợp trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:**a. Tài liệu chính:**

TL1. Lê A - Phan Phương Dung -Đặng Kim Nga (2011), Giáo trình *Tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo:

TK1. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1*, Nxb HN. TK2. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 2*, Nxb HN.

TK3. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Tiếng Việt*, Nxb SP, Nxb GD.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb SP, Nxb GD.

TK5. Đinh Trọng Lạc - Lê A – Hoàng Văn Thung (2005), *Giáo trình Tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm.

TK6. Đinh Trọng Lạc - Nguyễn Thái Hoà (1993) *Phong cách học tiếng Việt*, HN

TK7. Đinh Trọng Lạc (1994), *Phong cách học văn bản*, NXB Giáo dục.

TK8. Đinh Trọng Lạc (1998), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

TK10. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục.

TK11. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

TK12. Bộ sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học

15. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

24. Văn học thiếu nhi

1. Tên học phần: **VĂN HỌC THIẾU NHI**

2. Tên tiếng Anh: **CHILDREN'S LITERATURE**

3. Số tín chỉ: **04**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 48 tiết, thực hành: 12 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Học phần *Văn học thiếu nhi* một môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về văn học thiếu nhi. Đây là học phần cơ sở ngành, được thiết kế dành cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc, được bố trí ở học kì 1 trong chương trình đào tạo.

Học phần tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Văn học dân gian dành cho thiếu nhi; (2) Văn học thiếu nhi Việt Nam; (3) Văn học thiếu nhi nước ngoài. Ngoài ra môn học còn cung cấp những phương pháp tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được kiến thức khái quát về từng bộ phận của văn học thiếu nhi: văn học dân gian dành cho thiếu nhi, văn học thiếu nhi Việt Nam, văn học thiếu nhi nước ngoài.
2	MT2	Hiểu được nội dung cốt lõi của văn học thiếu nhi: văn học dân gian dành cho thiếu nhi, văn học thiếu nhi Việt Nam, văn học thiếu nhi nước ngoài.
3	MT3	Giải thích được khái niệm, đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi: văn học dân gian dành cho thiếu nhi, văn học thiếu nhi Việt Nam, văn học thiếu nhi nước ngoài.
4	MT4	Hiểu được nội dung những tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR6	Giới thiệu được quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam.
2	CDR7	Giải thích được các đặc điểm, đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi: văn học dân gian dành cho thiếu nhi, văn học thiếu nhi Việt Nam.
3	CDR8	Chỉ ra được vai trò và ý nghĩa giáo dục của văn học thiếu nhi Việt Nam đối với trẻ thơ.

4	CDR9	Chỉ ra được vai trò và ý nghĩa của văn học thiếu nhi nước ngoài đối với trẻ thơ.
5	CDR10	Chỉ ra được các đặc điểm, đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi: văn học dân gian dành cho thiếu nhi, văn học thiếu nhi Việt Nam, văn học thiếu nhi nước ngoài.
6	CDR11	Phân tích được những tác phẩm thơ, truyện dành cho thiếu nhi.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11
Mở đầu	X	x	x	x	x	x
1		x				
2				x	x	
3				x	x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
Mở đầu	Đại cương về văn học thiếu nhi	2	0	2
1	Văn học dân gian và việc giáo dục thiếu nhi	14	4	18
2	Văn học thiếu nhi Việt Nam	16	4	20
3	Văn học thiếu nhi nước ngoài	16	4	20
Tổng		48	12	60

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm	30 %

		- Thảo luận	
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

11. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG MỞ ĐẦU		
ĐẠI CƯƠNG VỀ VĂN HỌC THIẾU NHI		
1.1		Khái niệm văn học thiếu nhi
1.2		Đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi
CHƯƠNG 1		
VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ VIỆC GIÁO DỤC TRẺ THƠ		
1.1		Khái quát về văn học dân gian
	1.1.1	Khái niệm về văn học dân gian
	1.1.2	Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian
	1.1.3	Hệ thống thể loại văn học dân gian
	1.1.4	Giá trị cơ bản của văn học dân gian
1.2		Truyện cổ dân gian cho thiếu nhi
	1.2.1	Thần thoại
	1.2.2	Truyện thuyết
	1.2.3	Truyện cổ tích
	1.2.4	Truyện ngụ ngôn
	1.2.5	Truyện cười
1.3		Văn vần dân gian cho thiếu nhi
	1.3.1	Ca dao
	1.3.2	Tục ngữ
	1.3.3	Câu đố
1.4		Quá trình phát triển của văn học dân gian qua các thời kì lịch sử
	1.4.1	Thời kì dựng nước
	1.4.2	1.4.2. Thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của triều đại Hán - Đường
	1.4.3	Thời kì xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập
	1.4.4	Thời kì đấu tranh chống xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp (nửa sau thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)
	1.4.5	Thời kì sau cách mạng tháng Tám năm 1945
1.5		Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn học viết
	1.5.1	Ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn học viết
	1.5.2	Mối quan hệ giữa văn học dân gian và các loại hình nghệ thuật dân Gian
1.6		Thực hành khảo sát, thống kê ngữ liệu văn học dân gian trong chương trình tiểu học

CHƯƠNG 2		
VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM		
2.1		Khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam
	2.1.1	Khái niệm văn học thiếu nhi
	2.1.2	Đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi
	2.1.3	Khái quát quá trình phát triển và những thành tựu chính của văn học thiếu nhi Việt Nam
	2.1.4	Văn học thiếu nhi trong chương trình và sách giáo khoa tiểu học
	2.1.5	Hệ thống tác phẩm văn học thiếu nhi trong chương trình Tiếng Việt tiểu học
	2.1.6	Các thể loại truyện thiếu nhi Việt Nam trong chương trình Tiếng Việt tiểu học
2.2		Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi
	2.2.1	Tác giả Võ Quảng
	2.2.2	Tác giả Phạm Hồ
	2.2.3	Tác giả Trần Đăng Khoa
	2.2.4	Tác giả Tô Hoài
	2.2.5	Tác giả Nguyễn Huy Tưởng
CHƯƠNG 3		
VĂN HỌC THIẾU NHI NƯỚC NGOÀI		
3.1		Khái quát chung về văn học thiếu nhi nước ngoài
	3.1.1	Văn học thiếu nhi nước ngoài trong chương trình Tiểu học
	3.1.2	Vai trò, ý nghĩa của văn học nước ngoài với sự phát triển của thiếu Nhi
	3.1.3	Những nội dung tư tưởng có tác dụng giáo dục thiếu nhi của văn học nước ngoài
3.2		Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học nước ngoài
	3.2.1	Truyện cổ Grim
	3.2.2	Lep Tônxtôi với tác phẩm Kiến và chim bồ câu
	3.2.3	Andecxen và tác phẩm Bà Chúa Tuyết
	3.2.4	Tác giả Tetsuko Kuroyanagiva và tác phẩm Tottochan cô bé bên cửa sổ
	3.2.5	Tác giả Edmondo De Amicis và tác phẩm Những tấm lòng cao cả
	3.2.6	Tác giả Hécto Malô và tác phẩm Không gia đình
	3.2.7	Tác giả Macxim Gorki và tác phẩm Thời thơ ấu
	3.2.8	Tác giả A-Tôn-Xtôi và tác phẩm Buratinô và chiếc chìa khóa vàng
3.3		Thực hành khảo sát, phân tích các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình Tiểu học.

13. Tài liệu học tập

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Bộ giáo dục và đào tạo (2007), *Văn học*, tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, dự án phát triển giáo viên Tiểu học, NXB Giáo dục.

TL2. Lã Thị Bắc Lý (2003), *Giáo trình văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

14.2 Tài liệu tham khảo:

TK3. Nguyễn Đồng Chi (1958), *Lược khảo thần thoại Việt Nam*, NXB Văn học.

TK4. Trương Chính, Phong Châu (1979), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb KHXH.

TK5. Chu Xuân Diên, Lê Chí Quế (1987), *Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb ĐHTHCN.

TK6. Châu Minh Hùng (2007), *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi*, Dự án phát triển giáo viên Tiểu học.

TK7. Minh Hạnh, Phan Hồng Sơn (1986), *Truyện ngụ ngôn Việt Nam*, Nxb Văn học.

TK8. Phạm Hồ (1993), *Chú bò tìm bạn* (tuyển thơ), Nxb Kim Đồng.

TK9. Phạm Hồ (1995), *Chuyện hoa, chuyện quả* (tuyển tập truyện), Nxb Phụ nữ.

TK10. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên (1973), *Văn học dân gian, tập II*, Nxb ĐHTHCN.

TK11. Trần Đăng Khoa (1996), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb Kim Đồng.

TK12. Lã Thị Bắc Lý (2012), *Giáo trình văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm*, Nxb Giáo Dục

TK13. Trần Đức Ngôn, Dương Thu Hương (1998), *Giáo trình văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

TK14. Nguyễn Văn Long (2001), *Đại cương văn học Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

15. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

25. Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng

1. Học phần: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỘI THIẾU NIÊN VÀ SAO NHI ĐỒNG

2. Tên học phần (tiếng Anh): **Organization of activities for Primary Pupils**

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

- Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động Đội TNTP và sao nhi đồng Hồ Chí Minh, làm cơ sở luận, cơ sở khoa học để thiết kế, chỉ đạo các hoạt động cho thiếu nhi trong trường tiểu học và trường trung học cơ sở.
- Giúp người học có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của Đội, hiểu về cơ cấu tổ chức và vấn đề tự quản của Đội. Từ đó xác định trách nhiệm của người giáo viên đối với công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng nghiệp vụ, rèn luyện tay nghề và khả năng tiếp cận tổ chức các hoạt động của thiếu nhi một cách sáng tạo.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được những nội dung cơ bản về tổ chức hoạt động Đội và sao nhi đồng, làm cơ sở lý luận, cơ sở khoa học để thiết kế, chỉ đạo các hoạt động cho thiếu nhi trong trường Tiểu học và trung học cơ sở.
2	MT2	Nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của Đội, hiểu về cơ cấu tổ chức và vấn đề tự quản của Đội. Từ đó xác định trách nhiệm của người giáo viên đối với công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng.
3	MT3	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng nghiệp vụ, rèn luyện tay nghề và khả năng tiếp cận tổ chức các hoạt động của thiếu nhi một cách sáng tạo.
4	MT4	Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, rèn luyện phong cách của người giáo viên trẻ.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Trình bày được những nội dung cơ bản về tổ chức hoạt động Đội và sao nhi đồng, làm cơ sở lý luận, cơ sở khoa học để thiết kế, chỉ đạo các hoạt động cho thiếu nhi trong trường Tiểu học.
2	CĐR2	Phân tích được một số khái niệm cơ bản môn học: Tự quản của Đội TNTP Hồ Chí Minh, nêu cao vai trò tự quản là sức mạnh của tổ chức, phương pháp Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh là một lĩnh vực khoa học giáo dục
3	CĐR3	Nhận diện được các nội dung và phương pháp công tác đội TNTP.
4	CĐR4	Lựa chọn và vận dụng được các PP công tác đội TNTP trong việc tổ chức các hoạt động.
5	CĐR5	Có được các kỹ năng cơ bản: Múa, hát, tổ chức hướng dẫn trò chơi, cắm trại, nghi thức Đội..., đòi hỏi sinh viên phải thành thạo trong thực hành việc thực hiện các động tác phải chuẩn xác và trở thành những động hình, thói quen của người phụ trách Đội, góp phần hình thành những kỹ năng, mang tính đặc thù trong công tác Đội.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Phần I/Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x				
2		x		x	x
3			x		
Phần II/chương					
1				x	
2				x	x
3			x		x
4				x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Phần/Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
I	LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC ĐỘI TNTP VÀ NHI ĐỒNG HỒ CHÍ MINH			
1	Những vấn đề chung	4		4
2	Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh	6		6

3	Đội TNTP Hồ Chí Minh với nhi đồng	5		5
II	KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC THIẾU NHI			
1	Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh		5	5
2	Cắm trại thiếu nhi		3	3
3	Trò chơi thiếu nhi		3	3
4	Múa hát thiếu nhi		4	4
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC ĐỘI TNTP VÀ NHI ĐỒNG HỒ CHÍ MINH(15tiết)

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Nhập môn Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh

1.1.1. Lý luận và phương pháp công tác Đội là một lĩnh vực của khoa học giáo dục

1.1.2. Môn công tác Đội TNTP trong trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học

1.2. Đảng Cộng Sản Việt Nam và Bác Hồ với phong trào thiếu nhi

- 1.2.1. Trẻ em là tương lai của đất nước, là nguồn hạnh phúc của mỗi gia đình
- 1.2.2. Sự quan tâm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thiếu nhi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta

- 1.3. Việt Nam với công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em
 - 1.3.1. Nội dung chính của công ước
 - 1.3.2. Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em
 - 1.3.3. Đội TNTP với việc thực hiện công ước của Liên hiệp quốc.

Chương 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TNTP HCM

- 2.1. Mục đích, tính chất, nhiệm vụ của Đội TNTP
- 2.2. Vị trí, vai trò của Đội TNTP
- 2.3. Hệ thống tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh
- 2.4. Hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh
 - 2.4.1. Nguyên tắc hoạt động Đội TNTP
 - 2.4.1.1. Khái niệm
 - 2.4.1.2. Các nguyên tắc hoạt động Đội
 - 2.4.2. Hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh
 - 2.4.2.1. Hoạt động chính trị, tư tưởng, đạo đức
 - 2.4.2.2. Hoạt động phục vụ học tập văn hóa
 - 2.4.2.3. Hoạt động giáo dục lao động, hướng nghiệp
 - 2.4.2.4. Hoạt động giáo dục vệ sinh, sức khỏe
 - 2.4.2.5. Hoạt động giáo dục thẩm mỹ văn hóa nghệ thuật
 - 2.4.2.6. Hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế
- 2.5. Các phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh
 - 2.5.1. Khái niệm
 - 2.5.2. Các phương pháp chủ yếu
 - 2.5.2.1. Phương pháp lao động tập thể mang tính xã hội
 - 2.5.2.2. Phương pháp trò chơi
 - 2.5.2.3. Phương pháp thuyết phục
 - 2.5.2.4. Phương pháp giao nhiệm vụ cho mỗi đội viên
 - 2.5.2.5. Phương pháp thi đua
 - 2.5.2.6. Phương pháp khen thưởng - khiển trách

Chương 3. ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH VỚI NHI ĐỒNG

- 3.1. Phụ trách nhi đồng là nhiệm vụ của Đội TNTP
- 3.2. Các nhiệm vụ của Đội TNTP với nhi đồng
- 3.3. Những quy định chung về nhi đồng
 - 3.3.1. Khái quát về nhi đồng và sao nhi đồng
 - 3.3.2. Quy định về sao nhi đồng
 - 3.3.3. Đội TNTP Hồ Chí Minh với việc hướng dẫn và tổ chức hoạt động nhi đồng
- 3.4. Phụ trách sao nhi đồng
 - 3.4.1. Vai trò của phụ trách sao nhi đồng

- 3.4.2. Những tiêu chuẩn chủ yếu của phụ trách sao nhi đồng
- 3.4.3. Lựa chọn, bồi dưỡng phụ trách sao nhi đồng
- 3.5. Giáo viên tiểu học với công tác nhi đồng
 - 3.5.1. Trách nhiệm của người giáo viên tiểu học
 - 3.5.2. Hướng dẫn và tổ chức hoạt động cho nhi đồng của giáo viên tiểu học

PHẦN II: KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC THIẾU NHI (15 TIẾT)

Chương 1. NGHI THỨC ĐỘI TNTP HCM

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Yêu cầu đối với Đội viên
- 1.3. Người chỉ huy
- 1.4. Đội hình - Đội ngũ
- 1.5. Nghi lễ thủ tục

Chương 2. CẨM TRẠI THIẾU NHI

- 2.1. Mục đích, ý nghĩa
- 2.2. Các loại trại thiếu nhi
- 2.3. Tổ chức cắm trại thiếu nhi
- 2.4. Dựng trại, trang trí trại

Chương 3. TRÒ CHƠI THIẾU NHI

- 3.1. Tầm quan trọng của trò chơi với thiếu nhi
- 3.2. Hướng dẫn và tổ chức chơi trò thiếu nhi
- 3.3. Một số trò chơi nhỏ, tập thể thiếu nhi

Chương 4. MÚA HÁT THIẾU NHI

- 4.1. Ý nghĩa, tác dụng của múa hát với thiếu nhi
- 4.2. Hướng dẫn thiếu nhi múa, hát
- 4.3. Một số bài hát, điệu múa truyền thống

13. Tài liệu học tập:

14.1 Giáo trình chính:

TL: Giáo trình "Phương pháp công tác Đội TNTP" dành cho các trường đào tạo giáo viên tiểu học, NXBGD 1993.

14.2 Tài liệu tham khảo

TK1. Kỹ năng nghiệp vụ công tác Đội TNTP, Bùi Sĩ Tụng, Nguyễn Thúy Cảnh, NXB Thanh niên 1993.

TK2. Phương pháp tổ chức Hội thi thanh thiếu niên, NXB Thanh niên 1997.

TK3. Hướng dẫn thực hiện chương trình rèn luyện đội viên, NXB TN 1995.

TK4. Tạp chí Tổng phụ trách Đội.

TK5. Tài liệu bồi dưỡng cán bộ TPT, Hà Nội 1996.

TK6. Nghi thức và các hoạt động mang tính nghiệp vụ của Đội TNTP, NXBGD 1998.

TK7. Giáo trình phương pháp công tác Đội TNTP, Ngô Quang Quế, Trần Như Tĩnh, Bùi Sĩ Tụng, NXBGD 1997.

TK8. Phương pháp dạy học bộ môn công tác đội TNTP Hồ Chí Minh NXB GD 2001.

TK9. Tài liệu bồi dưỡng kiến thức kỹ năng công tác Đoàn, hội, Đội (Khối kiến thức, khối

15. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

26. Cơ sở Toán học của môn Toán ở tiểu học

1. Tên học phần: **CƠ SỞ TOÁN HỌC 1 CỦA MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC**

2. Tên học phần (tiếng Anh): **Mathematics for teaching Primary Students 1**

3. Số tín chỉ: **03**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 27 tiết, thực hành: 18 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Phần lí thuyết tập hợp nhằm củng cố, trang bị cho người học những khái niệm, tính chất, cơ bản về tập hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ. Phần logic toán nhằm trang bị cho người học các khái niệm, tính chất về mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề; hàm mệnh đề, công thức, luật và qui tắc suy luận và ứng dụng để trình bày, diễn đạt, cách lập luận chặt chẽ, phát triển tư duy logic trong quá trình dạy môn toán ở bậc tiểu học. Qua đó giúp người học hiểu rõ các kiến thức cơ sở của môn toán ở tiểu học, phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này. Trên cơ sở đó, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy, vận dụng để giảng dạy tốt môn toán ở bậc tiểu học.

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu các khái niệm về tập hợp, phép toán với các tập hợp. Một số tính chất của phép toán.
2	MT2	Hiểu quan hệ hai ngôi. Quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự.
3	MT3	Hiểu ánh xạ. Các ánh xạ đặc biệt. Tích ánh xạ. Ánh xạ ngược.
4	MT4	Hiểu giải tích tổ hợp.
5	MT5	Hiểu Mệnh đề, phép toán trên mệnh đề, công thức, luật logic, qui tắc suy luận. Hàm mệnh đề, các lượng từ.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR12	Xác định được một tập hợp, thực hiện các phép toán trên tập hợp.
2	CDR13	Xác định được các tính chất của quan hệ hai ngôi, chứng minh được một quan hệ hai ngôi là quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự.
3.	CDR14	Thiết lập được ánh xạ. Chứng minh được một tương ứng là một ánh xạ, các ánh xạ đặc biệt. Tìm ảnh, tạo ảnh của một phần tử, của tập con.

4.	CĐR15	Thiết lập được các mệnh đề, xác định giá trị chân lí của mệnh đề. Thiết lập được các mệnh đề nhờ các phép toán. Chứng minh được các công thức bằng nhau, CM luật logic, biến đổi các công thức, chứng minh các qui tắc suy luận.
5.	CĐR16	Vận dụng được các suy luận và chứng minh vào dạy học toán ở Tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16
1	x	x	x		
2				x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Cơ sở của lí thuyết tập hợp.	15	9	24
2	Cơ sở lôgic toán.	12	9	21
Tổng		27	18	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
CƠ SỞ CỦA LÍ THUYẾT TẬP HỢP		
1.1		Tập hợp

	1.1.1	Khái niệm về tập hợp
	1.1.2	Cách biểu diễn một tập hợp
	1.1.3	Quan hệ bao hàm và tập hợp bằng nhau
	1.1.4	Các phép toán trên tập hợp
1.2		Quan hệ
	1.2.1	Quan hệ hai ngôi
	1.2.2	Quan hệ tương đương
	1.2.2	Quan hệ thứ tự
1.3		Ánh xạ
	1.3.1	Khái niệm ánh xạ. Thu hẹp và mở rộng ánh xạ
	1.3.2	Các ánh xạ đặc biệt
	1.3.3	Ánh xạ tích, ánh xạ ngược
1.4		Giải tích tổ hợp và việc vận dụng trong dạy học toán tiểu học
1.5		Bài tập chương
CHƯƠNG 2 CƠ SỞ CỦA LÔGIC TOÁN		
1.1		Mệnh đề và các phép toán logic
	1.1.1	Khái niệm về mệnh đề
	1.1.2	Các phép toán trên mệnh đề
1.2		Công thức
	1.2.1	Khái niệm về công thức
	1.2.2	Công thức tương đương logic
1.3		Logic vị từ
	1.3.1	Khái niệm. Miền đúng của hàm mệnh đề
	1.3.2	Các phép toán trên hàm mệnh đề
	1.3.3	Các lượng từ
1.4		Luật và quy tắc suy luận
	1.4.1	Luật
	1.4.2	Quy tắc suy luận
1.5		Suy luận và chứng minh
	1.5.1	Suy luận
	1.5.2	Chứng minh
1.6		Suy luận và chứng minh trong dạy học Toán ở tiểu học
1.7		Bài tập chương

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Phan Hữu Chân - Nguyễn Tiến Tài (1996), *Tập hợp - Logic và số học*, NXB Giáo dục.

14.2

14.3 Tài liệu tham khảo:

TK1. Trần Diên Hiền- Nguyễn Văn Ngọc (1997), *Giáo trình Toán cao cấp 1*, NXB Giáo dục.

TK2. Trần Diên Hiền (chủ biên) (2006), *Toán và phương pháp dạy học toán ở tiểu học* (Tài liệu đào tạo giáo viên, dự án phát triển giáo viên tiểu học), NXB Giáo dục.

TK3. Bùi Huy Hiền- Nguyễn Hữu Hoan (2012), *Bài tập đại số và số học tập 1*, NXB ĐHSP.

15. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

27. Cơ sở Toán học 2 ở môn Toán ở tiểu học**1. Tên học phần: CƠ SỞ TOÁN HỌC 2 CỦA MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Mathematics for teaching Primary Students 2****3. Số tín chỉ: 03****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 27, thực hành: 18 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở toán học 1 của môn Toán ở tiểu học****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về :

- Xây dựng các cấu trúc nửa nhóm, vị nhóm, nhóm. Nửa nhóm con, vị nhóm con, nhóm con.

- Xây dựng các cấu trúc vành, miền nguyên. Cấu trúc trường.

- Xây dựng hệ thống số: Tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$, tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp số hữu tỉ $\mathbb{Q}$, tập hợp số thực $\mathbb{R}$, tập hợp số phức $\mathbb{C}$.

8. Mục tiêu học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được những kiến thức cần thiết về phép toán đại số, các tính chất, các phần tử đặc biệt. Cấu trúc đại số cơ bản: Nửa nhóm, vị nhóm. Nhóm.
2	MT2	Hiểu được những kiến thức cần thiết về các cấu trúc đại số cơ bản: Vành, miền nguyên. Trường.
3	MT3	Hiểu được cách xây dựng vành số nguyên $\mathbb{Z}$. Tập $\mathbb{N}$.
4	MT4	Hiểu được cách xây dựng trường số hữu tỉ $\mathbb{Q}$.
5	MT5	Hiểu được cách xây dựng trường số thực $\mathbb{R}$, trường số phức $\mathbb{C}$.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Trình bày được cách xây dựng phép toán đại số, các tính chất có thể có, các phần tử đặc biệt nếu có.
2	CDR2	Thực hiện thành lập, chứng minh được các cấu trúc: Nửa nhóm, vị nhóm, nhóm
3	CDR3	Chứng minh được các cấu trúc: vành, miền nguyên, trường.
4	CDR4	Chứng minh được vành $\mathbb{Z}$. Ý nghĩa. Hiểu tập $\mathbb{N}$.
5	CDR5	Chứng minh được được trường $\mathbb{Q}$, trường $\mathbb{C}$. Ý nghĩa và các kiến thức liên quan

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	x	x	x		
2	x	x	x	x	x
3	x		x	x	
4	x		x	x	
5	x				x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Cấu trúc nửa nhóm, vị nhóm, nhóm	6	3	9
2	Cấu trúc nhóm	6	6	12
3	Vành và trường	6	3	9
4	Tập hợp số tự nhiên, tập hợp số nguyên và tập hợp số hữu tỷ	6	3	9
5	Tập hợp số thực và tập hợp số phức	3	3	6
Tổng		27	18	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
CẤU TRÚC NỬA NHÓM, VỊ NHÓM, NHÓM		
1.1		Phép toán hai ngôi

	1.1.1	Định nghĩa
	1.1.2	Các tính chất của phép toán hai ngôi
	1.1.3	Các phân tử đặc biệt
1.2		Nửa nhóm và vị nhóm.
	1.2.1	ĐN và ví dụ
	1.2.2	Các tính chất của nửa nhóm và vị nhóm
	1.2.3	Nửa nhóm con, vị nhóm con.
	1.2.4	Đồng cấu nửa nhóm, vị nhóm
1.3		Bài tập chương
CHƯƠNG 2 CẤU TRÚC NHÓM		
1.1		Nhóm
	1.1.1	ĐN và ví dụ.
	1.1.2	Các tính chất của nhóm
	1.1.3	Các định lý tương đương.
	1.1.4	Nhóm con.
1.2		Đồng cấu nhóm
	1.2.1	ĐN và ví dụ
	1.2.2	Các tính chất của đồng cấu nhóm
	1.2.3	Hạt nhân và ảnh của đồng cấu nhóm.
1.3		Mở rộng vị nhóm
	1.3.1	Đối xứng hóa.
	1.3.2	Mở rộng hệ thống số
1.4		Bài tập chương
CHƯƠNG 3 VÀNH VÀ TRƯỜNG		
1.1		Vành và miền nguyên
	1.1.1	Vành
	1.1.2	Miền nguyên
	1.1.3	Vành con
	1.1.4	Đồng cấu vành
1.2		Trường
	1.2.1	ĐN và ví dụ.
	1.2.2	Các tính chất của trường
	1.2.3	Trường con
1.3		Bài tập chương
CHƯƠNG 4 TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN, TẬP HỢP SỐ NGUYÊN VÀ TẬP HỢP SỐ HỮU TỶ		

1.1		Tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$
	1.1.1	Tập hợp tương đương
	1.1.2	Bản số của một tập hợp
	1.1.3	Tập hợp vô hạn và tập hợp hữu hạn
	1.1.4	Số tự nhiên và các phép toán
	1.1.5	Hệ ghi cơ số g.
1.2		Tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$
	1.2.1	Xây dựng tập số nguyên $\mathbb{Z}$
	1.2.2	Quan hệ giữa tập số tự nhiên và tập số nguyên
	1.2.3	Phép toán trên tập số nguyên
	1.2.4	Quan hệ thứ tự trên tập số nguyên
1.3		Tập hợp số hữu tỷ $\mathbb{Q}$
	1.3.1	Xây dựng tập hợp số hữu tỷ không âm và các phép toán
	1.3.2	Xây dựng tập hợp số hữu tỷ không âm và các phép toán
	1.3.3	Quan hệ thứ tự trong $\mathbb{Q}$
1.4		Bài tập chương
CHƯƠNG 5		
TẬP HỢP SỐ THỰC VÀ TẬP HỢP SỐ PHỨC		
1.1		Tập hợp số thực $\mathbb{R}$
	1.1.1	Yêu cầu mở rộng tập số hữu tỷ $\mathbb{Q}$
	1.1.2	Nhất cận Dedekind và quan hệ thứ tự trong tập các nhất cận
	1.1.3	Định nghĩa tập hợp số thực $\mathbb{R}$
1.2		Trường số phức
	1.2.1	Trường số phức
	1.2.2	Module của số phức
	1.2.3	Dạng lượng giác của số phức
	1.2.4	Lũy thừa và khai căn của số phức
1.3		Vận dụng kiến thức tập hợp số vào dạy học các tập hợp số ở Tiểu học.
1.4		Bài tập chương

13. Tài liệu học tập:**12.1. Giáo trình chính:**

TL1. Trần Diên Hiền, *Cấu trúc đại số*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2014.

12.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Nguyễn Quang Biên, *Cấu trúc đại số*, NXBGD, 1981

TK2. Phan Hữu Chân - Nguyễn Tiến Tài, *Tập hợp - Logic và số học*, NXBGD, 1989

TK3. Bùi Huy Hiền- *Bài tập đại số và số học Tập 1, 2* NXBGD, 1986.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

28. Sinh lý học trẻ em

1. Tên học phần: **SINH LÝ HỌC TRẺ**

2. Tên tiếng Anh: **PHYSIOLOGY FOR KIDS**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết:**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Môn học tập trung nghiên cứu những quy luật hình thành và phát triển của các chức năng sinh lý cơ thể trẻ em qua các lứa tuổi. Đồng thời môn học còn nghiên cứu về đặc điểm sinh lý của trẻ em và thiếu niên cần thiết cho công tác của các nhà giáo dục

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	- Biết được các loại tế bào và mô trong cơ thể - Hiểu được chức năng của tế bào và mô trong cơ thể - Phân tích, chứng minh được cơ thể là một thể thống nhất và là một hệ thống tự điều chỉnh - Tổng hợp được các đặc điểm chung cơ thể trẻ em - Đánh giá được sự giống và khác nhau giữa cơ thể trẻ em và cơ thể người lớn.
2	MT2	- Biết được các chỉ số phát triển thể lực của trẻ em, biết được cách sử dụng biểu đồ tăng trưởng - Hiểu được gia tốc phát triển của cơ thể - Phân tích được các quy luật về sự sinh trưởng và phát triển cơ thể - Tổng hợp được đặc điểm phát triển của các thời kỳ của cơ thể Vận dụng được kiến thức về biểu đồ tăng trưởng để đánh giá được tình trạng sức khỏe của trẻ
3	MT3	- Biết được cấu tạo và chức năng của các phần của hệ thần kinh - Phân tích được đặc điểm của hoạt động thần kinh cấp cao và các quy luật của hoạt động thần kinh cấp cao - Tổng hợp được đặc điểm của các loại hình thần kinh Đánh giá được vai trò của giấc ngủ - Vận dụng kiến thức đã học để ứng dụng trong việc dạy học trẻ ở cấp tiểu học - Biết được cấu tạo của cơ quan phân tích Hiểu được vai trò của các cơ quan phân tích - Phân tích được cơ chế hoạt động của các cơ quan phân tích

4	MT4	- Đánh giá được tác động kiểm soát lẫn nhau của các cơ quan phân tích - Vận dụng các kiến thức đã học để ứng dụng trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ tiểu học
5	MT5	- Biết được các thành phần của bộ xương người và cấu tạo của cơ Hiểu được tầm quan trọng của hệ vận động - Phân tích được đặc điểm phát triển của cơ và xương ở trẻ em Đánh giá được những ảnh hưởng có hại đối với cơ thể khi bộ xương và hệ cơ không bình thường - Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện tư thế cho trẻ
6	MT 6	- Biết được chức năng sinh lý, thành phần các loại máu Hiểu được vai trò của hệ tuần hoàn - Phân tích được cơ chế hoạt động của tim, hệ mạch - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng sinh lý bệnh lý liên quan đến hệ tuần hoàn ở trẻ em
7	MT7	- Biết được các thành phần của hệ hô hấp - Hiểu được vai trò của hệ hô hấp đối với cơ thể - Phân tích được hoạt động của cơ quan hô hấp, sự hình thành tiếng nói của trẻ em - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng sinh lý, bệnh lý liên quan đến hoạt động hô hấp ở trẻ em
8	MT8	- Biết được các thành phần của hệ tiêu hóa Hiểu được ý nghĩa của sự tiêu hóa- Phân tích được hoạt động của hệ tiêu hóa trẻ em, cơ sở của sự ăn uống - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích được hiện tượng sinh lý, bệnh lý liên quan đến hệ tiêu hóa trẻ em
9	MT9	- Biết được các dạng năng lượng cơ thể cần, tỉ lệ cân đối các chất dinh dưỡng và mức nhu cầu của cơ thể đối với các chất dinh dưỡng - Hiểu được khái niệm trao đổi chất và năng lượng - Phân tích được sự trao đổi chất và năng lượng ở trẻ em - Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần của trẻ em - - Vận dụng kiến thức, xây dựng được khẩu phần ăn phù hợp với lứa tuổi trẻ em
10	MT10	- Biết được thành phần cấu tạo của hệ bài tiết Hiểu được ý nghĩa của hệ bài tiết - Phân tích được đặc điểm hoạt động của hệ bài tiết - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng sinh lý thường gặp ở hệ bài tiết của trẻ em
		- Biết được các loại hormone - Hiểu được sự phát triển của các tuyến nội tiết

11	MT11	- Phân tích được cơ chế tác dụng của hoocmon, cơ chế điều hòa hoạt động của các tuyến nội tiết - Đánh giá được vai trò của các tuyến nội tiết với các hệ cơ quan khác trong cơ thể - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nguyên nhân của các bệnh liên quan đến rối loạn hoạt động của hệ nội tiết
----	------	---

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Người học nắm được cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể người
2	CDR2	Người học hiểu chức năng sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể
3	CDR3	Người học hiểu được cơ chế điều hòa chức năng của các cơ quan, hệ cơ quan để đảm bảo được các hoạt động bình thường của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người
4	CDR4	Người học hiểu và phân tích được mối liên quan giữa các quá trình sinh lý trong cơ thể người và giữa cơ thể với các nhân tố môi trường bên ngoài
5	CDR5	Người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý người vào trong thực tế chuyên môn và trong cuộc sống
6	CDR6	Người học có kỹ năng là việc nhóm, phân tích, tổng hợp

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
1	X					
2	X	X	X	X	X	X
3	X	X	X	X	X	X
4	X	X	X	X	X	X
5	X	X	X	X	X	X
6	X	X	X	X	X	X
7	X	X	X	X	X	X
8	X	X	X	X	X	X
9	X	X	X	X	X	X
10	X	X	X	X	X	X

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
	Giới thiệu chung về cơ thể người	2	0	2
1	Tính quy luật của sinh trưởng và phát triển cơ thể	1	1	2
2	Hệ thần kinh	4	1	5
3	Cơ quan phân tích	2	1	3
4	Hệ vận động	2	0	2
5	Hệ tuần hoàn	2	1	3

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG MỞ ĐẦU		
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ THỂ NGƯỜI		
1.1		Cấu tạo và chức phận của tế bào và mô
1.2		Cơ thể là một khối thống nhất
1.3		Đặc điểm chung cơ thể trẻ em
CHƯƠNG 1		
TÍNH QUY LUẬT CỦA SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ THỂ		
1.1		Tính quy luật và sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể
1.2		Giai tốc phát triển
1.3		Những chỉ số phát triển thể lực của trẻ em

1.4		Giới thiệu về biểu đồ tăng trưởng
1.5		Đặc điểm phát triển của các thời kỳ của cơ thể
CHƯƠNG 2 HỆ THẦN KINH		
2.1		Tầm quan trọng của hệ thần kinh
2.2		Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh
2.3		Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em
2.4		Các quy luật của hoạt động thần kinh cấp cao
2.5		Hoạt động phản xạ của hệ thần kinh trẻ em
2.6		Các loại hình thần kinh
2.7		Giấc ngủ
CHƯƠNG 3 CƠ QUAN PHÂN TÍCH		
3.1		Đại cương về cơ quan phân tích
3.2		Đặc điểm các cơ quan phân tích ở trẻ em
CHƯƠNG 4 HỆ VẬN ĐỘNG		
4.1		Tầm quan trọng của hệ vận động
4.2		Cấu tạo và thành phần hóa học của xương trẻ em
4.3		Sự phát triển của hệ xương
4.4		Đặc điểm của bộ xương trẻ em
4.5		Cấu tạo và hoạt động của hệ cơ
4.6		Sự phát triển của hệ cơ trẻ em
4.7		Đặc điểm hệ cơ của trẻ em
4.8		Các loại tư thế và biện pháp để phòng sự sai lệch tư thế ở trẻ em
CHƯƠNG 5 HỆ TUẦN HOÀN		
5.1		Chức năng của máu
5.2		Thành phần của máu
5.4		Đặc điểm của máu theo lứa tuổi
5.5		Đặc điểm cấu tạo hệ tim, mạch ở trẻ em
5.6		Đặc điểm hoạt động tim, mạch ở trẻ em
CHƯƠNG 6 HỆ HÔ HẤP		
6.1		Tầm quan trọng của hệ hô hấp
6.2		Đặc điểm cấu tạo của hệ hô hấp ở trẻ em

6.3		Hoạt động của cơ quan hô hấp ở trẻ em
CHƯƠNG 7 HỆ TIÊU HÓA		
7.1		Ý nghĩa của sự tiêu hóa
7.2		Đặc điểm cấu tạo hệ tiêu hóa ở trẻ em
7.3		Hoạt động của hệ tiêu hóa trẻ em
7.4		Sự hấp thu thức ăn và ự thải bã ở hệ tiêu hóa trẻ em
CHƯƠNG 8 TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG		
8.1		Khái niệm trao đổi chất và năng lượng
8.2		Sự trao đổi chất ở trẻ em
8.3		Sự trao đổi năng lượng ở trẻ em
CHƯƠNG 9 HỆ BÀI TIẾT		
9.1		Ý nghĩa của sự bài tiết
9.2		Đặc điểm cấu tạo và hoạt động của thận trẻ em
9.3		Sự bài tiết mồ hôi qua da
CHƯƠNG 10 HỆ NỘI TIẾT		
10.1		Vai trò của hệ nội tiết
10.2		Phân loại và cơ chế tác dụng của hoocmon
10.3		Đặc điểm cấu tạo và chức năng của các tuyến nội tiết
10.4		Một số bệnh liên quan đến rối loạn nội tiết thường gặp ở trẻ em

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan, *Sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Tạ Thúy Lan, *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2008.

TK2. Lê Thanh Vân, *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2006

TK3. Trần Trọng Thủy, Trần Duy, *Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em*, NXB Giáo dục, 1998

TK4. Lê Mai Hoa, *Giáo trình bệnh học trẻ em*, NXB Đại học Sư Phạm

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

29. Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học

1. Tên học phần : **ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC**

2. Tên tiếng Anh : **Applying IT in Elementary Schools**

3. Số tín chỉ: **02**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Tin học đại cương, PPDH Toán, Tiếng Việt**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học Toán, Tiếng việt, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức... ở tiểu học, học phần sẽ trang bị cho SV những kỹ năng khai thác và ứng dụng CNTT để thiết kế bài soạn, hỗ trợ đổi mới PPDH ở tiểu học theo hướng tích cực hóa các hoạt động nhận thức của học sinh, kiến tạo tri thức mới... phù hợp với con đường nhận thức, tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Thực hiện được kết nối, lắp đặt và sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học ở tiểu học.
2	MT2	Thiết kế giáo án điện tử, bài giảng E-Learning
3	MT3	Khai thác và sử dụng các phần mềm nâng cao hỗ trợ dạy học, HĐGD ở tiểu học
4	MT4	Ứng dụng CNTT thiết kế các hoạt động học trong tổ chức cho HS khám phá kiến thức ở tiểu học
5	MT5	Sáng tạo trong xây dựng kịch bản cho kế hoạch bài học ở tiểu học

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR của HP	Mô tả chuẩn đầu ra
1	CDR1	Kết nối, lắp đặt và sử dụng hiệu quả các phương tiện CNTT hỗ trợ dạy học ở tiểu học
2	CDR2	Ứng dụng CNTT trong thiết kế giáo án điện tử, bài giảng E-Learning
3	CDR3	Khai thác và sử dụng các phần mềm nâng cao hỗ trợ dạy học, HĐGD ở tiểu học
4	CDR4	Sử dụng hiệu quả các phần mềm để thiết kế các tình huống trong dạy học tiểu học
5	CDR5	Trình chiếu bài giảng một cách tự tin và hiệu quả

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	x				
2	x	x	x		
3			x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Một số thiết bị công nghệ trong dạy học tiểu học.	3	2	5
2	Khai thác các phần mềm hỗ trợ từng bước của quá trình dạy học ở tiểu học	6	8	14
3	Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học ở tiểu học.	6	5	11
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế nhân 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC TIỂU HỌC

1.1		Thiết bị công nghệ.
1.2		Kết nối các thiết bị dạy học đa phương tiện.
1.3		Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị công nghệ.
1.4		Môi trường dạy học đa phương tiện.
CHƯƠNG 2 KHAI THÁC CÁC PHẦN MỀM HỖ TRỢ TỪNG BƯỚC CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC		
2.1		Giới thiệu một số phần mềm: Movie Maker, PowerPoint, Violet, iMindMap...
2.2		Bước kiểm tra bài cũ, dẫn nhập bài mới.
2.3		Khai thác phần mềm hỗ trợ quá trình hình thành kiến thức mới ở tiểu học.
2.4		Khai thác phần mềm thiết kế các tình huống có vấn đề trong dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề ở tiểu học.
2.5		Khai thác các phần mềm hỗ trợ quá trình dạy học theo lí thuyết kiến tạo ở tiểu học.
2.6		Khai thác các phần mềm hỗ trợ quá trình dạy học tiếng Việt ở tiểu học.
2.7		Khai thác các phần mềm trong dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.
2.8		Khai thác các phần mềm hỗ trợ bước củng cố kiến thức trong dạy học tiểu học.
2.9		Thiết kế trò chơi học tập trong dạy học ở tiểu học.
2.10		Khai thác Trường học kết nối, VNEDU để hỗ trợ quá trình dạy học ở tiểu học.
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ GIÁO ÁN ĐIỆN TỬ TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC		
3.1		Khái niệm về giáo án điện tử.
3.2		Quy trình thiết kế giáo án điện tử.
3.3		Yêu cầu sư phạm của giáo án điện tử (hình thức, nội dung, phương pháp).
3.4		Những lưu ý khi sử dụng giáo án điện tử trong dạy học ở tiểu học.
3.5		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học Toán ở tiểu học.
3.6		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
3.7		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học các môn tự nhiên – xã hội ở tiểu học.
3.8		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học đạo đức ở tiểu học.
3.9		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học môn Cuộc sống quanh ta ở tiểu học.

3.10		Thiết kế giáo án điện tử trong dạy học tích hợp ở tiểu học.
------	--	---

13. Tài liệu học tập:

12.1. Giáo trình chính:

TL1. Đào Thái Lai (2006), *Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học, Tập 1, 2*, NXB Giáo dục.

12.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Lê Viết Chung (2010), *Bài giảng ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học*.

TK2. Hoàng Nam Hải (2014), *Bài giảng ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học*.

TK3. Bộ GD&ĐT (2015), *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo*

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

30. Xác suất thống kê trong Giáo dục tiểu học**1. Tên học phần : XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TRONG GIÁO DỤC TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh : Introduction to Probability and Mathematical Statistics in Primary Education.****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 22 tiết, thực hành: 8 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào dạy học ở tiểu học và nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lý luận, là công cụ hữu hiệu để xử lý số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường tiểu học.

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu biết cơ bản về các khái niệm xác suất và một số công thức tính xác suất.
2	MT2	Hiểu biết về mẫu, phương pháp lấy mẫu đại diện trong nghiên cứu giáo dục; tính được các tham số đặc trưng của mẫu và hiểu ý nghĩa của chúng.
3	MT3	Tìm được khoảng tin cậy cho các giá trị trung bình, tỷ lệ trong nghiên cứu giáo dục.
4	MT4	Thực hiện đánh giá, kết luận cho các kết quả nghiên cứu trong giáo dục tiểu học.
5	MT5	Vận dụng kiến thức thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu trong các nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR của HP	Mô tả chuẩn đầu ra
1	CDR17	Áp dụng được kiến thức XS&TK vào dạy học Thống kê và Xác suất ở tiểu học
2	CDR18	Tổ chức dạy học Thống kê và xác suất theo tiếp cận PC, NL học sinh tiểu học
3	CDR19	Thu thập và biểu diễn được số liệu thống kê
4	CDR20	Tính toán và phân tích, xử lý số liệu thống kê thu thập được
5	CDR21	Suy luận và đưa ra được các kết luận có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu giáo dục.

6	CĐR22	Xử lý số liệu thống kê bằng các phần mềm chuyên dụng
---	-------	--

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
1	x	x				
2	x	x				
3	x		x	x	x	x
4	x		x	x	x	x
5				x		x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Nhập môn xác suất	4	2	6
2	Biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên	4	2	6
3	Lý thuyết về mẫu trong nghiên cứu giáo dục tiểu học	4	2	6
4	Kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu giáo dục tiểu học	6	2	8
5	Phân tích tương quan	4	0	4
Tổng		22	8	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế nhân 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
NHẬP MÔN XÁC SUẤT		
1.1		Ôn tập về quy tắc đếm và giải tích tổ hợp
1.2		Phép thử và biến cố
1.3		Định nghĩa xác suất
1.4		Một số công thức tính xác suất
CHƯƠNG 2		
BIẾN NGẪU NHIÊN VÀ QUY LUẬT PHÂN PHỐI XÁC SUẤT CỦA BIẾN NGẪU NHIÊN		
2.1		Khái niệm về biến ngẫu nhiên
2.2		Phân loại biến ngẫu nhiên
2.3		Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên (Phân phối Bernoulli, Nhị thức, Chuẩn)
CHƯƠNG 3		
LÝ THUYẾT VỀ MẪU TRONG NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
3.1		Khái niệm tổng thể và mẫu
3.2		Các phương pháp lấy mẫu
3.3		Các tham số đặc trưng của mẫu số liệu
3.4		Biểu đồ
3.5		Ước lượng cho các giá trị kì vọng, tỉ lệ, phương sai trong nghiên cứu giáo dục tiểu học
3.6		Sử dụng phần mềm thống kê
CHƯƠNG 4		
KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ TRONG NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC Ở TIỂU HỌC		
4.1		4.1. Khái niệm chung
	4.1.1	4.1.1. Giả thuyết thống kê và thủ tục kiểm định giả thuyết thống kê
	4.1.2	4.1.2. Sai lầm loại I và sai lầm loại II
	4.1.3	4.1.3. Phương pháp kiểm định giả thuyết
4.2		Kiểm định kì vọng của phân phối chuẩn (đã biết phương sai, chưa biết phương sai và cỡ mẫu lớn)
4.3		Kiểm định tỉ lệ
4.4		So sánh hai kì vọng của hai phân phối chuẩn (chưa biết phương sai và cỡ mẫu lớn)
4.5		So sánh hai tỉ lệ
4.6		Sử dụng phần mềm thống kê
CHƯƠNG 5		
PHÂN TÍCH TƯƠNG QUAN		

5.1		Hệ số tương quan
	5.1.1	Hệ số tương quan lý thuyết
	5.1.2	Ước lượng hệ số tương quan
5.2		Kiểm định tính độc lập
5.3		Sử dụng phần mềm thống kê

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Lê Thị Hoài Châu (2012), *Dạy học Xác suất – Thống kê ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Đào Hữu Hồ (2006), *Thống kê xã hội học*, Nhà Xuất bản ĐHQG Hà Nội. TK2. Đặng Hùng Thắng (2008), *Thống kê và ứng dụng*, Nhà Xuất bản Giáo dục.

TK3. Hoàng Nam Hải, Trần Vui, Chu Trọng Thanh (2014), *Đào tạo nâng cao năng lực suy luận thống kê*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật

TK4. Hoàng Nam Hải (2019), *Dạy học yếu tố Thống kê theo hướng phát triển năng lực học sinh*, NXB Đà Nẵng.

TK5. Alan Agresti and Barbara Finlay (2008), *Statistical methods for the social sciences*, Prentice Hall Pearson Education.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

31. Giáo dục môi trường cho HS tiểu học**1. Học phần : GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): ENVIRONMENTAL EDUCATION FOR PRIMARY STUDENTS****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học, các hình thức, phương pháp, mức độ tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở tiểu học làm cơ sở để sinh viên vận dụng vào thực tế giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học.

Nội dung môn học gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản về môi trường

Chương 2. Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục môi trường ở trường tiểu học

Chương 3. Giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở trường tiểu học

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về môi trường, giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học, các hình thức, phương pháp, mức độ tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở tiểu học
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên các kỹ năng dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở tiểu học
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong giáo dục môi trường

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	- Phân tích được một số vấn đề liên quan đến vấn đề môi trường, giáo dục môi trường ở trường tiểu học
2	CDR2	- Xác định được cơ hội, lựa chọn kiến thức tích hợp giáo dục môi trường phù hợp cho học sinh tiểu học.

3	CDR3	- Phân tích và vận dụng được các hình thức, phương pháp tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở trường tiểu học để sau này có thể thực hiện được nhiệm vụ giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học.
4	CDR4	- Đánh giá được các kỹ năng về bảo vệ môi trường của học sinh trong dạy học các môn học ở tiểu học
5	CDR5	- Hình thành được ý thức, thái độ, hành vi đúng đắn đối với môi trường, từ đó có ý thức và trách nhiệm giáo dục môi trường cho học sinh và cộng đồng.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	x	x			x
2	x	x			x
3		x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về môi trường	6	2	8
2	Chương 2. Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục môi trường ở trường tiểu học	4	2	6
3	Chương 3. Giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở trường tiểu học	10	6	16
Tổng		20	10	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
--------------------	------	------	------	------	------

Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x	
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG	
1.1	Các thành phần cơ bản của môi trường
1.2	Tài nguyên thiên nhiên
1.3	Hệ sinh thái
1.4	Sự tác động của con người đối với môi trường
CHƯƠNG 2 MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
2.1	Giáo dục môi trường
2.2.	Mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục môi trường ở trường tiểu học
2.3.	Nội dung giáo dục môi trường ở trường tiểu học
CHƯƠNG 3 GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
3.1	Sự cần thiết của cách tiếp cận tích hợp trong giáo dục môi trường ở tiểu học
3.2	Các nguyên tắc và hình thức tích hợp nội dung giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở tiểu học
3.3	Các hình thức và phương pháp giáo dục môi trường thông qua các môn học ở tiểu học
3.4	Thực hành giáo dục môi trường trong dạy học các môn học ở trường tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

TL1. Lê Văn Trường – Nguyễn Kim Tiến (Đồng chủ biên) (2006), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Lê Huy Bá (2000), *Môi trường*, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh. TK2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV các môn học ở tiểu học.

TK3. Nguyễn Kim Hồng (chủ biên) (2001), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục.

TK4. Nguyễn Thị Thán, *Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXBDDHSP.

TK5. Viện Khoa học Giáo dục (2005), *Tài liệu hướng dẫn giáo viên về GDBVMT ở tiểu học* (2005), NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

32. Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho HS tiểu học

1. Tên học phần: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CẢM THỤ VĂN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

2. Tên tiếng Anh: ORGANIZE LITERARY PERCEPTION ACTIVITIES FOR ELEMENTARY STUDENTS

3. Số tín chỉ: 03

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 23 tiết, thực hành: 22 tiết, tự chọn: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Học phần *Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học* cung cấp những kiến thức chuyên sâu về năng lực cảm thụ văn học; rèn luyện các năng lực cơ bản trong việc cảm thụ văn học khi dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Chuyên đề tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về năng lực cảm thụ văn học; (2) Nội dung và phương pháp tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học. (3) Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trình bày và giải thích được khái niệm, đặc trưng cơ bản của năng lực cảm thụ văn học.
2	MT2	Giải thích được những đặc trưng của hoạt động cảm thụ văn học lứa tuổi tiểu học.
3	MT3	Xác định được nội dung, phương pháp cơ bản trong việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.
4	MT4	Tổ chức được hoạt động bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong các phân môn Tiếng Việt.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR23	Phân tích được những đặc trưng của cảm thụ văn học lứa tuổi tiểu học.
2	CDR24	Chỉ ra được những nội dung bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong các phân môn Tiếng Việt.
3	CDR25	Chỉ ra được những phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong các phân môn Tiếng Việt.
4	CDR26	Phân tích được nội dung, phương pháp cơ bản trong việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.

4	CĐR27	Chỉ ra được quy trình tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học qua từng phân môn Tiếng Việt.
5	CĐR28	Thực hành tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh qua từng phân môn của Tiếng Việt.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR 23	CĐR 24	CĐR 25	CĐR 26	CĐR 27	CĐR 28
1	x	x	x	x	x	x
2		x		x		
3				x	x	

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Khái quát về năng lực cảm thụ văn học	9	6	15
2	Nội dung và hướng pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	7	8	15
3	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	7	8	15
Tổng		23	22	45

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập trên lớp theo quy định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %

3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
KHÁI QUÁT VỀ NĂNG LỰC CẢM THỤ VĂN HỌC		
1.1		Một số khái niệm chung về cảm thụ và năng lực cảm thụ văn học
	1.1.1	Khái niệm cảm thụ văn học
	1.1.2	Khái niệm năng lực cảm thụ văn học
1.2		Đặc điểm của hoạt động cảm thụ văn học
1.3		Đặc trưng của cảm thụ văn học lứa tuổi tiểu học
	1.3.1	Vốn văn học nhất định
	1.3.2	Khả năng nhạy cảm, tinh tế
	1.3.3	Tư duy logic
CHƯƠNG 2		
NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC CẢM THỤ VĂN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC		
2.1		Nội dung bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong chương tiểu học
	2.1.1	Thể hiện qua các phân môn của Tiếng Việt
	2.1.2	Thể hiện trên các phương diện của rèn luyện kỹ năng
2.2		Phương pháp tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong các phân môn của Tiếng Việt
	2.2.1	Phương pháp tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong phân môn Tập đọc
	2.2.2	Phương pháp tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong phân môn Kể chuyện
	2.2.3	Phương pháp tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong phân môn Tập làm văn và các phân môn khác
CHƯƠNG 3		
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CẢM THỤ VĂN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC		
3.1		Nguyên tắc tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học
3.2		Một số kỹ năng cần trang bị khi tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học
3.3		Quy trình tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học qua từng phân môn Tiếng Việt
	3.3.1	Quy trình tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học qua từng phân môn Tập đọc
	3.3.2	Quy trình tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học qua từng phân môn Kể chuyện

	3.3.3	Quy trình tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học qua từng phân môn Tập làm văn và các phân môn khác
3.4		Thực hành tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính

TL1. Lê Thị Lan Anh (2009), *Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục.

TL2. Lê Thị Bắc Lý (2003), *Giáo trình văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

13.2 Tài liệu tham khảo

Phạm Hồ (1997), *Những bài thơ em yêu*, NXB Giáo dục.

TK1. Hoàng Hòa Bình (1997), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục.

TK2. Trần Mạnh Hưởng, Trịnh Mạnh (1987), *Bồi dưỡng học sinh giỏi văn ở cấp Một*, Sở Giáo dục Tây Ninh.

TK3. Trần Mạnh Hưởng (2009), *Luyện tập về cảm thụ văn học ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

Tk4. Trần Mạnh Hưởng, Lê Hữu Tĩnh (2005), *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục.

TK5. Trần Mạnh Hưởng, Lê Hữu Tĩnh (2005), *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt 5*, NXB Giáo dục.

TK6. Trần Mạnh Hưởng (1999), *Bài soạn Tiếng Việt 4 (2 tập)*, NXB Giáo dục.

TK7. Đinh Trọng Lạc (1996), *Vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5*, NXB Giáo dục.

TK8. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2,3,4,5*, NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

33. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học

1. Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC**

2. Tên học phần (tiếng Anh): **Method of teaching mathematics in elementary schools.**

3. Số tín chỉ: **03**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 24 tiết, thực hành: 21 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Cơ sở Toán học 1,2 của môn Toán ở tiểu học**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Học phần gồm hai nội dung chính:

+ PPDH đại cương cung cấp cho người học về: Phương pháp dạy học (PPDH) nói chung và PPDH Toán; Nhiệm vụ, nội dung và mục đích của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học Toán ở tiểu học.

+ PPDH cụ thể cung cấp cho người học về: Nội dung và PPDH các kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: số học, hình học, đại lượng, một số yếu tố đại số, thống kê, giải toán.

Qua đó giúp người học có các hiểu biết, kỹ năng cơ bản về PPDH Toán đại cương, một số PPDH Toán thường dùng ở tiểu học, chương trình môn Toán ở tiểu học hiện hành và vận dụng các PPDH Toán ở tiểu học vào các nội dung giảng dạy chính ở tiểu học.

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được các PPDH thường dùng trong dạy - học môn Toán ở tiểu học.
2	MT2	Hiểu được nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học; quan điểm xây dựng, đặc điểm nội dung, phân tích được chương trình toán ở tiểu học.
3	MT3	Thiết kế và tổ chức dạy - học môn Toán ở tiểu học.
4	MT4	Nhận biết được mục đích, nội dung và PPDH các kiến thức số học số tự nhiên, phân số, số thập phân, hình học, đại lượng.
5	MT5	Nhận biết mục đích và một số phương pháp giải toán ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Thực hiện được các PPDH toán ở Tiểu học.
2	CDR2	Phân tích được nội dung chương trình môn toán ở Tiểu học.
3	CDR3	Có kỹ năng soạn Kế hoạch dạy học, giáo án môn toán ở Tiểu học.

4	CĐR4	Sử dụng được các PPDH để dạy học các nội dung môn toán ở TH
5	CĐR5	Sử dụng được các PP giải toán thường dùng ở Tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x				
2	x	x			
3	x	x	x	x	
4	x	x	x	x	
5	x	x	x	x	
6	x	x	x	x	
7	x	x	x	x	
8	x	x	x	x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Mở đầu	2		2
2	Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn toán ở Tiểu học	3	3	6
3	PPDH toán ở Tiểu học	3	3	6
4	Chuẩn bị và tổ chức dạy học	2	3	5
5	DH số tự nhiên	5	3	8
6	DH hình học và đại lượng hình học.	3	3	6
7	DH đại lượng, đo đại lượng. Một số yếu tố đại số và thống kê	3	3	6
8	DH giải toán	3	3	6
Tổng		24	21	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến	10 %

		- Bài tập về nhà	
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
MỞ ĐẦU		
1.1		Môn PPDH Toán
1.2		Một số đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh tiểu học
1.3		Sơ lược về Toán học và một số đặc điểm của Toán học
CHƯƠNG 2		
VỊ TRÍ, NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Toán tiểu học.
1.2		Nội dung môn Toán ở tiểu học.
CHƯƠNG 3		
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Quan niệm chung về PPDH
1.2		Một số PPDH thường dùng trong môn Toán tiểu học
1.3		Vận dụng PPDH vào một số nội dung của môn Toán ở tiểu học
1.4		Hoàn thiện các PPDH Toán ở tiểu học.
1.5		Thảo luận
CHƯƠNG 4		
CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Xây dựng kế hoạch dạy học Toán của năm học.
1.2		Chuẩn bị bài dạy.
1.3		Tiết dạy học trên lớp.
1.4		Thảo luận.
CHƯƠNG 5		
DẠY HỌC SỐ HỌC		
1.1		Dạy học số tự nhiên
	1.1.1	Xây dựng khái niệm ban đầu về số tự nhiên
	1.1.2	So sánh số tự nhiên, một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.
	1.1.3	Hệ đếm thập phân, cách đọc số, viết số tự nhiên.
	1.1.4	Dạy học cộng, trừ số tự nhiên.
	1.1.5	Dạy học nhân, chia số tự nhiên.
1.2		Dạy học phân số, số thập phân.
	1.2.1	Phân số và các nội dung liên quan.
	1.2.2	Khái niệm số thập phân. Phép toán.

1.3		Soạn bài và tập dạy.
CHƯƠNG 6 DAY HỌC HÌNH HỌC VÀ ĐẠI LƯỢNG HÌNH HỌC		
1.1		Mục đích.
1.2		Các đối tượng hình học ở Tiểu học
1.3		Tổ chức học tập các yếu tố hình học.
1.4		Các đại lượng hình học ở Tiểu học.
1.5		Soạn bài và tập dạy.
CHƯƠNG 7 DAY HỌC ĐẠI LƯỢNG, ĐO ĐẠI LƯỢNG MỘT SỐ YẾU TỐ ĐẠI SỐ VÀ THỐNG KÊ		
1.1		Mục đích, yêu cầu
1.2		PP chung về dạy học đo đại lượng ở tiểu học
1.3		Khối lượng, dung tích, thời gian.
1.4		Dạy học một số yếu tố đại số và thống kê.
	1.4.1	Một số yếu tố đại số.
	1.4.2	Một số yếu tố thống kê.
1.5		Soạn bài và tập dạy.
CHƯƠNG 8 Dạy học giải toán ở Tiểu học		
1.1		Mục đích, yêu cầu.
1.2		Đọc và tìm hiểu đề toán.
1.3		Tìm và lập kế hoạch giải.
1.4		Sử dụng một số PP giải toán thường dùng ở Tiểu học.
1.5		Hướng dẫn HS tự đánh giá cách giải. Tự lập đề toán rồi giải.
1.6		Soạn bài và tập dạy.

13. Tài liệu học tập:**12.1. Giáo trình chính:**

TL1. Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Hà Sĩ Hồ (1993), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.

12.1. Tài liệu tham khảo:

TK1. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1998), *Các phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

TK2. Đỗ Đình Hoan (2006), *Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

TK3. Đỗ Đình Hoan và tập thể (2006), *Sách giáo khoa Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

34. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học

1. Tên học phần: THỰC HÀNH VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC

2. Tên học phần (tiếng Anh): Teaching Method Practice of Mathematics in Primary School

3. Số tín chỉ: 03

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 21 tiết, thực hành: 24 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Tâm lý học Tiểu học, Tâm lý học giáo dục tiểu học, Giáo dục học tiểu học 1, Giáo dục học tiểu học 2, Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học.

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

- Tìm hiểu về chuẩn nghề nghiệp GVTH nói chung và phân tích làm rõ một số điểm về chuẩn nghề nghiệp của GVTH trong dạy học môn Toán.

- Giúp SV tự rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng cơ bản:

* Kỹ năng phân tích chương trình.

* Kỹ năng soạn kế hoạch bài học.

* Kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập cho phù hợp đối tượng HS.

* Kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học môn Toán.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được về chuẩn nghề nghiệp của GV Tiểu học trong dạy học môn Toán.
2	MT2	Phân tích được chương trình môn Toán ở bậc Tiểu học.
3	MT3	Thiết kế được bài dạy học môn Toán bậc Tiểu học.
4	MT4	Thiết kế bổ sung phát triển được hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán bậc Tiểu học.
5	MT5	Phát hiện và xử lý được một số tình huống sư phạm.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Hiểu được chuẩn nghề nghiệp của GV Tiểu học.
2	CĐR2	Có kỹ năng phân tích chương trình, SGK hiện hành.
3	CĐR3	Bổ sung và phát triển được hệ thống bài tập nhằm phát triển năng lực.
4	CĐR4	Có các kỹ năng sư phạm cần thiết.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4
1	x			
2	x	x		
3		x	x	x
4		x	x	x
5		x	x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với GV tiểu học và việc dạy học môn Toán.	3	3	6
2	Kĩ năng thực hành phân tích chương trình trong dạy học môn Toán bậc Tiểu học.	5	6	11
3	Kĩ năng thực hành thiết kế dạy học môn Toán bậc Tiểu học.	5	6	11
4	Kĩ năng thực hành và lựa chọn và thiết kế bổ sung nhằm phát triển hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán.	5	6	11
5	Kĩ năng thực hành phát hiện và xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học Toán ở Tiểu học.	3	3	6
Tổng		21	24	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm	30 %

		- Thảo luận	
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
YÊU CẦU VỀ CHUẨN NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÀ VIỆC DẠY HỌC MÔN TOÁN		
1.1		Chuẩn nghề nghiệp của GV Tiểu học.
1.2		Chuẩn kiến thức và kỹ năng đối với GV Tiểu học trong dạy học môn Toán.
1.3		Thảo luận
CHƯƠNG 2		
LỖ NĂNG THỰC HÀNH PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN BẬC TIỂU HỌC		
1.1		Một số yêu cầu cơ bản khi phân tích chương trình môn Toán ở bậc Tiểu học.
1.2		Các bước thực hành khi phân tích chương trình môn Toán.
1.3		Thực hành phân tích chương trình môn Toán bậc Tiểu học.
1.4		Thảo luận.
CHƯƠNG 3		
KỸ NĂNG THỰC HÀNH THIẾT KẾ DẠY HỌC MÔN TOÁN BẬC TIỂU HỌC		
1.1		Mục đích ý nghĩa, tác dụng của việc thiết kế kế hoạch dạy học môn toán ở Tiểu học.
1.2		Các dạng kế hoạch, Cấu trúc của một kế hoạch.
1.3		Thực hành thiết kế một số kế hoạch theo yêu cầu.
1.4		Thảo luận
CHƯƠNG 4		
KỸ NĂNG THỰC HÀNH VÀ LỰA CHỌN VÀ THIẾT KẾ BỔ SUNG NHẪM PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN		
1.1		Ý nghĩa của việc lựa chọn và phát triển hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học.
1.2		Yêu cầu cơ bản khi lựa chọn hoặc thiết kế bổ sung hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học.
1.3		Quy trình lựa chọn và quy trình thiết kế bổ sung hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học.
1.4		Thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập toán theo mục đích sư phạm định trước.
1.5		Thảo luận.

CHƯƠNG 5 KỸ NĂNG THỰC HÀNH PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM TRONG DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Mục đích, ý nghĩa của việc phát hiện và xử lý các tình huống sự phạm trong dạy học Toán của GV Tiểu học.
1.2		Một số tình huống sự phạm thường gặp.
1.3		Thực hành phát hiện và xử lý tình huống trong các tình huống dạy học Toán ở tiểu học.
1.4		Thảo luận.

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

TL1. Trần Ngọc Lan, *Giáo trình Thực hành phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo : *Quy định về chuẩn nghề nghiệp của Giáo viên Tiểu học*. Ban hành kèm theo quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT.

TK 2. Vũ Quốc Chung (2000), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán*. Dự án Việt-Bỉ tháng 11 năm 2000.

TK 3. Hà Sĩ Hồ (1995), *Một số vấn đề cơ sở của phương pháp dạy học Toán ở cấp 1 phổ thông*. NXB Giáo dục 1995

TK 4. Nguyễn Bá Kim, *Phương pháp dạy học môn Toán*, NXB Đại học Sư phạm.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

35. Thực hành giải toán ở tiểu học**2. Tên học phần: THỰC HÀNH GIẢI TOÁN Ở TIỂU HỌC****3. Tên học phần (tiếng Anh): Practice of Mathematics In Primary School****4. Số tín chỉ: 03****5. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 21 tiết, thực hành: 24 tiết. tự học: 0 tiết****6. Điều kiện tham gia học phần: PPDH môn Toán ở tiểu học****7. Loại học phần: Bắt buộc****8. Mô tả học phần:**

Sau khi học xong học phần PPDH Toán Tiểu học, SV được học HP “Thực hành giải toán Tiểu học” nhằm trang bị thêm các kiến thức về giải toán ở Tiểu học, các PP giải toán cơ bản thường được sử dụng và một số PP mới, hiện đại để sớm tiếp cận với Toán học ở các bậc học cao hơn sau này.

9. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được mục đích, vai trò, ý nghĩa của dạy – học giải toán ở Tiểu học.
2	MT2	Hiểu được về 4 bước dạy – học giải toán ở Tiểu học.
3	MT3	Nhận biết các bài toán cơ bản ở Tiểu học và một số PP giải toán thường dùng ở Tiểu học.
4	MT4	Hiểu rõ khái niệm, mục tiêu, hình thức đánh giá kết quả học tập trong môn toán ở Tiểu học.

10. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Nhận dạng, phân loại và vận dụng các PP giải toán vào các bài toán ở Tiểu học.
2	CDR2	Thực hiện thành thạo việc dạy – học giải toán theo 4 bước.
3	CDR3	Vận dụng thành thạo các PP giải toán thường dùng ở Tiểu học.
4	CDR4	Kiểm tra, đánh giá kịp thời và điều chỉnh để phục vụ tốt cho giảng dạy.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4
1	x	x		
2	x	x	x	
3				x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Đại cương về giải toán ở tiểu học	6	6	12
2	Ứng dụng các phương pháp vào giải toán Tiểu học	9	12	21
3	Đánh giá kết quả dạy học Toán ở Tiểu học	6	6	12
Tổng		21	24	45

11. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

12. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

13. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
ĐẠI CƯƠNG VỀ GIẢI TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động giải toán trong dạy học Toán ở Tiểu học.
1.2		Dạy – học quá trình giải toán ở Tiểu học.
1.3		Các dạng toán điển hình ở Tiểu học.
1.4		Thảo luận.
CHƯƠNG 2		
ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀO GIẢI TOÁN TIỂU HỌC		
1.1		Ứng dụng phương pháp cơ bản.
	1.2.1	PP đại số.
	1.2.2	PP dùng nguyên lý Đê-rích-lê.
	1.2.3	PP dùng biểu đồ Ven.
	1.2.4	PP dùng giải tích tổ hợp.

	1.2.5	PP lập bảng.
	1.2.6	PP suy luận đơn giản.
1.3		Thảo luận.
CHƯƠNG 3		
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC		
1.1		Khái niệm về đánh giá kết quả ở Tiểu học.
1.2		Vai trò, mục tiêu đánh giá kết quả ở Tiểu học.
1.3		Thực hiện đánh giá kết quả trong môn Toán ở Tiểu học.
1.4		Thảo luận.

14. Tài liệu học tập:**13.1 Giáo trình chính:**

TL1. Trần Diên Hiền (2003), *Thực hành giải toán Tiểu học*, NXB ĐHSP.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK 1. Đỗ Đình Hoan và tập thể, *Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, NXB ĐHSP

TK 2. Đỗ Đình Hoan và tập thể (2006), *Sách giáo khoa Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB GD.

TK 3. Trần Diên Hiền (2003), *Thực hành giải toán Tiểu học*, NXB ĐHSP.

TK 4. Trần Diên Hiền (2007), *Phát triển kỹ năng giải toán Tiểu học cho sinh viên*, NXB GD.

TK 5. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1998), *Các phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học*, NXB GD.

TK 6. Trần Thị Ngọc Diệp - Vũ Quốc Trung, *Giáo trình Ứng dụng giải tích tổ hợp để giải một số dạng toán ở tiểu học*, NXBĐHSP.

15. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

36. Đại cương phương pháp dạy Tiếng Việt 1 ở tiểu học

1. Tên học phần: **ĐẠI CƯƠNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC**

2. Tên tiếng Anh: **UNIVERSITY METHOD OF TEACHING VIETNAMESE IN PRIMARY**

3. Số tín chỉ: **04**

4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 27 tiết, thực hành: 33 tiết, tự học: 0 tiết**

5. Điều kiện tham gia học phần: **Cơ sở Việt ngữ 1, 2 của việc dạy học Tiếng Việt tiểu học**

6. Loại học phần: **Bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Đại cương Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học là một môn khoa học về phương pháp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này được bố trí ở học kỳ 4 (học kì 2 năm thứ 2) trong chương trình đào tạo.

Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học; (2) PPDH các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.

8. Mục tiêu môn học

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu những kiến thức cơ bản về: bộ môn Tiếng Việt ở tiểu học (chương trình Tiếng Việt mới, sách giáo khoa Tiếng Việt mới)
2	MT2	Hiểu đúng các nguyên tắc, quan điểm dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
3	MT3	Hiểu được nội dung các phương pháp dạy học Tiếng Việt theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh tiểu học.
4	MT4	Hiểu đúng nội dung được những kiến thức về PPDH các phân môn trong môn Tiếng Việt như: Học vần, Tập viết, Chính tả ở tiểu học theo chương trình mới.
5	MT5	Xác định được nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về: bộ môn Tiếng Việt ở tiểu học (chương trình Tiếng Việt mới, sách giáo khoa Tiếng Việt mới).
2	CĐR2	Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, quan điểm dạy học Tiếng Việt.
3	CĐR3	Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản các phương pháp dạy học Tiếng Việt theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh tiểu học.
4	CĐR4	Trình bày, phân tích được những kiến thức về PPDH các phân môn trong môn Tiếng Việt như: Học vần, Tập viết, Chính tả ở tiểu học theo chương trình mới.
5	CĐR5	Lập được kế hoạch dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong các phân môn như Học vần, Tập viết, Chính tả... ở tiểu học theo hướng tích cực.
6	CĐR6	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về PPDH để giảng dạy các phân môn Tiếng Việt: Học vần, Tập viết, Chính tả... ở tiểu học theo chương trình mới.
7	CĐR7	Thiết kế được một số đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
1	x	x	x		x	x	
2				x			
3	x	x	x	x	x	x	x
4	x	x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
Phần 1	Những vấn đề chung của PPDH tiếng Việt ở tiểu học	15	5	20
Phần 2	PPDH các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học			
1	PP dạy Học vần	4	10	14
2	Phương pháp dạy Tập viết	4	9	13
3	Phương pháp dạy Chính tả	4	9	13

Tổng	27	33	60
-------------	-----------	-----------	-----------

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1	
Những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	
1.1	Bộ môn PPDH Tiếng Việt ở tiểu học
1.2	Cơ sở khoa học của PPDH Tiếng Việt ở tiểu học
1.3	Phương pháp nghiên cứu trong PPDH Tiếng Việt ở tiểu học
1.4	Môn Tiếng Việt ở trường tiểu học
1.5	Nguyên tắc và PPDH Tiếng Việt ở tiểu học
1.6	Dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm tích hợp
Phần 2	
Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	
2.1	Phương pháp dạy Học văn
2.2	Phương pháp dạy Tập viết
2.3	Phương pháp dạy Chính tả

13. Tài liệu học tập:**13.1 Giáo trình chính:**

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học* Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Lê A - Trịnh Đức Minh (2009), *Dạy tập viết ở tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

TK2. Lê A - (2011), *Chữ viết và dạy tập viết ở tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

TK3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học* Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

TK5. Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tĩnh (2009), *Giải đáp 188 câu hỏi về giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

TK6. Lê Phương Nga (2003), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, NXB ĐHSP Hà Nội.

TK7. Nguyễn Minh Thuyết, *Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt 2,3,4,5*, NXB Giáo dục. TK8. Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học lớp 1 - 5.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

37. Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học 2

1. Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 2

2. Tên tiếng Anh: Introduction to Vietnamese Teaching Methods in Primary School

3. Số tín chỉ: 04

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 36 tiết, thực hành: 24 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở Việt ngữ 1, 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học, Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học 2 là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm GD Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho SV những kiến thức về các phân môn trong môn Tiếng Việt ở tiểu học (phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn và phương pháp dạy học các phân môn này ở tiểu học) và hướng dẫn tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc, được bố trí vào học kì 2 năm 3 trong chương trình đào tạo.

Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo các nhóm vấn đề chính: (1) PPDH Tập đọc ở tiểu học; (2) PPDH Kể chuyện ở tiểu học, PPDH Luyện từ và câu ở tiểu học, PPDH Tập làm văn ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức về nội dung chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học và dạy học các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn ở tiểu học.
2	MT2	Trang bị những kiến thức về vị trí, nhiệm vụ và các hình thức ngoại khóa Tiếng Việt ở tiểu học.
3	MT3	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm tìm tòi, khám phá, đồng thời người học biết vận dụng những tri thức để giải thích những nội dung liên quan trong cuộc sống.
4	MT4	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích được nội dung chương trình, sách giáo khoa và các tài

		liệu dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học và dạy học các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn ở tiểu học.
2	CĐR2	Xác định được nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách đánh giá môn Tiếng Việt ở Tiểu học, cụ thể các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn.
3	CĐR3	Xác định được vị trí, nhiệm vụ và các hình thức ngoại khóa Tiếng Việt ở tiểu học.
4	CĐR4	Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn ở tiểu học theo chương trình mới.
5	CĐR5	Có kĩ năng lập kế hoạch dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn ở tiểu học theo hướng tích cực.
6	CĐR6	Thiết kế được một số đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả
7	CĐR7	Xây dựng được một số hoạt động ngoại khóa tích hợp giáo dục trong môn Tiếng Việt và hoạt động giáo dục ở tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
1	x	x		x	x	x	
2	x	x		x	x	x	
3	x	x		x	x	x	
4	x	x		x	x	x	
5			x				x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Phương pháp dạy học Tập đọc	8	6	14
2	Phương pháp dạy học Kể chuyện	6	4	10
3	Phương pháp dạy học Luyện từ và câu	8	6	14
4	Phương pháp dạy học Tập làm Văn	7	5	12
5	Tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học	5	5	10
Tổng		34	26	60

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x		
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1	
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TẬP ĐỌC Ở TIỂU HỌC	
1.1	Vị trí, nhiệm vụ của dạy học Tập đọc ở tiểu học
1.2	Cơ sở khoa học của dạy học Tập đọc ở tiểu học
1.3	Chương trình, sách giáo khoa dạy học Tập đọc ở tiểu học
1.4	Tổ chức dạy học Tập đọc
CHƯƠNG 2	
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC	
	Vị trí, nhiệm vụ của dạy học Kể chuyện
	Nội dung dạy học Kể chuyện
2.3	Tổ chức dạy học Kể chuyện
CHƯƠNG 3	
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU Ở TIỂU HỌC	
3.1	Vị trí, nhiệm vụ của dạy học Luyện từ và câu
3.2	Các nguyên tắc dạy học Luyện từ và câu
3.3	Nội dung dạy học Luyện từ và câu
3.4	Tổ chức dạy học Luyện từ và câu
CHƯƠNG 4	

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TẬP LÀM VĂN Ở TIỂU HỌC	
4.1	Vị trí, nhiệm vụ của phân môn Tập làm văn
4.2	Cơ sở khoa học của dạy học Tập làm văn
4.3	Nội dung dạy học Tập làm văn ở tiểu học
4.4	Tổ chức dạy học Tập làm văn ở tiểu học
CHƯƠNG 5	
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHOA MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC	
5.1	Vị trí, nhiệm vụ của hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học
5.2	Các hình thức ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học và cách tổ chức thực hiện
5.3	Xây dựng một số hoạt động ngoại khóa tích hợp giáo dục trong môn Tiếng Việt và hoạt động giáo dục ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học* Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

13.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lê A – Bùi Minh Toán – Nguyễn Quang Ninh, *Phương pháp dạy Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1996.

[3] Chu Thị Thủy An – Chu Thị Hà Thanh, *Dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2009

[4] Đặng Quốc Bảo – Nguyễn Thị Bầy – Bùi Ngọc Diệp – Bùi Đức Thiệp – Ngô Thị Tuyên, *Cẩm nang xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.

[5] Chu Huy, *Dạy Kể chuyện ở bậc tiểu học*, NXB Giáo dục, 2001

[6] Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tĩnh, *Giải đáp 188 câu hỏi về giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2009.

[7] Trần Mạnh Hưởng, *Luyện tập về cảm thụ văn học ở tiểu học*, NXB Giáo dục VN, 2009.

[8] Lê Phương Nga, *Dạy học Tập đọc ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2001.

[9] Lê Phương Nga, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II*, NXB Đại học Sư phạm, 2010.

[10] Nguyễn Trí, *Dạy Tập làm văn ở trường tiểu học*, NXB Giáo dục, 2003

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

38. Cơ sở khoa học tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học

1. Tên học phần: CƠ SỞ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

2. Tên học phần (tiếng Anh): NATURAL SCIENCE BASIS AND TEACHING METHODS IN PRIMARY

3. Số tín chỉ: 03

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 27, thực hành: 18, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Phương pháp dạy học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; hình thành và phát triển cho sinh viên kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học. Cùng với học phần *Cơ sở Khoa học Xã hội và Phương pháp dạy học ở tiểu học*, nó góp phần trang bị cho sinh viên đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về tự nhiên- xã hội và kĩ năng dạy học các môn học về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.

Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kì 4 năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khoa học tự nhiên (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kĩ năng tìm hiểu về kiến thức khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung thực vật, động vật trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
2	CĐR2	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung con người và sức khỏe trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
3	CĐR3	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung vật chất và năng lượng trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
4	CĐR4	Thực hiện được các kỹ năng tìm tòi nghiên cứu, thực hành, quan sát, thí nghiệm,...
5	CĐR 5	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên trong giải quyết các tình huống sự phạm nảy sinh trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học.
6	CĐR6	Sử dụng và phối hợp được các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá hiệu quả trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.
7	CĐR 7	Thiết kế và tổ chức dạy học được các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
1 (Phần 1)	x			x	x	x	x
2	x			x	x	x	x
3		x		x	x	x	x
4			x	x	x	x	x
1 (Phần 2)						x	x
2				x	x	x	x
3				x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
Phần 1: 1	Chương 1: Thực vật	3	2	5
2	Chương 2: Động vật	2	2	4
3	Chương 3: Con người và sức khỏe	2	1	3
4	Chương 4: Vật chất và năng lượng	3	3	6

Phần 2: 1	Chương 1: Những vấn đề chung	5	4	9
2	Chương 2: Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	6	3	9
3	Chương 3: Hướng dẫn dạy học môn Khoa học	6	3	9
Tổng		27	18	45

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x		x		x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100 %

12. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN 1- CHƯƠNG 1	
THỰC VẬT	
1.1	Khái quát về thực vật
1.2	Các cơ quan sinh dưỡng của thực vật
1.3	Sự sinh sản và các cơ quan sinh sản của thực vật
1.4	Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống thực vật
CHƯƠNG 2	
ĐỘNG VẬT	
2.1	Khái quát về động vật
2.2.	Đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp

2.3.	Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh lên đời sống động vật và sự thích nghi của chúng
CHƯƠNG 3 CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	
3.1	Khái quát về cơ thể người
3.2	Một số bệnh thông thường và các tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học
CHƯƠNG 4 VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG	
4.1	Khái quát về nước, không khí, ánh sáng, âm thanh
4.2	Một số kim loại thông dụng
4.3	Một số vật liệu thông dụng
4.4	Một số nguồn năng lượng
PHẦN 2 - CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	
1.1	Các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
1.2	Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
1.3	Hình thức tổ chức dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
1.4	Phương tiện dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
1.5	Kiểm tra và đánh giá trong các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
CHƯƠNG 2 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI	
2.1	Chương trình và sách giáo khoa môn học Tự nhiên và Xã hội
2.2	Hướng dẫn dạy học các chủ đề
CHƯƠNG 3 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC	
3.1	Chương trình và sách giáo khoa môn học Khoa học
3.2	Hướng dẫn dạy học các chủ đề

13. Tài liệu học tập:**13.1Giáo trình chính:**

TL1. Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên) (2018), *Giáo trình Cơ sở tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TL2. Nguyễn Thị Thấn (chủ biên) (2009), *Giáo trình Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

13.2Tài liệu tham khảo:

TK1. Thái Trần Bái- Nguyễn Văn Khang (1999), *Động vật không xương sống*, NXB Giáo dục.

TK2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *SGK, SGV Tự nhiên và Xã hội, Khoa học*

TK3. Trần Kiên (chủ biên) (1999), *Động vật có xương sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội

TK4. Đỗ Trần Cát (chủ biên) (1999), Vật lí đại cương, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK5. Nguyễn Thế Ngôn (2003), Hóa học vô cơ, NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

Cơ sở khoa học xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học

10. Học phần : CƠ SỞ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

11. Tên học phần (tiếng Anh): Natural Science Education And Teaching Methods In Primary School

12. Số tín chỉ: 03

13. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 25 tiết, thực hành: 18 tiết, tự học: 0 tiết

14. Điều kiện tham gia học phần: Không

15. Loại học phần: Bắt buộc

16. Mô tả học phần:

Học phần Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học

Nội dung học phần gồm 3 chương:

Chương 1: Một số kiến thức chung về xã hội;

Chương 2: Lịch sử;

Chương 3: Địa lí.

17. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về xã hội, cụ thể là kiến thức về Địa lí và Lịch sử.
2	MT2	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm tìm tòi, khám phá, đồng thời người học biết vận dụng những tri thức để giải thích những nội dung liên quan trong cuộc sống.
3	MT3	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

18. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Nhận biết vai trò, các loại hình gia đình; đặc điểm của lớp học, trường học
2	CĐR2	Trình bày được các sự kiện lịch sử tiêu biểu của lịch sử Việt Nam và các đặc điểm cơ bản của địa lí Việt Nam và các châu lục.
3	CĐR3	Phân tích được nội dung của một số cuộc tấn công, kháng chiến, chiến dịch của lịch sử Việt Nam; đặc điểm vị trí địa lí, kinh tế.
4	CĐR4	Giải thích được nguyên nhân, ý nghĩa của một số cuộc tấn công,

		kháng chiến, chiến dịch của lịch sử Việt Nam và đặc điểm địa lí
5	CDR5	Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng tự nhiên trong cuộc sống.
6	CDR6	Đánh giá được nội dung lịch sử Việt Nam ở các giai đoạn và rút ra bài học.
7	CDR7	So sánh và đánh giá nền kinh tế của các tỉnh thành Việt Nam

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1	x						
2		x	x	x		x	
3		x	x	x	x		x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Một số kiến thức chung về xã hội	6	3	9
2	Lịch sử	10	8	18
3	Địa lí	10	8	18
Tổng		25	18	45

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x	x	
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x		
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ XÃ HỘI		
1		Gia đình
	1.1	Khái niệm về gia đình và hộ gia đình
	1.2	Các loại hình gia đình
	1.3	Vai trò của gia đình
	1.4	Chức năng của gia đình
	1.5	Những mối quan hệ trong gia đình
	1.6	Quy mô gia đình và chất lượng cuộc sống
	1.7	Những thay đổi đang diễn ra trong các gia đình Việt Nam hiện nay
2		Trường học
	2.1	Vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của trường tiểu học
	2.2	Lớp học
	2.3	Nhiệm vụ của người giáo viên và học sinh tiểu học
3		Quê hương
	3.1	Vị trí
	3.2	Điều kiện tự nhiên
	3.3	Đặc điểm văn hóa, lịch sử
	3.4	Đặc điểm kinh tế
	3.5	Cơ cấu tổ chức xã hội
CHƯƠNG 2		
LỊCH SỬ		
1		Lịch sử buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc ta
	1.1	Nền văn hóa Đông Sơn và những chuyển biến xã hội
	1.2	Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc
	1.3.	Đặc điểm và ý nghĩa lịch sử của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc
2		Lịch sử thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
	2.1	Khái quát chung
	2.2	Các sự kiện quan trọng cần ghi nhớ
	2.3	Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc

	2.4	Phong trào đấu tranh của nhân dân ta chống ách đô hộ phong kiến phương Bắc
3		Lịch sử thời kì buổi đầu giành độc lập
	3.1	Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh
	3.2	Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống lần thứ nhất
4		Lịch sử nước Đại Việt
	4.1	Khái quát chung
	4.2	Một số sự kiện và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong các triều đại
5		Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp
	5.1	Giai đoạn từ 1858 đến 1895
	5.2	Giai đoạn đầu thế kỉ XX
	5.3	Giai đoạn từ 1930 - 1945
6		Cuộc kháng chiến chống Pháp
	6.1	Năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám 1945
	6.2	Chín năm kháng chiến chống Pháp
7		Lịch sử chống Mĩ cứu nước
	7.1	Tình hình nước ta sau năm 1954
	7.2	Các giai đoạn cách mạng Việt Nam từ 1954 đến 1975
8		Thời kì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay
	8.1	Thống nhất đất nước
		Mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1985)
		Công cuộc đổi mới (Từ 1986 đến nay)
CHƯƠNG 3		
ĐỊA LÍ		
1		Địa lí tự nhiên đại cương
	1.1	Vũ trụ và hệ Mặt trời
	1.2	Hình dạng và cấu tạo bên trong trái đất
	1.3	Vận động tự quay quanh trục của trái đất và hệ quả
	1.4	Vận động của trái đất quanh mặt trời và hệ quả
	1.5	Một số thành phần lớp vỏ địa lí
2		Khái quát về địa lí các Châu lục
	2.1	Châu Phi và Châu Mĩ
	2.2	Châu Á
	2.3	Châu Âu, Châu đại dương và Châu Nam cực
3		Địa lí Việt Nam
	3.1	Vị trí địa lí và các điều kiện tự nhiên
	3.2	Địa lí dân cư và các ngành kinh tế
	3.3	Thiên nhiên, con người và hoạt động kinh tế ở các vùng

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục Đào tạo, *Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội tập 1*, NXBGD 2007.

[2] Bộ Giáo dục Đào tạo, *Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội tập 2*, NXBGD 2007.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, 2002.

TK2. Bộ Giáo dục Đào tạo, *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXBGD 2006.

TK3. Nguyễn Thị Côi, *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP, 2011.

TK4. Quỳnh Cư – Đỗ Đức Hùng, *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2001.

TK5. Nguyễn Cương, *Phương tiện kỹ thuật và đồ dùng dạy học*, Hà Nội 1995

TK6. Nguyễn Dực, Nguyễn Trọng Phúc, *Lí luận dạy học Địa lí*, NXB ĐHSP 2010

TK7. Phan Ngọc Liên, *Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2*, NXB ĐHSP 2002 TK7. Nguyễn Viết Thịnh - Đỗ Thị Minh Đức, *Giáo trình địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2001

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

39. Công nghệ và phương pháp dạy ở tiểu học**1. Học phần : CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Technology And Teaching Methods In Primary School****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 18 tiết, thực hành: 12 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học là một học phần cung cấp những kiến thức về thủ công như kỹ thuật gấp hình, kỹ thuật gấp cắt dán, kỹ thuật làm đồ chơi và kỹ thuật lắp ghép mô hình, kiến thức về công nghệ và đời sống cũng như những kiến thức về nội dung môn Công nghệ ở tiểu học, phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức và kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

Nội dung học phần gồm 2 chương:

Chương 1: Công nghệ;

Chương 2: Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Xác định được những kiến thức cơ bản về công nghệ và đời sống như sản phẩm công nghệ, an toàn với công nghệ; phát triển công nghệ như thủ công kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật
2	MT2	Phân tích được những kiến thức cơ bản về nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn Thủ công, Kỹ thuật ở tiểu học.
3	MT3	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm thiết kế được các sản phẩm thủ công Kỹ thuật phù hợp với học sinh tiểu học
4	MT4	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Nhận biết được kiến thức cơ bản về công nghệ và đời sống
2	CĐR2	Trình bày được kiến thức cơ bản về nội dung chương trình môn Công nghệ ở tiểu học
3	CĐR3	Xác định được quy trình để tạo ra các sản phẩm.

4	CĐR4	Phân tích được cấu trúc chương trình, đặc điểm môn Công nghệ ở tiểu học.
5	CĐR5	Xác định được các phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học.
6	CĐR6	Vận dụng kiến thức về kiểm tra đánh giá để xây dựng nội dung nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Công nghệ cho học sinh tiểu học
7	CĐR7	Đánh giá được nội dung bài học và rút ra nội dung cần giáo dục cho học sinh.
8	CĐR8	Thiết kế được bài dạy cho từng kiểu bài trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
1	x		x				x	
2		x	x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Công nghệ	8	6	14
2	Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	10	6	16
Tổng		18	12	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x	x	x	
Kiểm tra thực hành giữa học kỳ	x		x	x	x	x		

Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x
-------------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
THỦ CÔNG – KỸ THUẬT		
1		Một số vấn đề chung về kỹ thuật tạo hình
	1.1	Mục đích
	1.2	Ý nghĩa
	1.3	Dụng cụ, vật liệu
	1.4	Một số phương pháp tạo hình
2		Kỹ thuật gấp hình
	2.1	Một số vấn đề chung về nghệ thuật gấp hình
	2.2	Một số kí hiệu và quy ước trong gấp giấy
	2.3	Các nếp gấp cơ bản và mẫu gấp ứng dụng
3		Kỹ thuật gấp, cắt, dán
	3.1	Kỹ thuật cắt theo các nét kẻ, vẽ sẵn
	3.2	Phối hợp gấp, cắt, dán hình
4		Kỹ thuật làm đồ chơi
	4.1	Nguyên tắc làm đồ chơi
	4.2	Vật liệu, dụng cụ
	4.3	Quy trình
	4.4	Thực hành thiết kế sản phẩm
5		Kỹ thuật lắp ghép mô hình phần cơ
	5.1	Mục đích, yêu cầu
	5.2	Vật liệu, dụng cụ
	5.3.	Quy trình
	5.4	Thực hành thiết kế sản phẩm
6		Kỹ thuật lắp ghép mô hình phần điện
	6.1	Mục đích, yêu cầu
	6.2	Vật liệu, dụng cụ
	6.3	Quy trình

	4.4	Thực hành thiết kế sản phẩm
		Công nghệ và đời sống
7		Kĩ thuật trồng cây
	7.1	Hoa và cây cảnh trong đời sống
	7.2	Trồng hoa và cây cảnh trong chậu
8		Công nghệ
	8.1	Tự nhiên và công nghệ
	8.2	Tìm hiểu một số đồ dùng công nghệ
CHƯƠNG 2. CÔNG NGHỆ Ở TIỂU HỌC		
1		Môn Công nghệ ở tiểu học
	1.1	Vị trí
	1.2	Cấu trúc và nội dung chương trình môn Công nghệ ở tiểu học
	1.3	Đặc điểm môn Công nghệ ở tiểu học
2		Các phương pháp dạy học môn Công nghệ ở tiểu học
	2.1	Phương pháp dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học
	2.2	Tổ chức dạy học môn Công nghệ ở tiểu học theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh
3		Các phương tiện và hình thức tổ chức dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học
	3.1.	Phương tiện dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học
	3.2	Các hình thức tổ chức dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học
4		Kiểm tra và đánh giá trong môn Công nghệ ở tiểu học
	4.1	Mục đích
	4.2	Các nguyên tắc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh
	4.3	Kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

Đào Quang Trung, Nguyễn Huỳnh Liễu... - *TCKT và PPDH TCKT* – NXB ĐHSPT và NXBGD – 2007

13.2 Tài liệu tham khảo:

1. Đoàn Chi, Nguyễn Hữu Hạnh, Trịnh Kim Thanh - SGK Nghệ thuật lớp 1 (phần Thủ công) – NXBGD - 2002
2. Đoàn Chi, Trần Thị Thu, Đào Hải Phượng - SGK Nghệ thuật lớp 2 (phần Thủ công) – NXBGD - 2003
3. Đoàn Chi, Trần Thị Thu - SGK Nghệ thuật lớp 3 (phần Thủ công)– NXBGD - 2004
4. Đoàn Chi, Vũ Hải, Nguyễn Huỳnh Liễu, Trần Thị Thu - SGK Kĩ thuật lớp 4 – NXBGD - 2005
5. Đoàn Chi, Vũ Hải, Nguyễn Huỳnh Liễu, Trần Thị Thu - SGK Kĩ thuật lớp 5 – NXBGD - 2006

6. Đặng Hồng Nhật - Tạo hình và phương pháp hướng dẫn tạo hình của trẻ em - NXB
ĐH Quốc gia HN – 2002

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

40. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học**1. Học phần : TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): ORGANIZATION OF EXPERIENCE ACTIVITIES FOR PRIMARY STUDENTS****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học là một học phần cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học.

Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành được bố trí ở học kì 6, năm thứ ba dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên các kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.
2	CDR2	Phân tích được nội dung, hình thức và phương pháp chủ yếu thực hiện hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.

3	CĐR3	- Xác định được qui trình tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.
4	CĐR4	- Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.
5	CĐR5	- Đánh giá được kết quả hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.
6	CĐR6	- Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1	x	x			x	x
2	x	x			x	x
3		x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Chương 1. Vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	4	2	6
2	Chương 2. Nội dung, hình thức và phương pháp chủ yếu thực hiện hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	6	2	8
3	Chương 3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	10	6	16
Tổng		20	10	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x		x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	x

Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x
-------------------------------------	---	---	---	---	---	---

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG	
1.1	Quan niệm về hoạt động trải nghiệm
1.2	Vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
1.3	Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
1.4	Mối quan hệ giữa quá trình dạy học và hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
CHƯƠNG 2 NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
2.1	Nội dung chủ yếu của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
2.2.	Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
2.3.	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
CHƯƠNG 3 TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
3.1	Nguyên tắc tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
3.2	Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
3.3	Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
3.4	Thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1Giáo trình chính:

TL1. Nguyễn Thị Liên (Chủ biên) (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXBGD Việt Nam.

13.2Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV các môn học ở tiểu học

TK2. Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao – Nguyễn Tuấn Phương – Chu Thị Minh Tâm (2006), *Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, NXBGD.

TK3. Nguyễn Hữu Hợp (2012), *Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học*, NXBĐHSP.

TK4. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2010), *Cẩm nang tổ chức các hoạt động thiếu nhi*, NXB Kim Đồng.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

41. Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học**1. Tên học phần: ÂM NHẠC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Music And Methods Of Teaching Music In Primary School****3. Số tín chỉ: 03****4. Phân bổ thời gian:****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc tiểu học gồm hai phần; phần 1: Âm nhạc, cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học, gồm giới thiệu về âm thanh, cao độ âm thanh; những kiến thức về trường độ của âm thanh, tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức - giọng và sơ lược về hợp âm, kỹ năng về đọc nhạc cơ bản; phần 2: Phương pháp dạy học âm nhạc, cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1.	MT5	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về âm nhạc, phương pháp dạy học âm nhạc
2	MT6	- Vận dụng kiến thức âm nhạc vào đọc nhạc, dạy học âm nhạc
3	MT7	- Thực hành dạy học hát
4	MT8	- Thực hành dạy tập đọc nhạc

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Trước giờ lên lớp: Đọc nghiên cứu tài liệu hoặc giáo trình môn học.
- Trong giờ lên lớp: Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị ý kiến, tình huống, phát biểu, làm việc nhóm.
- Sau giờ lên lớp: Tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

10. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %

3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

11. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
ÂM THANH – ÂM NHẠC		
1.1		Khái niệm về âm thanh và âm nhạc
	1.1.1	Cơ sở vật lý của âm thanh
	1.1.2	Các thuộc tính cơ bản của âm nhạc
	1.1.3	Âm bồi và thang âm tự nhiên
	1.1.4	Hệ thống âm thanh trong âm nhạc
1.2		Các ký hiệu âm nhạc thường dùng
	1.2.1	Hình nốt
	1.2.2	Khuông nhạc và đường kẻ phụ
	1.2.3	Khóa nhạc
	1.2.4	Kí hiệu tăng trưởng độ
	1.2.5	Kí hiệu nâng cao, hạ thấp cao độ
	1.2.6	Ô nhịp, vạch nhịp, số chỉ nhịp
CHƯƠNG 2		
QUÃNG - ĐIỆU THỨC – GIỌNG		
2.1		Quãng
	2.1.1	Độ lớn số lượng và chất lượng quãng – Tên gọi của quãng
	2.1.2	Quãng thuận
	2.1.3	Quãng nghịch
2.2		Đảo quãng
	2.2.1	Các cách đảo quãng
	2.2.2	Tên gọi các quãng đảo
2.3		Điệu thức – giọng
	2.3.1	Khái niệm
	2.3.2	Điệu thức trưởng tự nhiên, giai điệu, hòa thanh
	2.3.3	Điệu thức thứ tự nhiên, giai điệu, hòa thánh
CHƯƠNG 3		
SƠ LƯỢC VỀ HỢP ÂM		
3.1		Khái niệm hợp âm
3.2		Hợp âm ba
	3.2.1	Các dạng hợp âm ba
	3.2.2	Các hợp âm ba chính ở điệu trưởng và điệu thứ
3.3		Hợp âm bảy
	3.3.1	Khái niệm
	3.3.2	Các loại hợp âm bảy

CHƯƠNG 4		
ĐỌC NHẠC GIỌNG ĐÔ TRƯỞNG		
4.1		Giọng Đô trưởng tự nhiên
	4.1.1	Đọc gam, hợp âm rải gam Đô trưởng tự nhiên
	4.1.2	Đọc các quãng của gam Đô trưởng tự nhiên
	4.1.3	Thực hành gõ và giữ nhịp, phách các dạng tiết tấu đơn giản: đen, trắng, tròn
	4.1.4	Thực hành đọc các bài tập ở giọng Đô trưởng tự nhiên với tiết tấu đơn giản
4.2		Giọng Đô trưởng hòa thanh
	4.2.1	Đọc gam, hợp âm rải gam Đô trưởng hòa thanh
	4.2.2	Đọc các quãng của gam Đô trưởng hòa thanh
	4.2.3	Thực hành gõ và giữ nhịp, phách các dạng tiết tấu đơn giản: đen, trắng, tròn
	4.2.4	Thực hành đọc các bài tập ở giọng Đô trưởng tự nhiên với tiết tấu đơn giản
CHƯƠNG 5		
ĐỌC NHẠC GIỌNG LA THỨ		
5.1		Giọng La thứ tự nhiên
	5.1.1	Đọc gam, hợp âm rải gam La thứ tự nhiên
	5.1.2	Đọc các quãng của gam La thứ tự nhiên
	5.1.3	Thực hành gõ và giữ nhịp, phách các dạng tiết tấu đơn giản: đen, trắng, tròn
	5.1.4	Thực hành đọc các bài tập ở giọng La thứ tự nhiên với tiết tấu đơn giản
5.2		Giọng La thứ hòa thanh
	5.2.1	Đọc gam, hợp âm rải gam La thứ hòa thanh
	5.2.2	Đọc các quãng của gam La thứ hòa thanh
	5.2.3	Thực hành gõ và giữ nhịp, phách các dạng tiết tấu đơn giản: đen, trắng, tròn
	5.2.4	Thực hành đọc các bài tập ở giọng La thứ hòa thanh với tiết tấu đơn giản
PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC		
CHƯƠNG 6		
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PP DẠY HỌC ÂM NHẠC		
6.1		Vai trò giáo dục của âm nhạc đối với học sinh tiểu học
6.2		Mục đích môn âm nhạc ở trường tiểu học
6.3		Đặc điểm khả năng âm nhạc của học sinh tiểu học
6.4		Cấu trúc của chương trình

6.5		Cấu trúc sách giáo khoa
CHƯƠNG 7 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÁT		
7.1		Xác định mục đích, yêu cầu dạy hát cho học sinh tiểu học
7.2		Xác định về phương pháp và các bước dạy hát cho học sinh tiểu học
7.3		Sử dụng và khai thác các phương tiện trong dạy hát
7.4		Xác định phương pháp dạy các hoạt động kết hợp với hát
7.5		Thực hành dạy một bài hát trong chương trình AN tiểu học
Chương 8 PHƯƠNG PHÁP DẠY TẬP ĐỌC NHẠC		
8.1		Xác định mục đích, yêu cầu của việc dạy học sinh tập đọc nhạc
8.2		Xác định các bước dạy học sinh tập đọc nhạc
8.3		Tìm hiểu về sử dụng phương tiện và các hoạt động kết hợp trong dạy tập đọc nhạc
8.4		Thực hành tập dạy một bài Tập đọc nhạc trong sách giáo khoa AN tiểu học
Chương 9 THỰC HÀNH SOẠN GIÁO ÁN VÀ TẬP DẠY TIẾT ÂM NHẠC TIỂU HỌC		
9.1		Thực hành xây dựng giáo án
9.2		Thực hành tập dạy theo nhóm

12. Tài liệu học tập:

12.1 Giáo trình chính:

[1] Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng (2005), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội

[2] Hoàng Long (2007), *Âm nhạc và phương pháp giảng dạy âm nhạc Tiểu học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội

[3] Phạm Thanh Vân – Nguyễn Hoàng Thông, *Độc – ghi nhạc* (2006), Nxb. Đại học sư phạm, Hà nội.

12.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Bách (2008), *Lý thuyết âm nhạc căn bản*, Nxb. Thanh niên

[2] Phạm Phương Hoa (2008), *Tự học nhạc lý cơ bản*, Nxb. Âm nhạc

[3] Nguyễn Văn Nhân (2002), *Giáo trình Âm nhạc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội

13. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

42. Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học

1. Tên học phần: MỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC

2. Tên tiếng Anh: Arts and art teaching method in primary school

3. Số tín chỉ: 04

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 32 tiết, thực hành: 28 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật là một môn học cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được quy trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn giáo án các phân môn, các bước tiến hành một bài dạy trên lớp...). Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Môn học này là môn học bắt buộc; có thể bố trí ở học kỳ 1 năm thứ hai trở lên trong chương trình đào tạo.

Môn học gồm 8 nhóm vấn đề chính: (1) Một số kiến thức chung về mỹ thuật; (2) Vẽ theo mẫu; (3) Ký họa và phương pháp ký họa; (4) Vẽ trang trí; (5) Kẽ chữ in hoa ; (6) Vẽ tranh; (7) Thường thức mỹ thuật; (8) Phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trình bày được những hiểu biết thẩm mỹ (nhận thức, đánh giá, thường thức cái đẹp).
2	MT2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về mỹ thuật, tạo điều kiện cho việc giải quyết các bài tập của chương trình, đồng thời nâng cao năng lực nhận thức lý thuyết chung.
3	MT3	Giải thích được các thể loại tranh.
4	MT4	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật vào cuộc sống
5	MT5	Vận dụng được những kiến thức tổng quan về mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
30.	CĐR29	Sinh viên hiểu được mỹ thuật là gì? Sinh viên vẽ được các bài tập: Vẽ theo mẫu, vẽ trang trí và vận dụng những hiểu biết vào trong sinh hoạt, học tập và giảng dạy.
31.	CĐR30	Vẽ được tranh đơn giản với các đề tài gần gũi.

32.	CĐR31	Thiết kế được kế hoạch bài dạy, hình thức tổ chức, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.
33.	CĐR32	Tổ chức được các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
1	x			
2	x	x		
3	x	x		
4	x	x		
5	x			
6	x	x		
7	x		x	
8			x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Một số kiến thức chung về mỹ thuật	4		4
2	Vẽ theo mẫu	4	4	8
3	Ký họa và PP ký họa	2	4	6
4	Vẽ trang trí	4	4	8
5	Kẻ chữ in hoa	2	2	4
6	Vẽ tranh	4	6	10
7	Thường thức mỹ thuật	4		4
8	PP dạy học mỹ thuật	8	8	16
Tổng		32	28	60

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến	10 %

		- Bài tập về nhà	
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG I	
MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ MỸ THUẬT	
1.1	Khái niệm mỹ thuật
1.2	Nguồn gốc mỹ thuật
1.3	Mỹ thuật và cuộc sống con người
1.4	Giới thiệu một số chất liệu mỹ thuật thường gặp
CHƯƠNG 2	
VẼ THEO MẪU	
2.1	Khái niệm vẽ theo mẫu
2.2	Một số kiến thức cơ bản về vẽ theo mẫu
2.3	Luật xa gần
2.4	Phương pháp vẽ theo mẫu
CHƯƠNG 3	
KÝ HỌA VÀ PHƯƠNG PHÁP KÝ HỌA	
3.1	Mục đích của ký họa
3.2	Giới thiệu tỉ lệ mặt người, tỉ lệ người
3.3	Phương pháp ký họa người, cảnh và loài vật
CHƯƠNG 4	
VẼ TRANG TRÍ	
4.1	Khái niệm trang trí
4.2	Các loại hình trang trí
4.3	Một số kiến thức cơ bản về trang trí
4.4	Màu sắc và cách sử dụng màu sắc trong trang trí
4.5	Phương pháp tiến hành một bài vẽ trang trí
CHƯƠNG 5	
KẼ CHỮ IN HOA	
5.1	Vai trò của chữ trong trang trí
5.2	Một số kiểu chữ gốc
5.3	Một số điều cần ghi nhớ khi sử dụng chữ
5.4	Phương pháp kẻ khẩu hiệu
CHƯƠNG 6	
VẼ TRANH	
6.1	Một số kiến thức cần thiết cho vẽ tranh

6.2	Phương pháp vẽ tranh
CHƯƠNG 7 THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT	
7.1	Sơ lược về lịch sử mỹ thuật cổ Việt Nam
7.2	Giới thiệu tranh dân gian Việt Nam
7.3	Phân tích khái quát một số tranh dân gian tiêu biểu
CHƯƠNG 8 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC	
8.1	Giới thiệu chương trình môn mỹ thuật ở tiểu học
8.2	Phương pháp dạy học môn mỹ thuật ở tiểu học
8.3	Cách tổ chức giờ dạy – học mỹ thuật ở tiểu học
8.4	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập
8.5	Thiết kế bài dạy

13. Tài liệu học tập:**13.1Giáo trình chính:**

TL1. Đàm Văn Thọ, *Bài giảng Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học*.

13.2Tài liệu tham khảo:

TK1. Triệu Khắc Lễ (2003), *Hình họa*, NXB Đại học Sư phạm

TK2. Tạ Phương Thảo (2003), *giáo trình trang trí*, NXB Đại học Sư phạm.

TK3. Nguyễn Lăng Bình (2003), *ký họa*, NXB Đại học Sư phạm

TK4. Đàm Luyện (2003), *Giáo trình bố cục*, NXB Đại học Sư phạm.

TK5. Phạm Thị Chính (2004), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

43. Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học**1. Học phần : Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học****2. Tên học phần (tiếng Anh): Sino-Vietnamese words and teaching Sino-Vietnamese words in Primary School****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở Việt ngữ 1, 2 của việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học là một chuyên đề trong môn Tiếng Việt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt và các kỹ năng nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt, đặc biệt là từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc và được bố trí ở học kỳ 3 (học kì 1 năm thứ 2) trong chương trình đào tạo.

Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên nắm nội dung về Từ Hán Việt theo 4 nhóm vấn đề chính: (1) Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt; (2) Khái niệm từ Hán Việt; (3) Một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong chương trình và SGK Tiếng Việt tiểu học; (4) Bỏ túi vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
13.	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ Hán Việt: Khái niệm, vị trí, các kiểu từ Hán Việt; phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt; những vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt cấp tiểu học.
14.	MT2	Giúp người học giải nghĩa được từ Hán Việt, lựa chọn và sử dụng đúng từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp.
15.	MT3	Giúp người học hướng dẫn được học sinh tiểu học bước đầu nhận diện, lựa chọn và sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, đúng văn cảnh.
16.	MT4	Xây dựng được các chủ đề dạy học tích hợp trong nội dung dạy học từ Hán Việt ở tiểu học.
17.	MT5	- Giúp người học ý thức được tầm quan trọng của việc hiểu đúng, dùng đúng từ Hán Việt trong giao tiếp; góp phần làm giàu đẹp thêm tiếng Việt, tăng hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ của dân tộc. - Giáo dục học sinh ý thức học tập, tiếp thu từ Hán Việt, góp phần

		phát triển tiếng nói của dân tộc.
--	--	-----------------------------------

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
18.	CDR1	Phân tích và lý giải được những kiến thức về quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán gồm: vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ, quá trình tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Hán.
19.	CDR2	Phân tích và lý giải được những kiến thức về từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, gồm: Khái niệm và vị trí của từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt, đặc trưng ngữ nghĩa và cấu tạo của lớp từ Hán Việt, phương pháp nhận diện và giải nghĩa từ Hán Việt.
20.	CDR3	Phân tích và lý giải được những kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ có quan hệ về nghĩa, không có quan hệ về nghĩa; một số vấn đề liên quan đến dạy từ ngữ ở tiểu học).
21.	CDR4	Phân tích và lý giải được những kiến thức về dạy học từ Hán Việt trong nhà trường tiểu học, gồm: Ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ dạy học từ Hán Việt trong nhà trường tiểu học; khả năng lĩnh hội và sử dụng từ Hán Việt của học sinh tiểu học; dạy học từ Hán Việt cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt
22.	CDR5	Bổ túc được vốn từ Hán Việt cho người học thông qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.
23.	CDR6	Giải nghĩa được từ Hán Việt, lựa chọn và sử dụng đúng từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp. Hướng dẫn được học sinh tiểu học bước đầu nhận diện, lựa chọn và sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, đúng văn cảnh.
24.	CDR7	Xây dựng được chủ đề dạy học tích hợp trong nội dung dạy học từ Hán Việt ở tiểu học.
25.	CDR8	Ý thức được tầm quan trọng của việc hiểu đúng, dùng đúng từ Hán Việt trong giao tiếp; góp phần làm giàu đẹp thêm tiếng Việt, tăng hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ của dân tộc. Giáo dục học sinh ý thức học tập, tiếp thu từ Hán Việt, góp phần phát triển tiếng nói của dân tộc.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
4.	x			x	x			
5.	x	x	x	x	x	x	x	x
6.		x	x	x	x	x	x	x
7.					x			x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
4.	Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt	2	1	3
5.	Từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt	8	4	12
6.	Dạy học từ Hán Việt trong trường tiểu học	5	5	10
7.	Bổ túc vốn từ Hán Việt	1	4	5
Tổng		16	14	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao	X	x	x	x		x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	x	x
Thi tự luận cuối học kỳ	x	x	x	x	x		

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 75 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi trắc nghiệm cuối học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 75 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1	
QUÁ TRÌNH TIẾP XÚC NGÔN NGỮ VIỆT HÁN	
1.1	Vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ
1.2	Quá trình tiếp xúc giữa tiếng Việt và tiếng Hán
CHƯƠNG 2	
TỪ HÁN VIỆT TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT	
2.1	Khái niệm từ Hán Việt
2.2	Vị trí của từ Hán Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt
2.3	Đặc trưng ngữ nghĩa và cấu tạo của lớp từ Hán Việt
2.4	Phương pháp nhận diện và giải nghĩa từ Hán Việt
CHƯƠNG 3	
DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC	
3.1	Ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ dạy học từ Hán Việt trong nhà trường tiểu học
3.2	Khả năng lĩnh hội và sử dụng từ Hán Việt của học sinh tiểu học
3.3	Dạy học từ Hán Việt cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt
CHƯƠNG 4	
BỔ TÚC VỐN TỪ HÁN VIỆT	
4.1	Bổ túc vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường
4.2	Bổ túc vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Hồ Chí Minh

13. Tài liệu học tập:**13.1 Giáo trình chính:**

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Hoàng Trọng Canh(chủ biên), Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, *Chuyên đề từ Hán Việt*.

TK2. Nguyễn Tài Cẩn (1999), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc từ Hán Việt*, NXBKhoa học Xã hội, Hà Nội.

TK3. Hoàng Dân - Nguyễn Văn Bảo – Trịnh Ngọc Ánh (1997), *Mở rộng vốn từ Hán Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

TK4. Phan Ngọc (1991), *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*, NXB Khoa học Xã hội.

TK5. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên), Đào Ngọc - Đặng Đức Siêu - Lê Xuân Thái (2001), *Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt và mở rộng vốn từ Hán Việt*, NXB Giáo dục.

TK6. Nguyễn Ngọc San (1998), *Tiếng Việt 3*, NXB Giáo dục.

TK7. Đặng Đức Siêu (2006), *Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

TK8. Lê Đình Khản (2002), *Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

TK9. Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học từ lớp 2 đến lớp 5.

14. Phê duyệt:**Tổ bộ môn****Trưởng khoa**

44. Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học

1. Tên học phần: ĐẠO ĐỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC

2. Tên học phần (tiếng Anh): ETHICS AND METHODS OF ETHICS EDUCATION IN PRIMARY

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Tâm lý học Tiểu học, Giáo dục học tiểu học

6. Loại học phần: Bắt buộc

7. Mô tả học phần:

Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của đạo đức học có liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng; những vấn đề chung về giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay; hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học.

Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ II năm thứ ba dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của đạo đức học có liên quan hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng tìm hiểu về kiến thức đạo đức học có liên quan trong chương trình môn Đạo đức ở tiểu học; kỹ năng dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học môn Đạo đức.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đạo đức học trong dạy học môn Đạo đức ở tiểu học
2	CDR2	Phân tích được nội dung chương trình, cấu trúc sách giáo khoa, sách giáo viên môn Đạo đức ở tiểu học.
3	CDR3	Sử dụng và phối hợp được các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học hiệu quả trong dạy học môn Đạo đức.

4	CDR4	Sử dụng và phối hợp được các phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Đạo đức.
5	CDR 5	Thiết kế được các kế hoạch dạy học môn Đạo đức ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.
6	CDR6	Tổ chức dạy học được các tiết học môn Đạo đức ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
1 (Phần 1)	x				x	x
2	x				x	x
1 (Phần 2)		x	x	x	x	x
2			x	x	x	x
3			x	x	x	x
4			x	x	x	x
5			x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
Phần 1:1	Chương 1: Đạo đức và đạo đức học	2	1	3
2	Chương 2: Một số vấn đề chung về giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học	3	2	5
Phần 2:1	Chương 1: Vị trí, mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức	1	1	2
2	Chương 2: Nội dung môn Đạo đức	2	2	4
3	Chương 3: Phương pháp và phương tiện dạy học môn Đạo đức	2	3	5
4	Chương 4: Hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	4	3	7
5	Chương 5: Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở tiểu học	2	2	4
Tổng		16	14	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.

- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x	x	
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN 1- CHƯƠNG 1	
ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẠO ĐỨC HỌC	
1.1	Khái niệm về đạo đức
1.2	Một số phạm trù đạo đức cơ bản
1.3	Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam
CHƯƠNG 2	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	
2.1	Khái niệm và vai trò của giáo dục đạo đức
2.2.	Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học
2.3.	Các con đường cơ bản giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học
2.4	Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học
PHẦN 2 - CHƯƠNG 1	
<i>Vị trí, mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức</i>	
1.1	Vị trí môn Đạo đức
1.2	Mục tiêu môn Đạo đức
1.3	Đặc điểm môn Đạo đức
CHƯƠNG 2	
NỘI DUNG MÔN ĐẠO ĐỨC	
2.1	Nội dung chương trình môn Đạo đức

2.2	Tài liệu dạy học môn Đạo đức
2.3	Vấn đề xây dựng bài tập trong dạy học môn Đạo đức
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC	
3.1	Khái niệm
3.2	Một số phương pháp dạy học môn Đạo đức
3.3	Phương tiện dạy học môn Đạo đức
3.4	Lựa chọn và vận dụng các phương pháp, phương tiện dạy học môn Đạo đức
CHƯƠNG 4 HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC	
4.1	Khái niệm
4.2	Một số hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức
4.3	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Đạo đức
CHƯƠNG 5 KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC	
5.1	Khái niệm
5.2	Một số phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức
5.3	Một số yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức

13. Tài liệu học tập:**13.1 Giáo trình chính:**

TL1. Nguyễn Hữu Hợp (Chủ biên) (2006), Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức, NXB Giáo dục.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV môn Đạo đức.

TK2. Lê Thị Thanh Chung, (2007), Dạy học môn Đạo đức ở tiểu học, NXB Giáo dục, TP HCM.

TK3. Trần Hậu Kiêm (1997), Đạo đức học, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK4. Nguyễn Hữu Hợp (2006), Đạo đức và Phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học, NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

45. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học**1. Học phần: Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học****2. Tên học phần (tiếng Anh): Assessment and Testing for Primary Education****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 0****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần Kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học nhằm trang bị cho sinh viên giáo dục tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở trường tiểu học, hình thành cho họ những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên.

Nội dung cụ thể đề cập đến:

- Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30, TT 22: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học.

- Nội dung và cách thức đánh giá..

8. Mục tiêu của học phần

T T	Mã mục Tiêu của HP	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh tiểu học.
2	MT2	Kỹ năng thiết kế thang đo, ma trận đề trong kiểm tra đánh giá chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất năng lực học sinh.
3	MT3	Tự tin, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra đánh giá phẩm chất năng lực học sinh ở trường tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của HP	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Hiểu rõ các khái niệm về kiểm tra, đánh giá, lượng hóa, đo lường; đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, các hình thức kiểm tra đánh giá học lực, phẩm chất năng lực học sinh tiểu học.
2	CDR2	Phân tích các chuẩn kiến thức, kỹ năng trong thiết kế ma trận đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.
3	CDR3	Vận dụng kiến thức, kỹ năng để thiết kế thang đo đánh giá năng lực phẩm chất học sinh.

4	CĐR4	Phân tích các kết quả kiểm tra đánh giá để động viên, khen thưởng và tìm ra các giải pháp hỗ trợ học sinh trong học tập đạt chuẩn kiến thức kĩ năng.
5	CĐR5	Tự tin và tự chủ trong hoạt động kiểm tra đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh tiểu học.

Ma trận quan hệ giữ mục tiêu học phần và CĐR của học phần:

MT \ CĐR	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
MT1	H	H			
MT2			H		
MT3				H	H

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	H	H			
2			H		H
3			H	H	

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập	5	2	7
2	Quy định kiểm tra, đánh giá học lực, phẩm chất năng lực học sinh tiểu học	10	5	15
3	Sử dụng kết quả đánh giá	5	3	8
Tổng		20	10	30

(*) Ghi chú: Số tiết thực hành/thảo luận thực hiện trên lớp bằng số tiết lý thuyết.

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, bài thực hành, thảo luận nhóm theo yêu cầu của giảng viên bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chuyên cần, hoàn thành bài tập được giao	x				
Kiểm tra tự luận/báo cáo/thực hành giữa kỳ	x	x	x		
Thi tự luận cuối kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Mục	CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP
	1.1.	Một số khái niệm liên quan về kiểm tra đánh giá trong giáo dục
	1.2.	Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
	1.3.	Nội dung, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong giáo dục
	1.4.	Quy trình đánh giá
CHƯƠNG 2 QUY ĐỊNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC LỰC, PHẨM CHẤT NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC		
	2.1.	Một số quy định chung
	2.2.	Mục đích đánh giá
	2.3.	Nguyên tắc đánh giá
	2.4.	Nội dung và cách thức đánh giá học sinh tiểu học
	2.5.	Đánh giá định kì kết quả học tập
	2.6.	Tổng hợp đánh giá
	2.7.	Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh ở các lớp học linh hoạt
	2.8.	Hồ sơ đánh giá
	2.9.	Vận dụng VNEDU vào đánh giá HS tiểu học

CHƯƠNG 3 SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ		
	3.1.	Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình TH
	3.2.	Nghiệm thu bàn giao chất lượng giáo dục học sinh
	3.3.	Khen thưởng

13. Tài liệu học tập:
13.1 Giáo trình chính

TL1. Bộ GD&ĐT (2014), *Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT, TT 22/2016/TT-BGDĐT*

13.2 Tài liệu tham khảo

TK1. Bộ GD&ĐT (2013), *Đánh giá trong giáo dục Toán*. TK2. Bộ GD&ĐT (2006), *SGK lớp 1, 2, 3, 4, 5, NXB GD*

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

46. Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học**1. Học phần : RÈN LUYỆN KĨ NĂNG SƯ PHẠM 1 Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Pedagogical Skills Training for Primary school teacher education 1****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Giáo dục học, Tâm lí học, Lí luận giáo dục tiểu học và lí luận dạy học tiểu học****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên một số nội dung kiến thức, biện pháp chung về các kiến thức nghiệp vụ sư phạm tiểu học như: phương pháp, biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học, tìm hiểu học sinh và giáo viên tiểu học; công tác chủ nhiệm lớp, giao tiếp sư phạm, sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học,... Cùng với *Rèn luyện kĩ năng sư phạm tiểu học 2*, *Rèn luyện kĩ năng sư phạm tiểu học 3*, nó góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm và thông tin cơ bản về hoạt động rèn luyện kĩ năng sư phạm ở tiểu học.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên hệ thống kĩ năng nghề nghiệp gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học bao gồm: các kĩ năng sư phạm cơ bản (tìm hiểu nhà trường tiểu học, chủ nhiệm lớp, giao tiếp sư phạm, sử dụng thiết bị dạy học ...).
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Phân tích được một số khái niệm và thông tin cơ bản về hoạt động rèn luyện kĩ năng sư phạm ở tiểu học.
2	CĐR2	Phân tích được kiến thức liên quan đến các kĩ năng sư phạm cơ bản (tìm hiểu nhà trường tiểu học, chủ nhiệm lớp, giao tiếp sư phạm, sử dụng thiết bị dạy học ...).
3	CĐR3	Hình thành được kĩ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học

4	CĐR4	Hình thành được kỹ năng giao tiếp sư phạm
5	CĐR5	Hình thành được kỹ năng thiết kế và sử dụng thiết bị dạy học
6	CĐR 6	Hình thành được thái độ, ý thức phấn đấu trở thành giáo viên có phẩm chất và năng lực sư phạm tốt.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1	x					x
2	x	x	x			x
3	x	x				x
4	x	x			x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Chương 1. Tổng quan về hoạt động rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học	2	2	4
2	Chương 2. Thực hành kỹ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học	2	4	6
3	Chương 3. Thực hành kỹ năng giao tiếp sư phạm	5	5	10
4	Chương 4. Thực hành kỹ năng thiết kế, sử dụng thiết bị dạy học	6	4	10
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x	x

Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 60 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ - Thời gian làm bài tự luận/trắc nghiệm 75 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG SƯ PHẠM TIỂU HỌC	
1.1	Một số vấn đề chung về kĩ năng sư phạm
1.2	Vai trò, mục tiêu của hoạt động RLKNSP
1.3	Nội dung, chương trình của học phần RLKNSP
CHƯƠNG 2 THỰC HÀNH KĨ NĂNG TÌM HIỂU NHÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC	
2.1	Tìm hiểu nhà trường tiểu học
2.2.	Tìm hiểu giáo viên tiểu học
2.3.	Tìm hiểu học sinh tiểu học
2.4	Tìm hiểu công tác chủ nhiệm lớp ở tiểu học
CHƯƠNG 3 THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIAO TIẾP SƯ PHẠM	
3.1	Một số vấn đề chung về giao tiếp sư phạm
3.2	Thực hành kĩ năng giao tiếp với học sinh tiểu học
3.3	Thực hành kĩ năng giao tiếp với phụ huynh học sinh
3.4	Thực hành kĩ năng giao tiếp với đồng nghiệp
CHƯƠNG 4 THỰC HÀNH KĨ NĂNG THIẾT KẾ, SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC	
4.1	Thực hành kĩ năng sử dụng thiết bị dạy học các môn học ở tiểu học
4.2	Thực hành kĩ năng thiết kế đồ dùng dạy học tự làm trong các môn học ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

TL1. Dương Giáng Thiên Hương (Chủ biên) (2009), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học, NXBĐHSP

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV Tự nhiên và Xã hội, Khoa học

TK2. Nguyễn Việt Bắc (Chủ biên) (2006), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXB Giáo dục

TK3. Nguyễn Đình Chính - Nguyễn Văn Luỹ- Phạm Ngọc Uyển, Sư phạm học Tiểu học - NXBGD- 2006.

TK4. Hoàng Anh- Vũ Kim Thanh, Giao tiếp sư phạm, NXBGD- 1997.

TK5. Nguyễn Sĩ Đức (Chủ biên) (2009), Lắp đặt, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng các thiết bị dạy học ở trường tiểu học, NXBGDVN.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

47. Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học**1. Học phần : RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM Ở TIỂU HỌC 2****2. Tên học phần (tiếng Anh): Pedagogical skills Training for Primary school teacher education 2****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 12 tiết, thực hành: 18 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học 2* ở tiểu học cung cấp những kiến thức về nghiệp vụ sư phạm tiểu học như biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết; kỹ năng tìm hiểu, phân tích nội dung chương trình, thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học... Cùng với *Rèn luyện kĩ năng sư phạm tiểu học 1*, học phần này góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

Nội dung học phần gồm 2 chương:

Chương 1: Thực hành các kỹ năng Tiếng Việt;

Chương 2: Thực hành các kỹ năng dạy học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Xác định được một số biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết
2	MT2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng tìm hiểu phân tích mục tiêu, chương trình dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học.
3	MT3	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm xác định được kỹ năng phân tích chương trình, thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học.
4	MT4	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Xác định được một số biện pháp tổ chức rèn luyện các kỹ năng sử dụng phạm cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết
2	CĐR2	Nhận biết kiến thức cơ bản về kỹ năng phân tích mục tiêu, chương trình dạy học ở tiểu học
3	CĐR3	Xác định được mục tiêu, chương trình dạy học ở tiểu học.
4	CĐR4	Xác định quy trình thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học.
5	CĐR5	Vận dụng kiến thức để rèn các kỹ năng tiếng Việt trong dạy học ở tiểu học
6	CĐR6	Vận dụng kiến thức để thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1	x				x	
2		x	x	x		x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Thực hành các kỹ năng tiếng Việt	4	6	10
2	Thực hành các kỹ năng dạy học	8	12	20
Tổng		12	18	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6

Hoàn thành bài tập được giao	X	X	X	X	X	X
Kiểm tra giữa học kỳ	X	X			X	
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	X	X	X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 60 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi thực hành/tiểu luận cuối học kỳ - Thời gian thi thực hành 60 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1		
THỰC HÀNH CÁC KỸ NĂNG TIẾNG VIỆT		
1		Rèn luyện kỹ năng nghe
	1.1	Ý nghĩa của hoạt động nghe
	1.2	Nội dung rèn luyện kỹ năng nghe cho HS ở bậc tiểu học
	1.3	Những kỹ năng nghe cơ bản cần rèn luyện
2		Rèn luyện kỹ năng nói
	2.1	Ý nghĩa của hoạt động nói
	2.2	Nội dung rèn luyện kỹ năng nói cho HS ở bậc tiểu học
	2.3	Những kỹ năng nói cơ bản cần rèn luyện
3		Rèn luyện kỹ năng đọc
	3.1	Ý nghĩa của hoạt động đọc
	3.2	Nội dung rèn luyện kỹ năng đọc cho HS ở bậc tiểu học
	3.3	Những kỹ năng đọc cơ bản cần rèn luyện
		Rèn luyện kỹ năng viết
4	4.1	Ý nghĩa của hoạt động viết
	4.2	Nội dung rèn luyện kỹ năng viết cho HS ở bậc tiểu học
	4.3	Những kỹ năng viết cơ bản cần rèn luyện
CHƯƠNG 2		
THỰC HÀNH CÁC KỸ NĂNG DẠY HỌC		
1		Thực hành kĩ năng tìm hiểu, phân tích mục tiêu, chương trình, nội dung dạy học ở tiểu học
	1.1	Mục tiêu, chương trình, kế hoạch dạy học tiểu học
	1.2	Thực hành phân tích mục tiêu, chương trình các môn học ở tiểu học
2		Thực hành kĩ năng thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học

	2.1	Thực hành các kỹ năng cơ bản cần trang bị khi thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học
	2.2	Quy trình thiết kế kế hoạch dạy học các môn học ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1Giáo trình chính:

Dương Giáng Thiên Hương (Chủ biên) (2009), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học, NXBĐHSP.

13.2Tài liệu tham khảo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học ở tiểu học, NXBGD.

Nguyễn Việt Bắc (Chủ biên) (2006), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXBGD.

Phạm Trung Thanh (chủ biên) (2003), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên - NXBĐHSP.SGK- SGK chương trình Tiểu học

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

48. Rèn luyện kĩ năng sư phạm ở tiểu học 3:**1. Học phần : RÈN LUYỆN KĨ NĂNG SƯ PHẠM 3 Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Pedagogical skills Training for Primary school teacher education 3****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 10 tiết, thực hành: 20 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học; Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học.****6. Loại học phần: bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3 ở tiểu học* ở tiểu học cung cấp những kiến thức về nghiệp vụ sư phạm tiểu học như kỹ năng tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục... Cùng với *Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 tiểu học*, *Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 tiểu học* học phần này góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở bậc tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở tiểu học.
2	MT2	- Hình thành và phát triển cho sinh viên hệ thống kỹ năng nghề nghiệp gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học bao gồm: kỹ năng tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích được kiến thức liên quan đến các kỹ năng tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học
2	CDR2	Phân tích được kiến thức liên quan đến các kỹ năng tổ chức các

		hoạt động giáo dục ở tiểu học.
3	CDR3	Hình thành được kỹ năng kỹ năng tổ chức dạy học các môn học
4	CDR4	Hình thành được kỹ năng kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học
5	CDR5	Hình thành được kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở tiểu học.
6	CDR6	Hình thành được thái độ, ý thức phấn đấu trở thành giáo viên có phẩm chất và năng lực sư phạm tốt.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
1	x		x	x		x
2	x		x	x		x
3		x			x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Thực hành kỹ năng tổ chức dạy học các môn học	6	10	20
2	Thực hành kỹ năng kiểm tra, đánh giá các môn học ở tiểu học	2	4	10
3	Thực hành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học	2	6	8
Tổng		10	20	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x			

Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x
-------------------------------------	---	---	---	---	---	---	---

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 60 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ - Thời gian làm bài tự luận/trắc nghiệm 60 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 THỰC HÀNH KĨ NĂNG TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC	
1	Thực hành các kĩ năng cơ bản cần trang bị khi tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học
2	Thực hành tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học
CHƯƠNG 2 THỰC HÀNH KĨ NĂNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC	
1	Thực hành kĩ năng thiết kế đề kiểm tra các môn học ở tiểu học
2	Thực hành kĩ năng đánh giá kết quả học tập các môn học ở tiểu học
CHƯƠNG 3 THỰC HÀNH KĨ NĂNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	
1	Thực hành kĩ năng lập kế hoạch các hoạt động ngoài giờ lên lớp
2	Thực hành kĩ năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp
3	Thực hành kĩ năng đánh giá các hoạt động ngoài giờ lên lớp

13. Tài liệu học tập:

13.1 Giáo trình chính:

TL1. Dương Giáng Thiên Hương (Chủ biên) (2009), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học, NXBĐHSP.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Nguyễn Việt Bắc (Chủ biên) (2006), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXBGD.

TK2. Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao – Nguyễn Tuấn Phương – Chu Thị Minh Tâm (2006), Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, NXBGD.

TK3. Hoàng Thị Tuyết (Chủ biên) (2006), Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, NXBGD.

TK4. SGK- SGK chương trình Tiểu học

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

49. Kiến tập sư phạm**1. Tên học phần: KIẾN TẬP SƯ PHẠM****2. Tên tiếng Anh: Work Placement****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian:****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Thông qua các buổi dự giờ các tiết học và tiết chủ nhiệm sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức thực tế về tiến trình, cách thức tổ chức một tiết học; giúp các em bước đầu làm quen với việc lên kế hoạch, soạn giáo án dạy học, chủ nhiệm và làm quen với việc lên lớp qua các tiết dạy tại cơ sở thực tập góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1.	MT1	- Cung cấp kiến thức thực tế về cách thức tổ chức, tiến trình một tiết học, tiết chủ nhiệm.
2.	MT2	- Thực hành việc giảng dạy các tiết học và tổ chức sinh hoạt trong tiết chủ nhiệm.
		- Học tập kinh nghiệm giảng dạy, chủ nhiệm của các giáo viên tiểu học.
3	MT3	- Rèn luyện kỹ năng tổ chức, giao tiếp và làm việc nhóm
4	MT4	- Nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc rèn luyện và nâng cao kiến thức, kỹ năng của mình, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của nhà trường tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR1	- Nắm được cách thức tổ chức lớp học và các bước lên lớp.
2.	CDR2	- Vận dụng được kiến thức đã học để soạn giáo án, đề cương dự giờ.
3	CDR3	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giảng dạy trên lớp và điều hành các buổi sinh hoạt.
4	CDR4	- Có năng lực hợp tác, hỗ trợ với các thành viên trong nhóm chủ nhiệm và đoàn thực tập.
5	CDR5	- Có khả năng giao tiếp với giáo viên, học sinh và các thành viên khác trong đoàn.

6	CĐR6	Có thái độ cầu thị, tiếp thu những góp ý của giáo viên hướng dẫn
---	------	--

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động thực tập theo kế hoạch của nhà trường.
- Hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên hướng dẫn.
- Hoàn tất đầy đủ các hồ sơ giảng dạy, chủ nhiệm.

11. Đánh giá sinh viên:

Căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể giáo viên hướng dẫn giảng dạy và chủ nhiệm sẽ cho điểm sinh viên. Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo trọng số 2 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Về công tác giảng dạy

+ Nghe trường thực tập báo cáo về nhiệm vụ năm học, những chủ trương biện pháp về đổi mới công tác giảng dạy của ngành, những kinh nghiệm giảng dạy bộ môn; tình hình địa phương nơi trường đóng, các hoạt động của các đoàn thể...

+ Dự tất cả giờ dạy của giáo viên hướng dẫn để học tập kinh nghiệm.

+ Nghiên cứu chương trình, tài liệu sách giáo khoa, phòng bộ môn và thiết bị dạy học, kết hợp trao đổi với tổ chuyên môn để soạn giáo án theo đúng các qui định chung.

+ Thực tập giảng dạy trên lớp được phân công 2 tiết cuối đợt thực tập.

+ Dự các tiết giảng dạy của sinh viên cùng ngành. Làm đề cương trước khi dự giờ và ghi chép vào sổ TTSP.

- Về công tác chủ nhiệm

+ Mỗi nhóm SV (2 đến 3 người) thực tập tại một lớp phổ thông, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng sinh viên.

+ Dự các tiết sinh hoạt của giáo viên hướng dẫn để học tập kinh nghiệm.

+ Hỗ trợ giáo viên hướng dẫn trong các hoạt động quản lí, phong trào của lớp chủ nhiệm.

+ Lên kế hoạch và tổ chức buổi sinh hoạt cho lớp chủ nhiệm trong 2 tiết cuối đợt thực tập.

+ Dự các tiết sinh hoạt của sinh viên trong nhóm để học tập kinh nghiệm và góp ý cho các bạn sinh viên cùng nhóm.

+ Tham gia hỗ trợ cho Đoàn trường trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi...

50. Thực tập sư phạm

1. Tên học phần: **THỰC TẬP SƯ PHẠM**

2. Tên tiếng Anh: **Internship**

3. Số tín chỉ: **04**

4. Phân bổ thời gian:

5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**

6. Loại học phần: **bắt buộc**

7. Mô tả học phần:

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường tiểu học; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên tiểu học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường tiểu học. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1.	MT1	- Tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành giảng dạy tại các trường tiểu học.
2.	MT2	- Học hỏi kinh nghiệm giảng dạy, chủ nhiệm của các giáo viên hướng dẫn và bạn sinh viên khác trong nhóm. - Rèn luyện kỹ năng đứng lớp và tổ chức lớp học
3	MT3	- Rèn luyện kỹ năng tổ chức, giao tiếp và làm việc nhóm với giáo viên, học sinh.
4	MT4	- Nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong việc rèn luyện và nâng cao kiến thức, kỹ năng của mình, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của nhà trường phổ thông.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR1	- Nắm vững tiến trình của một bài học và cách thức tổ chức lớp học
2.	CDR2	- Vận dụng được các kiến thức đã học để lên kế hoạch giảng dạy, chủ nhiệm; soạn giáo án chuyên môn và sinh hoạt đảm bảo theo đúng mục tiêu, yêu cầu của bài học. - Có khả năng lên lớp và xử lý tốt các tình huống sư phạm trong quá

		trình giảng dạy
3.	CDR3	- Có năng lực hợp tác, hỗ trợ với các thành viên trong nhóm chủ nhiệm và đoàn thực tập.
4.	CDR4	- Có khả năng giao tiếp với giáo viên, học sinh và các thành viên khác trong đoàn.
5	CDR5	- Nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, phấn đấu để trở thành người giáo viên thực thụ

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động thực tập theo kế hoạch của nhà trường.
- Hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên hướng dẫn.
- Hoàn tất đầy đủ các hồ sơ giảng dạy, chủ nhiệm.

11. Đánh giá sinh viên:

Căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể giáo viên hướng dẫn giảng dạy và chủ nhiệm sẽ cho điểm sinh viên. Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo trọng số 2 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Về công tác giảng dạy

+ Nghe trường thực tập báo cáo về nhiệm vụ năm học, những chủ trương biện pháp về đổi mới công tác giảng dạy của ngành, những kinh nghiệm giảng dạy bộ môn; tình hình địa phương nơi trường đóng, các hoạt động của các đoàn thể...

+ Lập kế hoạch giảng dạy cho toàn đợt thực tập.

+ Nghiên cứu chương trình, tài liệu sách giáo khoa, phòng bộ môn và thiết bị dạy học, kết hợp trao đổi với tổ chuyên môn để soạn giáo án theo đúng các qui định chung.

+ Thực tập giảng dạy trên lớp được phân công. Giáo án phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến, ký duyệt trước khi lên lớp và tập giảng trước nhóm sinh viên thực tập. Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, chú ý sử dụng các thiết bị và đồ dùng dạy học.

+ Thực tập với nhiều loại hình: lý thuyết, thực hành, ngoại khóa, chấm bài kiểm tra, chữa bài tập... Tập duyệt toàn bộ các khâu của qui trình dạy học. Sau các tiết dạy tham dự họp để rút kinh nghiệm.

+ Dự tối thiểu là 8 tiết của sinh viên cùng ngành. Làm đề cương trước khi dự giờ và ghi chép vào sổ TTSP.

- Về công tác chủ nhiệm

+ Mỗi nhóm SV (2 đến 3 người) thực tập tại một lớp ở trường tiểu học, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng sinh viên.

+ Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp một cách cụ thể từng tuần. Bản kế hoạch được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện.

+ Những trọng tâm thực tập công tác chủ nhiệm: Tìm hiểu tình hình lớp, trao đổi với đội ngũ cán bộ lớp về các phong trào thi đua học tập và rèn luyện; giáo dục học sinh cá biệt và thăm một số gia đình học sinh; phối hợp với Hội cha mẹ học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh. Phân tích tình hình giáo dục trong thực tế để rút kinh nghiệm.

+ Kết hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn... trường thực tập để tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động xã hội, lao động công ích. Cùng với Ban cán sự lớp nâng cao vị trí của lớp trong phong trào thi đua toàn trường.

Tham gia các hoạt động khác của Trường trong đợt TTSP.

51. Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính

1. Tên học phần: Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính

2. Tên tiếng Anh: Sex education and Sex education method

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 20 tiết, thực hành: 10 tiết, tự học: 60 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Không

6. Loại học phần: tự chọn

7. Mô tả học phần:

Phần Giáo dục giới tính gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.

Mỗi bài học được bắt đầu bằng một trò chơi khởi động, các bài trình bày dưới dạng các slide cung cấp các kiến thức có liên quan đến bài học từ hai giáo viên đồng đẳng. Bước tiếp theo là phần chính của bài học là phần bài tập dưới dạng hoạt động sáng tạo, huy động tính tích cực của sinh viên qua việc thảo luận, trình bày theo nhóm, thiết kế xây dựng một câu chuyện, một thông điệp, đóng vai để giải quyết tình huống... Xen kẽ là một số trò chơi, hoặc một bài trắc nghiệm kiểm tra kiến thức và thái độ. Tất cả các hoạt động đều nhằm giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và lắng nghe suy nghĩ của những người khác, kết hợp với suy nghĩ của chính bản thân mình một cách sinh động.

Phần Phương pháp giáo dục giới tính được hệ thống lại từ phần phương pháp đã được thể hiện qua các bài học. Sinh viên nắm được phương pháp trải nghiệm và một số phương pháp, kỹ năng dạy học tích cực, trình bày các nội dung phù hợp với từng chủ đề, huy động, khơi dậy được sự hứng thú, chủ động của người học, kỹ năng phản hồi, kỹ năng đưa ra quyết định.

8. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)
1.	Hiểu được giá trị của bản thân mình, thể hiện được quyền quyết định về bản thân mình, có thái độ tôn trọng, thông cảm với những người khác
2.	Phân tích được những vấn đề liên quan đến tâm lý, cơ thể ở tuổi sinh viên và có kỹ năng giải quyết những tình huống gặp phải về những vấn đề liên quan đến tâm sinh lý lứa tuổi.
3.	Trình bày được khái niệm và vai trò của giới trong cuộc sống, các quyền liên quan đến giới và sức khỏe sinh sản của con người, việc áp dụng và phổ biến các quyền về giới và sức khỏe sinh sản trong cuộc sống bản thân và cộng đồng.
4.	Trình bày được các vấn đề tình bạn và tình yêu và các mối quan hệ khác; biết cách giải quyết những vấn đề nảy sinh.
5.	Trình bày được khái niệm tình dục, bản chất và sự đa dạng của hành vi tình dục; các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình dục, nắm bắt được cách quyết định, giao tiếp, thương lượng có liên quan đến tình dục.
6.	Biết được cơ chế của sự mang thai, cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai; những định kiến xã hội, sức ép của sự mang thai và nạo phá thai ở tuổi sinh viên; nhận thức được các lợi ích khi biết đợi đến thời điểm mang thai thích hợp và đồng thời cũng biết được các giải pháp có thể lựa chọn trong trường hợp có thai ngoài ý muốn ở thanh niên.
7.	Phân tích được các nguy cơ của việc quan hệ tình dục không an toàn; biết cách sử dụng bao cao su đúng cách, cách phòng tránh và ứng xử đối với những bệnh viêm nhiễm và lây lan qua đường tình dục, HIV/AIDS.
8.	Trình bày được cách phòng nguy cơ bị xâm hại: tự bảo vệ khi bị cưỡng hiếp, bạo lực và biết chia sẻ giúp đỡ các nạn nhân của bạo lực tình dục; biết thể hiện quyền liên quan đến an toàn cá nhân và tôn trọng danh dự trong quan hệ tình dục.
9.	Trình bày được ước mơ và xây dựng kế hoạch phấn đấu cho tương lai, việc kết hôn, bảo vệ hạnh phúc gia đình và trách nhiệm là cha mẹ, nghề nghiệp tương lai, phát triển một đời sống tình dục trọn vẹn, an toàn và hạnh phúc.
10.	Hiểu biết một số phương pháp giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi có hiệu quả.

11.	Có thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm									
Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO):										
PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	x	x	x						x	
CLO 2		x			x				x	
CLO 3			x			x		x		
CLO 4				x			x			x
CLO 5					x	x		x		
CLO 6					x	x		x		x
CLO 7			x				x	x		
CLO8		x		x			x	x		
CLO9		x							x	x
CLO10	x	x							x	x
CLO11	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Học phần	M	H	M	M	M	L	H	M	M	M

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Dự lớp không thấp hơn 80% số tiết lên lớp qui định của học phần
- Làm và nộp các bài tập cá nhân/ nhóm theo qui định của học phần
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện
- Thảo luận nhóm theo chủ đề
- Làm và nộp nhật ký (bài thi giữa kỳ)
- Tham dự thi kết thúc học phần

10. Đánh giá sinh viên:

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, Nộp bài thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Thang điểm/ Trọng số con	Trọng số	Chuẩn đầu ra học phần
A1. Đánh giá quá	A1.1. Chuyên cần	Điểm danh/Bài tập ngắn	10	10%	CLO 11

trình	A1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	10	10%	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
A2.Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Bài kiểm tra giữa kỳ	Tiểu luận/nhật ký	10	20%	CLO 1,2,3,4,5
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Bài kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm	10	60%	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

11. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Giới thiệu học phần	CLO 1, 11		
	Bài 1. Khởi hành		Dạy: - Giảng viên giới thiệu đến sinh viên mục tiêu môn học; vị trí và vai trò của môn học trong chương trình đào tạo của ngành; chuẩn đầu ra môn học, các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số của các bài đánh giá, nội dung học phần theo bài, những nguyên tắc cơ bản, hướng dẫn trình bày sổ ghi chép ... Học ở lớp: - Nghe giảng - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Thảo luận Học ở nhà: - Tạo chân dung trên máy tính/sáng tạo trên nhật ký - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 2)	
	Chương 2. Tâm sinh lý tuổi sinh	CLO 2, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi	

2	viên		động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, phương pháp học tập và phương tiện học tập và tài liệu học tập bài 2. - Giảng lý thuyết, tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm, tổng kết và giao bài tập về nhà Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà:	
			- Ôn tập lý thuyết - Viết nhật ký bài học - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 3)	
3	Bài 3. Giới và việc đấu tranh cho các quyền về giới	CLO 3, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 3. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao	

			- Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 4)	
4	Bài 4. Tình bạn, tình yêu và các mối quan hệ khác	CLO 4, 11	- Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 5)	
5	Bài 5. Tình dục	CLO 5, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 5. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành Học ở lớp:	

			- Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 6)	
6	Kiểm tra giữa kỳ	CLO 1,2,3,4,5	- Nộp tiểu luận/nhật ký	
7	Bài 6. Mang thai	CLO 6, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 6. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung	

			mới (bài 7)	
8	Bài 7. Bảo vệ bản thân	CLO 7, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 7. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành - Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 8)	
9	Bài 8. Tình yêu không làm đau	CLO 8, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 8. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành	

			Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung mới (bài 9)	
10	Bài 9. Ước mơ và lập kế hoạch cho tương lai	CLO 9, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Giới thiệu mục tiêu, nội dung, tiến trình, tài liệu học tập, phương pháp học tập và phương tiện học tập bài 9. - Giảng lý thuyết, đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức thảo luận, thực hành Học ở lớp: - Nghe giảng + làm bài tập được giao - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Trình bày vấn đề Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo - Đọc, nghiên cứu nội dung	

			mới (bài 10)	
11	Bài 10. Tổng kết và chia sẻ	CLO 10, 11	Dạy: - Tổ chức cho sinh viên khởi động - Ôn tập bài cũ - Tổng kết các nội dung và các phương pháp đã sử dụng trong toàn khóa học, xác định khả năng sử dụng chúng trong hoạt động sư phạm của mình. - Hướng dẫn xây dựng một cuốn cẩm nang hoặc tập tin cẩm nang bỏ túi chia sẻ các bài học bổ ích. - Hướng dẫn các kỹ năng cơ bản dành cho giáo dục viên đồng đẳng. - Hướng dẫn chuẩn bị một cuộc triển lãm những nội dung đã học được trong 10 bài học., các kỹ năng trình bày cơ bản để giới thiệu các	

			hình ảnh triển lãm Học ở lớp: - Nghe giảng, thực hiện các nhiệm vụ học tập - Đánh giá việc thực hiện các nguyên tắc của khóa học và mức độ đáp ứng kỳ vọng của bản thân. Học ở nhà: - Ôn lại kiến thức bài học - Viết nhật ký bài học. - Đọc thêm tài liệu tham khảo Vẽ tranh triển lãm	
12	Thi cuối kỳ	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Bài thi trắc nghiệm – không sử dụng tài liệu Thời gian làm bài 60 phút - GVĐH chuẩn bị đề thi, đáp án, túi đựng bài thi - Sinh viên chuẩn bị giấy và dụng cụ thi	

12. Tài liệu học tập:

12.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Giáo trình HÀNH TRÌNH THÀNH NIÊN là giáo trình đào tạo trực tuyến toàn diện về Quyền và Sức khỏe sinh sản, Tình dục cho lứa tuổi sinh viên do Quỹ Dân số Thế giới - Văn phòng Việt Nam và trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Nhóm Tin học Xanh phối hợp thực hiện

12.2. Sách, tài liệu tham khảo:

[1] Trương Khánh Hà, (2013). Giáo trình “Tâm lý học phát triển”. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Nguyễn Thị Thuận, Trần Xuân Kỳ, (2009). Giáo trình. “Giới và phát triển”. NXB Lao động – xã hội, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng, (2011). “Lý luận và pháp luật về quyền con người”. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

13. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

52. Kỹ năng tham vấn học đường**1. Học phần: KỸ NĂNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG****2. Tên học phần (Tiếng Anh): SCHOOL COUNSELLING SKILL****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian:****5. Điều kiện tham gia học phần: Tâm lý học giáo dục****6. Loại học phần: Tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Kỹ năng tham vấn học đường là học phần nằm trong hệ thống kiến thức lựa chọn dành cho sinh viên khối ngành Sư phạm bao gồm 4 chương bàn về các vấn đề: Bản chất của tham vấn học đường, các loại hình, quy trình, các yếu tố tham gia vào quy trình tham vấn học đường; Những phẩm chất, kỹ năng cần thiết, những quy điều đạo đức của nhà tham vấn học đường và những nan đề của học sinh; Các kỹ năng tham vấn học đường cơ bản và rèn luyện ứng dụng các kỹ năng tham vấn học đường vào việc hỗ trợ tâm lý cho học sinh, phụ huynh và các GV khác.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tham vấn học đường như: bản chất tham vấn học đường, các loại hình, quy trình, các yếu tố tham gia vào quy trình tham vấn học đường.
2	MT2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những phẩm chất, kỹ năng cần thiết, những quy điều đạo đức của nhà tham vấn học đường và những nan đề của học sinh.
3	MT3	Trang bị kiến thức và hình thành một số các kỹ năng cơ bản của của tham vấn học đường như kỹ năng tiếp cận đối tượng, kỹ năng quan sát, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng xử lý tình huống im lặng và kỹ năng phản hồi.
4	MT4	Giúp sinh viên nhận diện bản thân, tạo sự cân bằng tâm lý và thái độ tích cực hướng tới sự hỗ trợ tâm lý cho học sinh một cách chuyên nghiệp

9. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã chuẩn đầu ra của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Trình bày được bản chất tham vấn học đường (khái niệm, loại hình, quy trình, các yếu tố tham gia...)
2	CĐR2	Trình bày những phẩm chất, kỹ năng cần thiết đối với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên thực hiện công tác tham vấn học đường
3	CĐR3	Trình bày được các quy điều đạo đức của giáo viên thực hiện công

		tác tham vấn học đường
4	CĐR4	Nhận diện được các khó khăn tâm lý của học sinh và tập thể lớp học sinh
5	CĐR5	Nhận diện bản thân, tạo sự cân bằng tâm lý và thái độ tích cực hướng tới sự hỗ trợ về đời sống tinh thần cho học sinh
6	CĐR6	Xác định được trọng tâm vấn đề cần hỗ trợ tinh thần cho học sinh
7	CĐR7	Hình thành các kỹ năng cơ bản cho giáo viên làm công tác tham vấn học đường

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần

Chương	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
1	X						
2		X	X	X			
3					X	X	X
4	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp không thấp hơn 80% số tiết lên lớp qui định của học phần
- Làm và nộp các bài tập cá nhân/ nhóm theo qui định của học phần
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện
- Thảo luận và thực hành nhóm theo chủ đề
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7
Bài tập cá nhân tại lớp// về nhà	X	X	X	X	X	X	X
Thi giữa kỳ	X	X	X	X	X	X	
Thi cuối kỳ				X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như

sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %

Tổng				100%
Bảng tiêu chí đánh giá				
	Nội dung	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Sinh viên chọn các chủ đề/ nội dung Giảng viên hướng dẫn/ giám sát sinh viên thực hiện Sinh viên trình bày/ báo cáo kết quả làm việc				
A	GIỮA KỲ			
1	Bản chất tham vấn học đường	Nêu được các khái niệm liên qua	Phân tích được sự khác nhau giữa tư vấn và tham vấn	Rút ra kết luận sự phạm và liên hệ thực tiễn bản thân trong công tác tham vấn học đường
2	Quy trình tham vấn học đường	Nêu tên các bước trong quy trình	Phân tích được các yêu cầu cụ thể đối với nhà tham vấn trong từng giai đoạn	Liên hệ thực tiễn với bản thân trong hoạt động tham vấn sau này
3	Phẩm chất và năng lực của người giáo viên làm công tác tham vấn học đường	Trình bày được các đặc điểm phẩm chất và năng lực	Phân tích được các biểu hiện cụ thể của từng phẩm chất và năng lực	Rút ra kết luận ứng dụng trong công tác tham vấn sau này.
4	Những khó khăn tâm lý của học sinh và tập thể lớp học sinh	Liệt kê được các khó khăn tâm lý của học sinh, tập thể lớp học sinh	Phân tích được các biểu hiện cụ thể	Xác định được trọng tâm vấn đề cần hỗ trợ tinh thần cho học sinh
Tổng điểm		3.0	3.0	4.0
B	CUỐI KỲ			
1	Các kỹ năng tham vấn học đường cơ bản: - Kỹ năng tiếp cận đối tượng - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng lắng nghe - Kỹ năng đặt câu hỏi - Kỹ năng thấu cảm - Kỹ năng xử lý tình huống im lặng - Kỹ năng phản hồi	Trình bày khái quát về kỹ năng	Nêu cách thể hiện kỹ năng qua các ví dụ	Vận dụng kỹ năng để giải quyết các tình huống thực tiễn với học sinh, phụ huynh và giáo viên.
Tổng điểm		3.0	3.0	4.0

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG CHI TIẾT
CHƯƠNG 1		
KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ NĂNG THAM VẤN		
1.1.		Một số các khái niệm
	1.1.1.	Tư vấn
	1.1.2.	Hỗ trợ tâm lý
	1.1.3.	Tham vấn và tham vấn học đường
1.2.		Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tham vấn tâm lý
	1.2.1.	Đối tượng nghiên cứu của tham vấn tâm lý
	1.2.2.	Nhiệm vụ nghiên cứu của tham vấn tâm lý
1.3.		Các nguyên tắc tham vấn
	1.3.1.	Các nguyên tắc cơ bản trong tham vấn
	1.3.2.	Các nguyên tắc cơ bản đối với giáo viên làm công tác tham vấn học đường
1.4.		Các loại hình và quy trình tham vấn
	1.4.1.	Các loại hình tham vấn
	1.4.2.	Các quy trình tham vấn
CHƯƠNG 2		
GIÁO VIÊN VÀ CÔNG TÁC THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG		
2.1.		Giáo viên và công tác tham vấn trong trường học
	2.1.1.	Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của giáo viên làm công tác tham vấn học đường
	2.1.2.	Đạo đức trong tham vấn học đường
2.2.		Đối tượng tham vấn và các vấn đề cần tham vấn trong trường học
	2.2.1.	Học sinh và các đặc trưng tâm lý lứa tuổi
	2.2.2.	Các nan đề của học sinh như là đối tượng tham vấn
2.3.		Điều kiện tham vấn học đường
	2.3.1.	Không gian
	2.3.2.	Thời gian
	2.3.3.	Điều kiện hỗ trợ

CHƯƠNG 3 NHỮNG KỸ NĂNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG CƠ BẢN		
3.1.		Kỹ năng tiếp cận đối tượng
	3.1.1.	Khái quát về kỹ năng tiếp cận đối tượng
	3.1.2.	Rèn luyện kỹ năng tiếp cận đối tượng
3.2.		Kỹ năng quan sát
	3.2.1.	Khái quát về kỹ năng quan sát
	3.2.2.	Rèn luyện kỹ năng quan sát
3.3.		Kỹ năng lắng nghe
	3.3.1.	Khái quát về kỹ năng lắng nghe
	3.3.2.	Rèn luyện kỹ năng lắng nghe
3.4.		Kỹ năng đặt câu hỏi
	3.4.1.	Khái quát về kỹ năng đặt câu hỏi
	3.4.2.	Rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi
3.5		Kỹ năng thấu cảm
	3.5.1.	Khái quát về kỹ năng thấu cảm
	3.5.2.	Rèn luyện kỹ năng thấu cảm
3.6		Kỹ năng xử lý tình huống im lặng
	3.6.1	Khái quát về kỹ năng xử lý tình huống im lặng
	3.6.2	Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống im lặng
3.7		Kỹ năng phản hồi
	3.7.1	Khái quát về kỹ năng phản hồi
	3.7.2	Rèn luyện kỹ năng phản hồi
CHƯƠNG 4 THỰC HÀNH CÁC KỸ NĂNG THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG TRONG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ		
4.1		Tình huống với học sinh
4.2		Tình huống với phụ huynh
4.3		Tình huống với giáo viên

13. Tài liệu học tập

13.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Bộ môn Tâm lý học, Khoa Tâm lý-Giáo dục (2017) Giáo trình Kỹ năng tham vấn học đường dành cho sinh viên các ngành Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

[2] Trần Thị Minh Đức (2009), Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB. ĐHQG HN

13.2. Sách, tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Thơ Sinh (2006), Tư vấn tâm lý căn bản, NXBLĐ

[4] Kiến Văn, Lý Chủ Hưng (2007), Tư vấn tâm lý học đường, NXB phụ nữ

[5] CASP-I (2011), Tài liệu Báo cáo khoa học Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về Tâm lý học đường ở Việt Nam (Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học đường tại Việt Nam), NXB Đại học Huế

[6] Anthony Yeo (2005), Bàn tay giúp đỡ, Lan Khuê dịch, NXB Trẻ

[7] Carl Rogers (1992), Tiến trình thành nhân, Tô Thị Ánh và Vũ Trọng Ứng dịch, NXBTTPHCM

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

53. Cơ sở văn hóa Việt Nam**1. Học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM****2. Tên tiếng Anh: VIETNAMESE CULTURE****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 14 tiết, thực hành: 16 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm 3 chương: (1) Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; (2) Các thành tố văn hóa Việt Nam; (3) Các sắc thái văn hóa địa phương và tộc người.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	- Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam.
2	MT2	- Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam.
3	MT3	- Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	- Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam.
2	CĐR2	- Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay.
3	CĐR3	- Nắm được những nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người.
4	CĐR4	- Nắm được những tiêu chí phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện nay.
5	CĐR5	- Phân tích, nhận định những đặc trưng của văn hóa Việt Nam và các vùng văn hóa ở Việt Nam
6	CĐR6	- Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1.		X			X	X
2.	X					X
3.			X	X		X

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
8.	Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	4		4
9.	Các thành tố văn hóa Việt Nam	8	6	14
10.	Các sắc thái văn hóa địa phương và tộc người	2	10	12
Tổng		14	16	30

Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	ĐR1	ĐR2	ĐR3	ĐR4	ĐR5	ĐR6
<i>Hoàn thành bài tập được giao</i>	X	X	X			X
<i>Kiểm tra tự luận giữa học kỳ</i>	X			X	X	X
<i>Thi tự luận/vấn đáp cuối học kỳ</i>	X				X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

MỤC		NỘI DUNG
CHƯƠNG 1		
VĂN HÓA HỌC VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM		
1.1		Dẫn luận văn hoá học
	1.1.1.	Các khái niệm cơ bản
	1.1.2.	Đặc trưng và chức năng của văn hóa
	1.1.3.	Cấu trúc của hệ thống văn hóa
	1.1.4.	Đối tượng của văn hoá học
	1.1.5.	Các phương pháp nghiên cứu
1.2.		Văn hoá Việt Nam
	1.2.1.	Khái niệm văn hoá Việt Nam
	1.2.2.	Định vị văn hoá Việt Nam
	1.2.3.	Diễn trình lịch sử của văn hoá Việt Nam
CHƯƠNG 2		
CÁC THÀNH TỔ VĂN HÓA		
2.1		Văn hoá vật chất
	2.1.1.	Nghề nông trồng lúa nước
	2.1.2.	Ăn uống và giữ gìn sức khoẻ
	2.1.3.	Mặc, ở và đi lại
2.2		Văn hoá xã hội
	2.2.1.	Gia đình và gia tộc
	2.2.2.	Làng xã
	2.2.3.	Quốc gia (nước)
2.3.		Văn hoá tinh thần
	2.3.1.	Tôn giáo, tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục
	2.3.2.	Ngôn ngữ và văn học nghệ thuật
	2.3.3.	Tư tưởng học thuật
CHƯƠNG 3		
CÁC SẮC THÁI VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG		
3.1.		Các sắc thái văn hoá tộc người
	3.1.1.	Nhóm Việt - Mường
	3.1.2.	Nhóm Môn - Khơ - me
	3.1.3.	Nhóm Tày - Thái
	3.1.4.	Nhóm Mông - Dao
	3.1.5.	Nhóm Mã Lai - Đa Đảo
	3.1.6.	Nhóm Hán
	3.1.7.	Nhóm Tạng - Miến
	3.1.8.	Nhóm Ka Đai

3.2.		Các sắc thái văn hoá địa phương/các vùng văn hoá Việt Nam
	3.2.1.	Khái niệm văn hoá vùng và phân vùng văn hoá
	3.2.2.	Các vùng văn hoá Việt Nam

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Chu Xuân Diên (2002), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

TL2. Trần Ngọc Thêm (2000), Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXxb Giáo dục.

TL3. Trần Quốc Vượng chủ biên (1998), Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Đào Duy Anh (1992), Việt Nam văn hoá sử cương (tái bản), NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.

TK2. Toan Ánh (1992), Nếp cũ, 6 tập, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.

TK3. Phan Kế Bính (1990), Việt Nam phong tục (tái bản), NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.

TK4. Phan Ngọc (2000), Bản sắc văn hoá Việt Nam, NXB. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

TK5. Trần Ngọc Thêm (1997), Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.

TK6. Ngô Đức Thịnh (2004), Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam, NXB. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

TK7. Trần Quốc Vượng (2000), Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, NXB. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

54. Tin học chuyên ngành 2**1. Học phần: TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 2****2. Tên học phần (tiếng Anh): Specialized Informatics****3. Số tín chỉ: 03****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 30 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Tin học đại cương****6. Loại học phần: Tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu. Học phần giúp người học đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cần thiết đối với sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học khi ra trường như các mô hình tiếp cận áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; cách thiết kế và xây dựng trang web, trang cá nhân phục vụ dạy học; thiết kế phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và xử lý kết quả thu được; sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các công cụ với dịch vụ web 2.0; tham gia kết nối với cộng đồng giáo dục và duy trì kết nối.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được các mô hình tiếp cận giảng dạy có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và ứng dụng thực tế.
2	MT2	Phát biểu quy trình thiết kế website hỗ trợ dạy học.
3	MT3	Đánh giá mẫu phiếu khảo sát, bài thực hành và kết quả phân tích.
4	MT4	Sử dụng, khai thác các chức năng tiện ích của các dịch vụ điện toán đám mây phục vụ cho việc lưu trữ và chia sẻ tài liệu.
5	MT5	Thiết kế mẫu phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và thu thập kết quả.
6	MT6	Sử dụng được phần mềm SPSS để xử lý và phân tích số liệu.
7	MT7	Xây dựng website học tập, website cá nhân hỗ trợ dạy học đơn giản.
8	MT8	Khai thác và sử dụng một số phần mềm miễn phí phục vụ công việc dạy học và nghiên cứu trong kho công cụ được cung cấp.
9	MT9	Tham gia vào các mạng xã hội, mạng giáo dục, các diễn đàn và duy trì kết nối.
10	MT10	Có ý thức cao trong học tập để có thể khai thác công nghệ ứng dụng vào các quá trình của dạy học ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học	Tên chuẩn đầu ra
----	----------------	------------------

	phần	
1	CĐR1	Trình bày và phân tích được các mô hình tiếp cận giảng dạy có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và ứng dụng thực tế.
2	CĐR2	Phát biểu được quy trình thiết kế website hỗ trợ dạy học.
3	CĐR3	Đánh giá được mẫu phiếu khảo sát, bài thực hành và kết quả phân tích.
4	CĐR4	Sử dụng, khai thác được các chức năng tiện ích của các dịch vụ điện toán đám mây phục vụ cho việc lưu trữ và chia sẻ tài liệu.
5	CĐR5	Thiết kế được mẫu phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và thu thập kết quả.
6	CĐR6	Sử dụng được phần mềm SPSS để xử lý và phân tích số liệu.
7	CĐR7	Xây dựng được website học tập, website cá nhân hỗ trợ dạy học đơn giản.
8	CĐR8	Khai thác và sử dụng được một số phần mềm miễn phí phục vụ công việc dạy học và nghiên cứu trong kho công cụ được cung cấp.
9	CĐR9	Tham gia vào các mạng xã hội, mạng giáo dục, các diễn đàn và duy trì kết nối.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
1	x								
2		x							
3			x	x	x				
4						x			
5							x	x	
6								x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	2		2
2	Thiết kế website/ trang cá nhân đơn giản	3	6	9

3	Thiết kế phiếu khảo sát, bài thi trắc nghiệm trực tuyến và các công cụ hỗ trợ	3	6	9
4	Xử lý và phân tích số liệu với phần mềm SPSS	3	6	9
5	Điện toán đám mây và dịch vụ	2	6	8
6	Kết nối và duy trì kết nối	2	6	8
Tổng		15	30	45

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR8
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x	x	X	X	X
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x	X	X	X	X
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

- 1.1. Giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy
- 1.2. Sự cần thiết của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy
- 1.3. Một số mô hình tiếp cận để giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin
- 1.4. Giảng dạy với thời đại kỹ nguyên số

Chương 2. Thiết kế website/ trang cá nhân đơn giản

- 2.1. Tổng quan về một hệ thống web/ trang cá nhân
- 2.2. Một số công cụ thiết kế trực quan
- 2.3. Xây dựng web/ trang cá nhân đơn giản
- 2.4. E - learning

Chương 3. Thiết kế phiếu khảo sát, bài thi trắc nghiệm trực tuyến và các công cụ hỗ trợ

- 3.1. Kỹ thuật đặt câu hỏi tạo khảo sát
- 3.2. Tạo phiếu khảo sát
- 3.3. Tạo bài thi trắc nghiệm chấm tự động
- 3.4. Nhận phản hồi

Chương 4: Xử lý và phân tích số liệu với phần mềm SPSS

- 4.1. Giới thiệu phần mềm SPSS
- 4.2. Mã hóa dữ liệu
- 4.3. Làm sạch dữ liệu
- 4.4. Thống kê mô tả

Chương 5. Điện toán đám mây và dịch vụ

- 5.1. Tổng quan về điện toán đám mây.
- 5.2. Ứng dụng của điện toán đám mây.
- 5.3. Sử dụng một số dịch vụ điện toán đám mây.
- 5.4. Web 2.0 và ứng dụng
- 5.5. Tiếp cận tài liệu, kho công cụ miễn phí

Chương 6. Kết nối và duy trì kết nối

- 6.1. Các công cụ làm việc nhóm
- 6.2. Các công cụ quản lý lớp học
- 6.3. Các mạng xã hội, diễn đàn
- 6.4. Các mạng giáo dục, diễn đàn

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

TL .Khoa Tin học, Bài giảng Tin học chuyên ngành 2 (dành cho các lớp Sư phạm Tiểu học).

13.2 Tài liệu tham khảo

TK1. Bộ GD và ĐT, Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Tài liệu tập huấn Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, 2014.

TK2. Kho công cụ:

Top 100 tools for learning, <http://cooltoolsforschools.wikispaces.com/>

<http://www.edudemic.com/50-education-technology-tools-every-teacher-should>

know-about

TK3. Mạng giáo dục: <http://www.educatornetwork.com>

TK4. Teaching with Technology (Giảng dạy với Công nghệ)

TK5. Chu Văn Hoành, Giáo trình thiết kế Web, NXB Giáo dục Việt Nam. TK6. Ngô Thông, Hướng dẫn sử dụng phần mềm phân tích thống kê SPSS.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

55. Phát triển lời nói cho HS tiểu học trên bình diện ngữ âm

1. Tên học phần: **PHÁT TRIỂN LỜI NÓI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ ÂM**

2. Tên tiếng Anh: **DEVELOP A SPEAKING FOR PRIMARY STUDENTS ON LANGUAGE VERSION**

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở viết ngữ của việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1,2 và PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1, 2

6. Loại học phần: tự chọn

7. Mô tả học phần:

Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho HS tiểu học; có kĩ năng phát hiện các lỗi của HS tiểu học khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm học. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm ; (2) Phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được cơ sở lí luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho HS tiểu học.
2	MT2	Hiểu đúng các PP chữa lỗi phát âm cho HS tiểu học.
3	MT3	Phân loại các lỗi phát âm lệch chuẩn của HS tiểu học ở địa phương nơi cư trú + biện pháp chữa lỗi.
4	MT4	Xác định ngữ điệu chung cho một số văn bản nghệ thuật trong phân môn Tập đọc ở Tiểu học + đọc diễn cảm.
5	MT5	Phát hiện các lỗi của HS tiểu học khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
42.	CDR33	Trình bày và phân tích được cơ sở lí luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho HS tiểu học.
43.	CDR34	Phân tích các PP chữa lỗi phát âm cho HS tiểu học.

44.	CĐR35	Thống kê, phân loại lỗi phát âm lệch chuẩn chữ viết của HS tiểu học ở địa phương nơi anh (chị) cư trú và đề xuất biện pháp khắc phục
45.	CĐR36	Xác định ngữ điệu chung của một văn bản nghệ thuật tự chọn và hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản đó.
46.	CĐR37	Thực hành để chữa lỗi phát âm, luyện nói, dạy đọc đúng, nhanh và biểu cảm cho HS tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR 29	CĐR 30	CĐR 31	CĐR 32	CĐR 33
1	x				
2		x		x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	6	4	10
2	Các phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh	8	12	18
Tổng		14	16	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo quy định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

Phần 1 Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học Trên bình diện ngữ âm	
1.1	Khái niệm về chuẩn chính âm và lỗi phát âm.
1.2	Phân vùng phương ngữ và xác định các lỗi phát âm theo vùng phương ngữ
Phần 2 Phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh	
2.1	Phương pháp luyện theo mẫu
2.2	Phương pháp dựa vào cấu âm
2.3	Phương pháp luyện tập tổng hợp rồi mới đi đến phân tích
2.4	Phương pháp đi từ âm sai đến âm đúng qua âm trung gian
2.5	Các biện pháp chữa lỗi cụ thể
2.6	Luyện đọc diễn cảm

13. Tài liệu học tập:

13.1 Tài liệu chính:

TL1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học, Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.

TK5. Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tinh (2009), Giải đáp 188 câu hỏi về giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học, NXB Giáo dục.

TK6. Lê Phương Nga (2003), Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, NXB ĐHSP Hà Nội.

TK7. Nguyễn Minh Thuyết, Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt 2,3,4,5, NXB Giáo dục.

TK8. Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học lớp 1 - 5.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

56. Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học:**1. Tên học phần: DẠY HỌC TÍCH HỢP CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh: INTEGRATED TEACHING IN PRIMARY SCHOOLS****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 14 tiết, thực hành: 16 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần:**

- Cơ sở việi ngữ của việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1,2 và PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1,2

- Toán và PP dạy học Toán ở tiểu học 1,2

- Đạo đức và PP dạy học đạo đức

- Thủ công và PPDH Thủ công Kỹ thuật

- Cơ sở Tự nhiên & Xã hội và PP dạy học Tự nhiên xã hội

- Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học 2 (Mỹ thuật)

- Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học 1 (Âm nhạc)

6. Loại học phần: tự chọn**7. Mô tả học phần:**

Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.

Học phần được thiết kế dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ 4, học kì II trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học.

Học phần Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học gồm 2 nhóm vấn đề chính:

(1) Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp, (2) Thiết kế nội dung và tổ chức dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp như: khái niệm, mục tiêu, đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp và các hình thức tích hợp trong dạy học.
2	MT2	Hiểu đúng các nguyên tắc và phương pháp dạy học theo hướng tích hợp ở tiểu học.
3	MT3	Hiểu được nội dung hai nguyên lí, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật trong cuộc sống.
4	MT4	Xác định được mối quan hệ nội dung giữa các bài học dạy các môn học tích hợp.
5	MT5	Thống kê được các bài học của các môn học trong chương trình cấp tiểu học có thể dạy tích hợp.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Trình bày và phân tích được một số vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp như: khái niệm, mục tiêu, đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp và các hình thức tích hợp trong dạy học.
2	CDR2	Trình bày và phân tích được các nguyên tắc và phương pháp dạy học theo hướng tích hợp ở tiểu học.
3	CDR3	Xác định được mối quan hệ nội dung giữa các bài học dạy các môn học tích hợp.
4	CDR4	Tổ chức lớp học và PP dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.
5	CDR5	Thiết kế nội dung dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.
6	CDR6	Đánh giá trong dạy học tích hợp ở tiểu học.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
1	x	x	x			x
2	x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 4 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp	6	4	10
2	Thiết kế nội dung và tổ chức dạy học tích hợp ở tiểu học	8	12	20
Tổng		14	16	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần	10 %

		- Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC TÍCH HỢP	
1.1	Quan niệm về dạy học tích hợp
1.2	Nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học tích hợp
1.3	Các phương pháp dạy học được sử dụng trong dạy học tích hợp ở tiểu học
1.4	Đánh giá trong dạy học tích hợp ở tiểu học
CHƯƠNG 2 THIẾT KẾ NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC TÍCH HỢP Ở TIỂU HỌC	
2.1	Thiết kế nội dung dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học
2.2	Thực hành dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

TL1. Bộ GD &ĐT. Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên. Nâng cao năng lực lập kế hoạch dạy học của giáo viên. NXB GD Việt Nam

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ GD &ĐT. Tài liệu tập huấn dạy học tích hợp ở trường tiểu học. NXB Đại học Sư phạm, 2014.

TK2. Đỗ Hương Trà (chủ biên). Dạy học tích hợp phát triển năng lực của HS. Quyển 1,2. NXB Đại học Sư phạm, 2015.

TK3. Bộ sách giáo khoa cấp Tiểu học.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

57. Giáo dục kĩ năng sống cho HS tiểu học**1. Học phần : GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Life skills education for Primary students****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 21 tiết, thực hành: 09 tiết. tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học các môn học ở tiểu học cung cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh.

Nội dung học phần gồm 2 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học;

Chương 2: Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng sống
2	MT2	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm xác định được nội dung các môn học ở tiểu học có khả năng giáo dục kỹ năng sống để thiết kế và tổ chức giáo dục học sinh
3	MT3	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Nhận biết kiến thức cơ bản về kỹ năng sống
2	CDR2	Xác định được nội dung các môn học ở tiểu học có khả năng giáo dục kỹ năng sống.
3	CDR3	Xác định các phương pháp, kĩ thuật dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học có khả năng giáo dục kỹ năng trong dạy học các môn học ở tiểu học.
4	CDR4	Lựa chọn nội dung các môn học, các phương pháp, kĩ thuật dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học có khả năng giáo dục kỹ năng

		sống.
5	CDR5	Vận dụng kiến thức kỹ năng sống để xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh
6	CDR6	Đánh giá được nội dung bài học và rút ra nội dung cần giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
7	CDR7	Thiết kế được bài soạn các môn học như môn Tiếng Việt, Đạo đức, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học có khả năng giáo dục kỹ năng sống.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
1	x	x	x				
2		x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	7	3	10
2	Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học	14	6	20
Tổng		21	09	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Hoàn thành bài tập được giao		x	x	x	x	x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x			

Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x	x
-------------------------------------	---	---	---	---	---	---	---

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 60 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ - Thời gian làm bài tự luận/trắc nghiệm 60 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KỸ NĂNG SỐNG VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC		
1		Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống
	1.1	Quan niệm về kỹ năng sống
	1.2	Phân loại kỹ năng sống
	1.3	Vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
2		Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
	2.1	Mục tiêu
	2.2	Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
	2.3	Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
	2.4	Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
	2.5	Quy trình thực hiện bài học giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
CHƯƠNG 2 Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học		
1		Giáo dục kỹ năng sống trong môn Tiếng Việt ở tiểu học
	1.1	Mục tiêu
	1.2	Khả năng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt
	1.3.	Nội dung giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt
	1.4	Thiết kế bài soạn minh họa
2		Giáo dục kỹ năng sống trong môn Đạo đức ở tiểu học
	2.1	Mục tiêu
	2.2	Khả năng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong môn Đạo đức

	2.3	Nội dung giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học trong môn Đạo đức
	2.4	Thiết kế bài soạn minh họa
3		Giáo dục kỹ năng sống trong các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
	3.1	Mục tiêu
	3.2	Khả năng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
4	3.3	Nội dung giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học trong các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
	3.4	Thiết kế bài soạn minh họa
5		Giáo dục kỹ năng sống trong môn Công nghệ
	5.1	Mục tiêu
	5.2	Khả năng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong môn Công nghệ
	5.3	Nội dung giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học trong môn Công nghệ
	5.4	Thiết kế bài soạn minh họa

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

Nguyễn Thanh Bình, Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống, NXB ĐHSP, 2011.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học, NXB Giáo dục VN, 2010

13.2 Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Thanh Bình, Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, NXB ĐHSP, 2011.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5, NXB Giáo dục.

Nguyễn Khánh Hà, Rèn kỹ năng sống cho học sinh, NXB Đại học Sư phạm, 2014.

Nguyễn Công Khanh, Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, NXB ĐHSP, 2014.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

58. Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học

1. Tên học phần: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

2. Tên học phần (tiếng Anh): USING HANDS – ON METHOD IN PRIMARY TEACHING

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Cơ sở khoa học tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học

6. Loại học phần: tự chọn

7. Mô tả học phần:

Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp Bàn tay nặn bột và sự tương quan giữa nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của nội dung cũng như phương pháp luận của các môn học về khoa học ở tiểu học với mục tiêu, nội dung và phương pháp luận của phương pháp Bàn tay nặn bột.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng vận dụng được một cách phù hợp tiến trình dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột vào các môn học ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích khoa học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học các môn học ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích và vận dụng được những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp Bàn tay nặn bột và sự tương quan giữa nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của nội dung cũng như phương pháp luận của các môn học về khoa học ở tiểu học với mục tiêu, nội dung và phương pháp luận của phương pháp Bàn tay nặn bột.

2	CĐR2	Lựa chọn và phân tích được các nội dung bài học trong chương trình các môn khoa học ở tiểu học phù hợp với việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.
3	CĐR3	Thực hiện được các kỹ năng chính trong quá trình sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột một cách hiệu quả.
4	CĐR4	Thiết kế các kế hoạch bài học môn Tự nhiên- Xã hội; môn Khoa học theo tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột.
5	CĐR 5	Tổ chức dạy học được các tiết học môn Tự nhiên - Xã hội; môn Khoa học theo tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x	x			
2	x	x			
3	x			x	x
4	x	x	x	x	x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Chương 1: Lý luận cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột	4	2	6
2	Chương 2: Vai trò của phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học	2	2	4
3	Chương 3: Các kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở TH	5	5	10
4	Chương 4: Tổ chức dạy học các môn khoa học ở tiểu học theo tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột	5	5	10
Tổng		16	14	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Hoàn thành bài tập được giao	x	x		x	x
Kiểm tra giữa học kỳ	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ - Thời gian làm bài tự luận 50 phút	30%
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ - Thời gian làm bài tự luận/trắc nghiệm 60 phút	60%
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1- CHƯƠNG 1	
LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT	
1.1	Khái niệm phương pháp BTNB
1.2	Sự ra đời và phát triển của phương pháp BTNB
1.3	Cơ sở khoa học của phương pháp BTNB
1.4	Đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của phương pháp BTNB
1.5	Mối quan hệ giữa phương pháp BTNB với các phương pháp dạy học khác
CHƯƠNG 2	
VAI TRÒ CỦA PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC Ở TIỂU HỌC	
2.1	Đặc điểm chương trình các môn về tự nhiên và xã hội và khả năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột
2.2.	Đặc điểm tâm sinh lí của học sinh tiểu học và việc sử dụng phương pháp BTNB
2.3.	Định hướng đổi mới phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên-xã hội
2.4	Vai trò của phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học
CHƯƠNG 3	
CÁC KỸ NĂNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC Ở TIỂU HỌC	
3.1	Kỹ năng tổ chức lớp học
3.2	Kỹ năng giúp học sinh bộc lộ quan điểm ban đầu

3.3	Kỹ năng tổ chức hoạt động thảo luận cho học sinh
3.4	Kỹ năng tổ chức hoạt động thảo luận cho học sinh
3.5	Kỹ năng đặt câu hỏi
3.6	Kỹ năng phát triển ngôn ngữ cho học sinh
3.7	Kỹ năng chọn ý tưởng, nhóm ý tưởng của học sinh
3.8	Kỹ năng hướng dẫn học sinh đề xuất thí nghiệm nghiên cứu
3.9	Kỹ năng hướng dẫn học sinh tiến hành thí nghiệm tìm tòi- nghiên cứu
3.10	Kỹ năng hướng dẫn học sinh sử dụng vở thực hành
3.11	Kỹ năng hướng dẫn học sinh phân tích thông tin, hiện tượng quan sát được khi nghiên cứu để đưa ra kết luận
3.12	Kỹ năng hướng dẫn học sinh so sánh, đối chiếu kết quả thu nhận được với kiến thức khoa học
3.13	Kỹ năng đánh giá học sinh
CHƯƠNG 4 TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC Ở TIỂU HỌC THEO TIẾN TRÌNH PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT	
4.1	Nội dung kiến thức có thể sử dụng phương pháp BTNB trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học
4.2	Tiến trình dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học theo phương pháp BTNB
4.3	Sử dụng phương pháp BTNB trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học
4.4	Vận dụng tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học một số môn học khác ở tiểu học.

13. Tài liệu học tập:**13.1. Giáo trình chính:**

TL1. Nguyễn Thị Thán – Nguyễn Thị Thanh Hương (2014), Dạy học ở tiểu học theo phương pháp Bàn tay nặn bột, NXB Giáo dục.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Georger Charpark (chủ biên), Bàn tay nặn bột - Khoa học ở trường tiểu học, Dịch giả Đinh Ngọc Lân, NXBGD, 2006.

TK2. Phạm Ngọc Định, Nguyễn Thị Thanh Hương, Trần Thanh Sơn, Nguyễn Xuân Thành; Tài liệu tập huấn về Phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở, 2012.

TK3. Nguyễn Trại (chủ biên); Sổ tay kiến thức khoa học và đời sống dành cho học sinh tiểu học, NXBGD, 2009.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV các môn học ở tiểu học.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

59. Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học

1. Học phần: CÁC MÔ HÌNH DẠY HỌC HIỆU QUẢ CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC

2. Tên học phần (tiếng Anh): **Effective Teaching Models of Primary School**

3. Số tín chỉ: 02

4. Phân bổ thời gian: lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết

5. Điều kiện tham gia học phần: Phương pháp dạy học ở tiểu học

6. Loại học phần: tự chọn

7. Mô tả học phần:

Trang bị cho người học những cách thức chung về tổ chức dạy học theo mô hình trường tiểu học mới để hướng dẫn hoạt động học của người học theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm của quá trình dạy học. Giúp họ hiểu rõ những đặc trưng cơ bản của mô hình trường tiểu học mới, qui trình “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập” và những yếu tố tác động đến tính hiệu quả của việc tổ chức, quản lý lớp học như tài liệu hướng dẫn hoạt động học, kĩ thuật dạy học tích cực, đánh giá kết quả dạy học và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học các kiến thức về cách thức tổ chức dạy học tích cực theo mô hình trường học mới ở tiểu học, quy trình “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập”.
2	MT2	Hiểu rõ những đặc trưng cơ bản của mô hình trường tiểu học mới và những yếu tố tác động đến tính hiệu quả của việc tổ chức, quản lý lớp học như tài liệu hướng dẫn hoạt động học, kĩ thuật dạy học tích cực, đánh giá kết quả dạy học và sự tham gia của cộng đồng địa phương.
3	MT3	Nghiêm túc trong học tập, chủ động, tự giác, tích cực, sáng tạo và hợp tác trong việc chiếm lĩnh kiến thức mà học phần cung cấp.
4	MT4	Có ý thức rèn luyện để trở thành một giáo viên tiểu học giỏi về chuyên môn nghiệp vụ.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Trình bày các kiến thức về cách thức tổ chức dạy học tích cực theo mô hình trường học mới ở tiểu học, quy trình “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập”.

2	CĐR2	Trình bày được những đặc trưng cơ bản của mô hình trường tiểu học mới và những yếu tố tác động đến tính hiệu quả của việc tổ chức, quản lý lớp học như tài liệu hướng dẫn hoạt động học, kỹ thuật dạy học tích cực, đánh giá kết quả dạy học và sự tham gia của cộng đồng địa phương.
3	CĐR3	Tổ chức dạy học tích cực mô hình trường học mới ở tiểu học.
4	CĐR4	Vận dụng linh hoạt mô hình trường học mới vào việc dạy học ở tiểu học.
5	CĐR5	Vận dụng thành thạo vào việc hướng dẫn hoạt động học các môn tiếng Việt, toán, TN-XH và các hoạt động giáo dục khác.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x	x			
2			x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Một số vấn đề chung về mô hình trường tiểu học mới	7	5	12
2	Tổ chức hoạt động học theo mô hình trường học mới	8	10	18
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5

Hoàn thành bài tập được giao		X	X	X	X
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	X	X	X	X	X
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	X	X	X	X	X

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC MỚI	
1.1	Quan niệm trường học mới
1.2	Đặc điểm Tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Hướng dẫn hoạt động giáo dục
1.3	Đổi mới phương pháp dạy học, qui trình dạy học và việc tổ chức Hoạt động giáo dục theo mô hình trường tiểu học mới
1.4	Chu trình tổ chức dạy học thông qua trải nghiệm gồm “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập” trong dạy học.
1.5	Vai trò của HĐTQ, tổ chức và quản lí lớp học trong dạy học
1.6	Sử dụng hiệu quả góc học tập và thư viện lớp học trong dạy học
1.7	Kĩ thuật đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học.
1.8	Những thay đổi đang diễn ra trong các gia đình Việt Nam hiện nay
1.9	Sự tác động của Cộng đồng đến quá trình dạy học.
1.10	Vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của trường tiểu học
1.11	Lớp học
1.12	Nhiệm vụ của người giáo viên và học sinh tiểu học
1.13	Đổi mới tăng cường sinh hoạt chuyên môn cụm trường và nghiên cứu điều chỉnh tài liệu hướng dẫn đến quá trình dạy học.
CHƯƠNG 2	
TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI	
2.1	Tổ chức hướng dẫn hoạt động học môn Tiếng Việt theo mô hình trường học mới
1.1	Tổ chức hoạt động học môn Toán theo mô hình trường học mới
1.2	Tổ chức hoạt động học môn Toán theo mô hình trường học mới

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL: Đặng Tự Ân, Mô hình trường học mới tại Việt Nam, NXBGD Việt Nam, 12/2013

13.2 Tài liệu tham khảo

TK1. Đặng Tự Ân, Mô hình trường học mới tại Việt Nam, NXBGD Việt Nam, 12/2013

TK2. Hướng dẫn sự tham gia của cộng đồng theo mô hình trường học mới tại Việt Nam–Dự án mô hình trường học mới Việt Nam–Vụ giáo dục Tiểu học–Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2013–Tài liệu lưu hành nội bộ.

TK3. Hướng dẫn tổ chức chuyên môn tại các trường thực hiện trường học mới Việt Nam–Dự án mô hình trường học mới Việt Nam–Vụ giáo dục Tiểu học–Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2013–Tài liệu lưu hành nội bộ.

TK4. Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới tại Việt Nam–Dự án mô hình trường học mới Việt Nam–Vụ giáo dục Tiểu học–Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2013–Tài liệu lưu hành nội bộ.

TK5. Tài liệu hướng dẫn hoạt động học lớp 2, 3, 4, 5 các môn Tiếng Việt, môn Toán, môn TN-XH

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

60. Dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học**1. Tên học phần: DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP Ở TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh: TEACHING VIETNAMESE FROM VIEWPOINT COMMUNICATIONS IN PRIMARY****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 14 tiết, thực hành: 16 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần:**

- Cơ sở Việt ngữ của việc dạy học tiếng Việt tiểu học 1, 2
- PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1, 2

6. Loại học phần: tự chọn**7. Mô tả học phần:**

Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tiểu học trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp.

Học phần thiên về thực hành nên phần lý thuyết được trình bày ngắn gọn, có tính chất hướng dẫn. Thời gian chủ yếu của học phần dành cho sinh viên thực hiện các bài tập rèn các kỹ năng sát với chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.

Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng tiếng Việt theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) PP dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp; (2) Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho HS tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học như lý thuyết hoạt động lời nói và sự ứng dụng vào việc dạy kỹ năng sử dụng tiếng Việt, kỹ năng sản sinh văn bản nói và viết cho HS.
2	MT2	Hiểu những hình thức tổ chức lớp học và PP dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học.
3	MT3	Giải thích và chứng minh được mối quan hệ giữa các thể loại văn bản (nói và viết).
4	MT4	Thống kê và phân loại được các dạng bài tập trong chương trình và SGK Tiếng Việt cấp tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
----	---------------------	------------------

1	CĐR1	Trình bày và phân tích được một số vấn đề cơ bản về dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học như lí thuyết hoạt động lời nói.
2	CĐR2	Ứng dụng vào việc dạy kĩ năng sử dụng tiếng Việt, kĩ năng sản sinh văn bản nói và viết cho HS.
3	CĐR3	Trình bày và phân tích được những hình thức tổ chức lớp học và PP dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học.
4	CĐR4	Giải thích và chứng minh được mối quan hệ giữa các thể loại văn bản (nói và viết).
5	CĐR5	Sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, trong dạy học hiệu quả.
6	CĐR6	Tổ chức lớp học và PP dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học phù hợp theo quan điểm giao tiếp.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1	X		x	x		
2		x			X	X

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Tổ chức dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp	6	4	10
2	Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho HS tiểu học	8	12	20
	Tổng	14	16	30

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %

3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP	
1.1	Quan điểm giao tiếp với mục tiêu dạy học tiếng Việt ở tiểu học
1.2	Quan điểm giao tiếp với nội dung dạy học tiếng Việt ở tiểu học
1.3	Quan điểm giao tiếp với việc tổ chức dạy học tiếng Việt ở tiểu học
CHƯƠNG 2 DẠY SẢN SINH VĂN BẢN NÓI VÀ VIẾT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	
2.1	Những vấn đề chung về quá trình dạy sản sinh văn bản nói và viết
2.2	Một số vấn đề dạy hội thoại ở tiểu học
2.3	Kể chuyện, dạy kể chuyện và dạy viết bài kể chuyện ở tiểu học
2.4	Văn miêu tả và việc dạy văn miêu tả cho HS tiểu học
2.5	Xây dựng một số chủ đề tích hợp trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học

13. Tài liệu học tập:

13.1. Tài liệu chính:

TL1. Nguyễn Trí (2009), Một số vấn đề dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học, Nxb Giáo dục.

13.2 Tài liệu tham khảo:

TK1. Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán (1993), Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 (Sách Đại học Sư phạm), NXB Giáo dục.

TK2. Đỗ Hữu Châu (2001), Đại cương ngôn ngữ học, tập 2, Ngữ dụng học, NXB Giáo dục.

TK3. Đỗ Hữu Châu - Đỗ Việt Hùng (2007), Giáo trình Ngữ dụng học, Nxb ĐH Sư phạm.

TK4. Nguyễn Đức Dân (2000), Ngữ dụng học, tập 1, Nxb Giáo dục.

TK5. Nguyễn Thiện Giáp (2007), Dụng học Việt ngữ, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

TK6. Đỗ Thị Kim Liên (1999), Ngữ nghĩa lời hội thoại, Nxb Giáo dục.

TK7. Trương Thị Nhân (2007), Bài tập thực hành ngữ dụng học, Nxb ĐH Sư phạm.

TK8. Nguyễn Thị Việt Thanh (1999), Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

TK9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học Nxb Giáo dục, Nxb ĐHSP. TK10. Phan phương Dung, Đặng Kim Nga, Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học, NXB Sư phạm, năm 2011

TK11. Bộ sách Tiếng Việt cấp Tiểu học.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

61.

Phát triển chương trình giáo dục tiểu học**1. Tên học phần : PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh : Developing Primary Education Curriculum****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: PPDH Toán, Tiếng Việt****6. Loại học phần: tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phát triển chương trình, thiết kế chương trình môn học; phục vụ cho việc xây dựng và phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học. SV có năng lực phân tích chương trình hiện hành và phát triển chương trình giáo dục tiểu học theo từng khối lớp

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Hiểu biết về các khái niệm chương trình, chương trình đào tạo, chương trình giáo dục, chương trình quốc gia, chương trình địa phương, chương trình tiểu học, chương trình môn học, thiết kế chương trình môn học, phát triển chương trình môn học..
2	MT2	Biết phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, ĐG kết quả học tập, tài liệu học tập.
3	MT3	Thực hiện phân tích được chương trình môn học
4	MT4	Thiết kế quy trình phát triển chương trình môn học trong trường tiểu học.
5	MT5	Vận dụng phân tích, phát triển chương trình địa phương, nhà trường.

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR của HP	Mô tả chuẩn đầu ra
1	CDR1	Có kiến thức về phân tích chương trình, phát triển chương Trình
2	CDR2	Áp dụng kiến thức phân tích chương trình hiện hành, chương trình GDPT mới
3	CDR3	Thực hiện được phát triển chương trình địa phương/nhà trường theo quy trình quy định
4	CDR4	Phát triển tài liệu học tập, giảng dạy trong trường tiểu học
5	CDR5	Lập được kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện địa phương, nhà trường

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
1	x				
2		x	x		
3			x	x	
4			x		x

Phân bố thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Một số vấn đề chung về thiết kế chương trình môn học	5	2	7
2	Phân tích chương trình GD tiểu học hiện hành	5	4	9
3	Thiết kế chương trình GD Tiểu học hiện hành	5	4	9
4	Thực hành thiết kế chương trình GD tiểu học		5	5
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế nhân 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC		
1.1		Chương trình
1.2		Các xu hướng tiếp cận để xây dựng chương trình
1.3		Cấu trúc chương trình môn học
1.4		Ý nghĩa của việc thiết kế chương trình môn học
1.5		Định hướng phát triển chương trình nhà trường phổ thông
		Quy trình thiết kế chương trình môn học
CHƯƠNG 2		
PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC HIỆN HÀNH		
2.1		Chương trình giáo dục tiểu học
2.2		Quan điểm và định hướng phát triển CT GDTH hiện hành
2.3		Phân tích chuẩn kiến thức, kỹ năng CT GDTH
2.4		Phân tích cấu trúc CT SGK tiểu học
CHƯƠNG 3		
THỰC HÀNH PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC 2018		
3.1		Thực hành phân tích chương trình lớp 1
3.2		Thực hành phân tích chương trình lớp 2
3.3		Thực hành phân tích chương trình lớp 3
3.4		Thực hành phân tích chương trình lớp 4
3.5		Thực hành phân tích chương trình lớp 5
CHƯƠNG 4		
THỰC HÀNH THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
4.1		Thực hành thiết kế chương trình môn học lớp 1
4.2		Thực hành thiết kế chương trình môn học lớp 2
4.3		Thực hành thiết kế chương trình môn học lớp 3
4.4		Thực hành thiết kế chương trình môn học lớp 4
4.5		Thực hành thiết kế chương trình môn học lớp 5

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Phan Đức Chính (2017), Phát triển chương trình giáo dục, NXB ĐHSP.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Bộ GD&ĐT (2015), Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông ngành Toán.

TK2. Bộ GD&ĐT (2015), Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông ngành Ngữ Văn.

TK3. Bộ GD&ĐT (2015), Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên.

TK4. Đoàn Thị Minh, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Công Bằng, Peter J. Gray, Hồ Tấn Nhật (2012), Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng

chuẩn đầu ra, NXB ĐH quốc gia TP. Hồ Chí Minh

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

62. **Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học**
1. Tên học phần: **DẠY HỌC KHOA HỌC THEO TIẾN TRÌNH TÌM TÒI, KHÁM PHÁ Ở TIỂU HỌC**
 2. Tên học phần (tiếng Anh): **INQUIRY TEACHING IN PRIMARY SCHOOL**
 3. Số tín chỉ: **02**
 4. Phân bổ thời gian: **Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết**
 5. Điều kiện tham gia học phần: **Không**
 6. Loại học phần: **Tự chọn**
 7. Mô tả học phần:

Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học là một học phần cung cấp cho người học những lí thuyết cơ bản về quan điểm dạy học khám phá – lấy người học là trung tâm và vai trò của dạy học tìm tòi, khám phá trong việc phát triển năng lực cho học sinh tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kĩ năng sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn học khoa học ở trường tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những lí thuyết cơ bản nhất về quan điểm dạy học khám phá – lấy người học là trung tâm; vai trò của dạy học tìm tòi, khám phá trong việc phát triển năng lực cho học sinh tiểu học và việc sử dụng các phương pháp tích cực trong dạy học các môn học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở trường tiểu học.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng vận dụng được một cách phù hợp tiến trình dạy học tìm tòi, khám phá vào các môn khoa học ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích khoa học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Phân tích và vận dụng được các lí thuyết cơ bản về quan điểm dạy học khám phá – lấy người học là trung tâm.
2	CDR2	Phân tích được vai trò của việc tổ chức dạy học tìm tòi, khám phá nhằm phát triển năng lực cho học sinh thông qua các môn khoa học ở tiểu học.

3	CĐR3	Phân tích và vận dụng được các phương pháp tích cực theo hướng tìm tòi, khám phá trong dạy học các môn học khoa học ở trường tiểu học.
4	CĐR4	Thiết kế được các kế hoạch bài học các môn học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá.
5	CĐR 5	Tổ chức dạy học được các tiết học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1	x			x	x
2	x	x		x	x
3	x		x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận(*)	Tổng số
1	Chương 1: Lý luận cơ bản về dạy học tìm tòi, khám phá	4	4	8
2	Chương 2: Vai trò của dạy học tìm tòi, khám phá trong việc phát triển năng lực cho học sinh tiểu học	4	2	6
3	Chương 3: Tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học theo tiến trình tìm tòi, khám phá	8	8	16
Tổng		16	14	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Hoàn thành bài tập được giao	x	x		x	x

Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x	x	x
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Hoàn thành bài tập được giao.	10%
2	Điểm thành phần 2	- Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	30%
		- Thời gian làm bài tự luận 50 phút	
3	Điểm thi cuối kỳ	- Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	60%
		- Thời gian làm bài tự luận/trắc nghiệm 60 phút	
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1	
LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ DẠY HỌC TÌM TÒI, KHÁM PHÁ	
1.1	Quan niệm về dạy học tìm tòi, khám phá
1.2	Thuyết kiến tạo – nền tảng của dạy học tìm tòi, khám phá
1.3	Đặc trưng của dạy học tìm tòi, khám phá
CHƯƠNG 2	
VAI TRÒ CỦA DẠY HỌC TÌM TÒI, KHÁM PHÁ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC	
2.1	Khái niệm về năng lực
2.2	Các năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh tiểu học
2.3	Vai trò của dạy học khám phá trong việc hình thành, phát triển năng lực cho học sinh tiểu học
CHƯƠNG 3	
TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC THEO TIẾN TRÌNH TÌM TÒI, KHÁM PHÁ	
3.1	Các phương pháp dạy học tìm tòi, khám phá ở tiểu học
3.2	Quy trình dạy học các môn khoa học ở tiểu học theo tiến trình tìm tòi, khám phá
3.3	Vận dụng tiến trình tìm tòi, khám phá trong dạy học một số môn học ở tiểu học.

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Phó Đức Hòa, Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2010.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Ngô Vũ Thu Hằng, Vận dụng quan điểm kiến tạo xã hội trong thiết kế chương trình và bài học môn Khoa học ở tiểu học, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2018.

TK2. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tài liệu tập huấn về dạy học tích hợp ở tiểu học, 2014.

TK3. Nguyễn Trại (chủ biên); Sổ tay kiến thức khoa học và đời sống dành cho học sinh tiểu học, NXBGD, 2009.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV các môn học ở tiểu học.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

63. Phương pháp, kĩ thuật dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học**1. Học phần : PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC****2. Tên học phần (tiếng Anh): Active teaching methods and techniques in History and Geography in Primary School****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 15 tiết, thực hành: 15 tiết, tự chọn: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: không****6. Loại học phần: Tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần Kỹ thuật dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học là học phần tự chọn trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kĩ năng dạy học về Lịch sử và Địa lí ở tiểu học theo các nhóm vấn đề chính: (1) Phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; (2) Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

8. Mục tiêu của học phần:

T T	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực
2	MT2	Rèn luyện cho sinh viên cách tư duy giải quyết vấn đề, sáng tạo nhằm vận dụng phương pháp, kỹ thuật tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.
3	MT3	Yêu thích môn học. Có ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm về môn học/học phần.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Trình bày được quan điểm dạy học tích cực
2	CĐR2	Hiểu được khái niệm, đặc trưng của phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.
3	CĐR3	Phân tích được các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.
4	CĐR4	Lựa chọn được phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học
5	CĐR5	Vận dụng được phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào xây dựng kế hoạch dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học

6	CĐR6	Tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học theo hướng tích cực
---	------	--

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
1	x	x	x			
2	x	x	x	x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực	6	7	13
2	Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học	9	8	17
Tổng		15	15	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
Hoàn thành bài tập được giao	x	x	x	x	x	x
Kiểm tra tự luận giữa học kỳ	x	x	x			
Thi tự luận/trắc nghiệm cuối học kỳ	x	x	x	x	x	x

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như

sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm	30 %

		- Thảo luận	
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1		
PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC		
1		Quan điểm dạy học tích cực
	1.1	Tính tích cực
	1.2	Tính tích cực trong học tập
2		Phương pháp dạy học tích cực
	2.1	Khái niệm
	2.2.	Đặc trưng của phương pháp dạy học tích cực
CHƯƠNG 2		
VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC		
1		Phương pháp dạy học
	1.1	Dạy học khám phá
	1.2	Dạy học nêu và giải quyết vấn đề
	1.3	Dạy học dự án
	1.4	Phương pháp động não
	1.5	Phương pháp thảo luận
	1.6	Phương pháp ghráp
2		Kỹ thuật dạy học
	2.1	Kĩ thuật đặt câu hỏi
	2.2	Kĩ thuật chia nhóm
	2.3	Kĩ thuật mảnh ghép
	2.4	Kĩ thuật khăn trải bàn
	2.5	Kĩ thuật sơ đồ tư duy
3		Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học
	3.1	Lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học
	3.2	Xây dựng kế hoạch dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học theo hướng tích cực
	3.3	Tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí ở tiểu học theo hướng tích cực

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

Bộ Giáo dục Đào tạo, Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội tập 2, NXBGD 2007.

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, NXB ĐHSP, 2011.

TK2. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng, Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực, NXB ĐHSP, 2012.

TK3. Phó Đức Hòa, Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học, NXBGD 2007.

14. Phê duyệt:**Tổ bộ môn****Trưởng khoa**

64.

Số học ở tiểu học**1. Tên học phần: SỐ HỌC Ở TIỂU HỌC****2. Tên tiếng Anh: Arithmetic in primary school****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 16 tiết, thực hành: 14 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện để tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần bao gồm các vấn đề về: Trình bày tổng thể hệ thống về các hàm số, lý thuyết đồng dư, liên phân số hữu hạn và vô hạn, phương trình Đi-ô-phăng.

8. Mục tiêu học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Có kiến thức về Hàm số học, lý thuyết đồng dư, liên phân số, phương trình Điôphăng
2	MT2	Áp dụng kiến thức số học để tổ chức thực hành giải toán tiểu học
3	MT3	Giải thích được mối quan hệ với kiến thức toán tiểu học
4	MT4	Vận dụng hướng dẫn học sinh giải toán nâng cao về số học

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CĐR của HP	Mô tả chuẩn đầu ra
1	CĐR1	Hiểu biết về hàm số học, lý thuyết đồng dư, liên phân số
2	CĐR2	Áp dụng kiến thức số học để hướng dẫn giải toán số học ở tiểu học
3	CĐR3	Giải thích được cơ sở toán học của việc dạy học toán ở tiểu học
4	CĐR4	Hỗ trợ đồng nghiệp thực hành giải toán ở tiểu học

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (chương) học phần:

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
1	x			x
2		x	x	x
3		x	x	x

Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết):

Chương	Tên Chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số
1	Hàm số học	3	3	6

2	Lý thuyết đồng dư	4	4	8
3	Liên Phân số	5	5	10
4	Phương trình Đì – ô - phăng	4	2	6
Tổng		16	14	30

(*) Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế nhân 2.

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành.
- Hoàn thành các bài tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn.
- Tham gia kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần.

11. Đánh giá sinh viên:

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Bài thi	60 %
Tổng			100%

12. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 HÀM SỐ HỌC		
1.1		Hàm số phần nguyên và hàm số phần phân
1.2		Hàm nhân
1.3		Hàm Mơ-bi-ut
1.4		Hàm $\square(n)$ và $\square(n)$
1.5		Hàm Ô-le.
CHƯƠNG 2 LÝ THUYẾT ĐỒNG DƯ		
2.1		Phép chia hết và phép chia có dư
2.2		Đồng dư thức
2.3		Lớp đồng dư
2.4		Hệ thặng dư đầy đủ và hệ thặng dư thu gọn theo modun m
CHƯƠNG 3 LIÊN PHÂN SỐ		
3.1		Liên phân số hữu hạn và liên phân số vô hạn
3.2		Giản phân
3.3		Biểu diễn số thực bởi liên phân số

CHƯƠNG 4 PHƯƠNG TRÌNH ĐI-Ô-PHĂNG		
4.1		Phương trình vô định dạng $ax + by = c$
4.2		Phương trình vô định dạng $a_1x_1 + a_2x_2 + \dots + a_nx_n = c$
4.3		Phương trình vô định dạng $a_2 + b_2 = z_2$
4.4		Liên phân số hữu hạn và liên phân số vô hạn

13. Tài liệu học tập:

13.1. Giáo trình chính:

TL1. Trần Diên Hiền - Nguyễn Tiên Tài, Nguyễn Văn Ngọc (2006), Lý thuyết số, NXB Đại học Sư phạm

13.2. Tài liệu tham khảo:

TK1. Bùi Huy Hiền và tập thể (1985), Bài tập Đại số và Số học, NXB Giáo dục TK2. Trần Diên Hiền - Bùi Huy Hiền (2006), Các tập hợp số, NXB Đại học Sư phạm.

TK3. Trần Diên Hiền - Vũ Quốc Chung (1995), Số và đại lượng, NXB Giáo dục. TK4. Ngô Thúc Lan (1986), Đại số và Số học, NXB Giáo dục.

14. Phê duyệt:

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

65. Khóa luận tốt nghiệp**1. Tên học phần: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP****2. Tên tiếng Anh: Graduation Thesis****3. Số tín chỉ: 02****4. Phân bổ thời gian:****5. Điều kiện tham gia học phần: Không****6. Loại học phần: Bắt buộc****7. Mô tả học phần:**

Học phần giúp sinh viên tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên

8. Chuẩn đầu ra học phần của học phần:

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1.	CDR1	Hiểu rõ các khái niệm, các yếu tố cấu thành của vấn đề nghiên cứu
2.	CDR2	Tìm hiểu được thực tiễn của vấn đề nghiên cứu
3.	CDR3	Vận dụng được cơ sở lí luận và thực tiễn để đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học ở tiểu học.
4.	CDR4	Thực hiện được một đề tài khóa luận tốt nghiệp.

66.**Khởi nghiệp:****1. Tên học phần: Khởi nghiệp****2. Tên tiếng Anh: Startup****3. Số tín chỉ: 03****4. Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 30 tiết, thực hành: 15 tiết, tự học: 0 tiết****5. Điều kiện tham gia học phần: các học phần chuyên ngành****6. Loại học phần: tự chọn****7. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt lõi để khởi tạo một doanh nghiệp như tư duy người doanh nhân, tư duy phân tích các bước tạo lập doanh nghiệp; các kiến thức về marketing, sản xuất, nhân lực, và tài chính nhằm thích nghi tốt với quá trình khởi nghiệp, kỹ năng tạo lập và kiểm tra mô hình kinh doanh có hiệu quả, cách viết kế hoạch kinh doanh chuyên nghiệp và hiệu quả; và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm và thái độ cần thiết đáp ứng yêu cầu quá trình khởi nghiệp.

8. Mục tiêu của học phần

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghề doanh nhân và tư duy người doanh nhân, tư duy phân tích các bước tạo lập doanh nghiệp;
2	MT2	Vận dụng được các phương pháp tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh;
3	MT3	Biết cách tạo lập và kiểm tra mô hình kinh doanh có hiệu quả, biết cách viết kế hoạch kinh doanh chuyên nghiệp và hiệu quả;
4	MT4	Cung cấp những kiến thức cơ bản về marketing, sản xuất, nhân lực và tài chính phục vụ quá trình khởi nghiệp;
5	MT5	Xây dựng tinh thần và thái độ khởi nghiệp nghiêm túc.

9. Chuẩn đầu ra học phần của học phần

TT	Mã CDR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CDR1	Hiểu bản chất và đặc điểm lao động của doanh nhân và vận dụng để phát triển năng lực doanh nhân của mình.
2	CDR2	Nhận biết và đánh giá các cơ hội theo những cách thức khả thi nhất để khởi nghiệp.
3	CDR3	Sử dụng phân tích chi phí/lợi ích, phân tích SWOT, phân tích khả thi một cách tốt nhất để đưa ra quyết định và đánh giá cơ hội kinh doanh.
5	CDR4	Nhận thức và chứng minh sự phát triển đúng đắn cũng như xây dựng một kế hoạch kinh doanh thuyết phục, bao gồm tiếp thị, sản xuất, nguồn nhân lực, tài chính, để hoàn tất quá trình khởi nghiệp.
6	CDR5	Chuẩn bị mô hình lập kế hoạch kinh doanh Canvas và trình bày đầy đủ chín khía cạnh trong mô hình.
4	CDR6	Xác định lợi thế cạnh tranh, phân khúc thị trường và nghiên cứu nó một cách hiệu quả để điều chỉnh các sản phẩm (dịch vụ) đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
7	CDR7	Xác định phân khúc thị trường, khảo sát thị trường đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu, định vị sản phẩm (dịch vụ) có hiệu quả để hoàn thành kế hoạch nghiên cứu Marketing.
8	CDR8	Kết hợp bốn thành phần sản phẩm, giá, phân phối, và xúc tiến bán hàng để mang lại lợi ích cho khách hàng và áp dụng phân tích điểm hòa vốn để đánh giá kế hoạch tiếp thị năng suất và hiệu quả.
9	CDR9	Phát triển các hoạt động sản xuất, nhân sự để vận hành kinh doanh

10	CĐR10	Sử dụng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo hiệu quả để tối ưu hóa hiệu quả công việc.
11	CĐR11	Thể hiện thái độ phù hợp, tự chủ, tự trọng, trách nhiệm, tiến bộ, đạo đức, phục vụ cộng đồng.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung (Chương) học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11
1	x										x
2		X	x	x	x						
3						x	x	x			
4							x	x			x
5								x			x
6								x	x	x	x
7									x	x	x

67. 10. Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương thứ	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận ^(*)	Tổng số
1	Khởi nghiệp và tinh thần doanh nhân	4	1	5
2	Tiến trình lập kế hoạch kinh doanh thành công	5	2	7
3	Nghiên cứu thị trường và xây dựng kế hoạch marketing	5	3	8
4	Bán hàng và chăm sóc khách hàng	4	3	7
5	Vấn đề tài chính	4	2	6
6	Kế hoạch sản xuất	4	2	6
7	Quản lý, lãnh đạo và thực hành đạo đức kinh doanh	4	2	6
Tổng		30	15	45

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập trên lớp theo qui định hiện hành,
- Hoàn thành các bài tập và thảo luận theo yêu cầu của giảng viên và bộ môn,
- Tham gia xây dựng đề án Khởi nghiệp tổng kết môn học.

11. Đánh giá sinh viên:

Đầu kỳ, lớp học được tổ chức thành các nhóm qui mô hợp lý. Mỗi nhóm thực hành áp dụng các kiến thức và kỹ năng được học để xây dựng một đề án khởi nghiệp kinh doanh và trình bày vào cuối môn học.

Trong quá trình học tập, học viên còn được đánh giá qua thái độ, tinh thần trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.

Điểm cuối kỳ được đánh giá trên đề án khởi nghiệp kinh doanh theo nhóm.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thi tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X		

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở 3 điểm thành phần như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Điểm thành phần 1	- Chuyên cần - Đóng góp ý kiến - Bài tập về nhà	10 %
2	Điểm thành phần 2	- Bài tập nhóm / Báo cáo nhóm - Thảo luận	30 %
3	Điểm thi cuối kỳ	- Đề án khởi nghiệp theo nhóm	60 %
Tổng			100%

Tổ bộ môn

Trưởng khoa

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

KHỞI NGHIỆP VÀ TINH THẦN DOANH NHÂN

- 1.1. Khởi nghiệp là gì?
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Lý do nên khởi nghiệp?
 - 1.1.3. Những thách thức khi khởi nghiệp
 - 1.1.4. Những nguyên nhân thất bại khi khởi nghiệp
 - 1.2. Tinh thần doanh nhân
 - 1.2.1. Tư duy người doanh nhân
 - 1.2.2. Tư chất của người doanh nhân thành công
 - 1.2.3. Chuẩn bị trở thành chủ doanh nghiệp
- Tài liệu tham khảo
- TL1. Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TL2. Peter F. Drucker, *Tinh thần doanh nhân khởi nghiệp và sự đổi mới*, NXB Kinh tế quốc dân, 2013.

CHƯƠNG 2

TIẾN TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH THÀNH CÔNG

- 2.1. Phân tích tính khả thi của ý tưởng kinh doanh
- 2.2. Chuẩn bị mô hình kinh doanh CANVAS
- 2.3. Nhận biết các thành phần của mô hình CANVAS
- 2.4. Tóm tắt các mục đích khác nhau về kế hoạch kinh doanh và đối tượng phục vụ
- 2.5. Phân biệt các thành phần của một kế hoạch kinh doanh
- 2.6. Nhận biết và trình bày việc phát triển và tạo lập một kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TL2 Tình huống Khởi nghiệp – Tài liệu được cung cấp bởi giảng viên.
- TK3 Ý định khởi nghiệp – Lý thuyết và thực tiễn (Sách chuyên khảo) – Ts. Phan Anh Tú & Ts. Châu Thị Lệ Duyên – NXB Đại học Cần Thơ, 2020.
- TK4 Dương Hữu Hạnh, *Kỹ thuật lập kế hoạch kinh doanh*, NXB Thống kê, 2009.

CHƯƠNG 3

NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH MARKETING

- 3.1. Nghiên cứu thị trường
 - 3.1.1. Phân biệt giữa tiếp thị và bán hàng
 - 3.1.2. Khảo sát thị trường
 - 3.1.3. Chọn lựa phân khúc thị trường và khảo sát
 - 3.1.4. Định vị sản phẩm hay dịch vụ
 - 3.2. Xây dựng kế hoạch marketing
 - 3.2.1. Kết hợp công cụ 4P
 - 3.2.2. Chọn lọc đặc điểm sản phẩm hay dịch vụ
 - 3.2.3. Định giá sản phẩm
 - 3.2.4. Tìm kiếm vị trí tối ưu cho sản xuất/kinh doanh và phân phối hiệu quả
- Tài liệu tham khảo
- TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TK1 Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
- TK5 Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

CHƯƠNG 4

BÁN HÀNG VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

- 4.1. Tầm quan trọng của bán hàng dựa trên mục tiêu mang lợi ích đến khách hàng
 - 4.2. Phương pháp tiếp cận khách hàng
 - 4.3. Dịch vụ chăm sóc khách hàng
 - 4.4. Quản trị quan hệ khách hàng
- Tài liệu tham khảo
- TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TK1 Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
- TK5 Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

CHƯƠNG 5

VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH

- 5.1. Hiểu biết về chi phí khởi nghiệp, chi phí cố định và chi phí biến đổi
 - 5.1.1. Tính toán vốn đầu tư khởi nghiệp
 - 5.1.2. Xác định chi phí biến đổi để khởi sự
 - 5.1.3. Phân tích chi phí cố định và tính toán lợi nhuận gộp

- 5.1.4. Chọn lọc phương pháp sổ sách kế toán
- 5.2. Hiểu biết cơ bản về các báo cáo tài chính trong kinh doanh
 - 5.2.1. Báo cáo doanh thu
 - 5.2.2. Đánh giá thông tin và phân tích các chỉ số từ bảng cân đối kế toán để xác định chiến lược tài chính cho khởi nghiệp
 - 5.2.3. Tính toán lợi tức đầu tư (ROI)
 - 5.2.4. Sử dụng các chỉ số tài chính để phân tích bảng cân đối kế toán
 - 5.2.5. Báo cáo dòng tiền

Tài liệu tham khảo

- TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TK1 Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
- TK5 Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

CHƯƠNG 6

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- 6.1. Chọn loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp
- 6.2. Tầm quan trọng của hợp đồng kinh doanh
- 6.3. Các vấn đề cơ bản về luật doanh nghiệp (thương mại)
- 6.4. Phương pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
- 6.5. Lập kế hoạch bảo đảm tài sản hữu hình và quản lý rủi ro
- 6.6. Tạo lập kế hoạch dự phòng

Tài liệu tham khảo

- TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.
- TK1 Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
- TK5 Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

CHƯƠNG 7

QUẢN LÝ, LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HÀNH ĐẠO ĐỨC

KINH DOANH

- 7.1. Tầm quan trọng của kế hoạch sản xuất
- 7.2. Phát triển chuỗi phân phối sản xuất kinh doanh
- 7.3. Quản lý nhà cung cấp và tồn kho
- 7.4. Đánh giá quản lý chất lượng sản phẩm

7.5. Phát triển đội ngũ nhân sự

Tài liệu tham khảo

TL1 Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum, 2020.

TK1 Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

TK5 Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

13. Tài liệu học tập**12.1. Giáo trình**

TL1. Bài giảng Khởi nghiệp, Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum.

TL2. Tình huống Khởi nghiệp – Tài liệu được cung cấp bởi giảng viên.

12.2. Tài liệu tham khảo

TK1. Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

TK2. Peter F. Drucker, *Tinh thần doanh nhân khởi nghiệp và sự đổi mới*, NXB Kinh tế quốc dân, 2013.

TK3. Ý định khởi nghiệp – Lý thuyết và thực tiễn (Sách chuyên khảo) – Ts. Phan Anh Tú & Ts. Châu Thị Lệ Duyên – NXB Đại học Cần Thơ, 2020.

TK4. Dương Hữu Hạnh, *Kỹ thuật lập kế hoạch kinh doanh*, NXB Thống kê, 2009.

TK5. Entrepreneurship : Starting & operating a small business / Steve Mariotti, Caroline Glackin.- Boston: Pearson, 2016.- 565 p.: ill.; 28 cm - Previous edition: 2014., 9781292097411.- 658.11/ M342

TK6. Entrepreneurship : Theory, process, practice / Donald F. Kuratko.- Australia: Cengage Learning Australia, 2020.- 477 p.; 27 cm, 9789814866071.- 658.421/ K96

TK7. Entrepreneurship and effective small business management / Norman M. Scarborough, Jeffrey R. Cornwall.- Boston: Pearson, 2015.- 936 p.: ill. (black and white, and colour); 28 cm - Previous edition published as: Effective small business management / Norman M. Scarborough., 9781292060613.- 658.022/ S285

Tổ bộ môn**Trưởng khoa**

Phụ lục 2: Chiến lược giảng dạy và học tập

Khoa Sư phạm & DBĐH đã xây dựng chiến lược, phương pháp dạy và học, tập trung phát triển mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quá trình dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học này giúp cho việc đạt mục tiêu dạy học hiệu quả.

Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

1.1 Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

1.2. Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

1.3. Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Khoa Sư phạm & DBĐH áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

21. *Câu hỏi gợi mở (Inquiry)*: Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

2.2. *Giải quyết vấn đề (Problem Solving)*: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

2.3. *Học theo tình huống (Case Study)*: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được Khoa Sư phạm & DBĐH áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

3.1. *Mô hình (Models)*: Là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

3.2. *Thực tập, thực tế (Field Trip)*: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được Khoa Sư phạm & DBĐH áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

4.1. *Tranh luận (Debates)*: là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề

đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

4.2. Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

4.3. Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

5.1. Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Bảng 1.3. Quan hệ giữa các phương pháp dạy và học và chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy-học	PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Dạy trực tiếp										
1. Giải thích cụ thể	x		x	x	x	x		x		
2. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x		
3. Tham luận		x	x	x		x	x			
II. Dạy gián tiếp										
4. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x		x		
5. Giải quyết vấn đề	x		x	x	x	x	x	x	x	x
6. Học theo tình huống			x	x	x	x	x	x		
III. Học trải nghiệm										
7. Mô hình		x	x	x						
8. Thực tập, thực tế	x	x	x	x					x	x
IV. Dạy học tương tác										
11. Tranh luận	x		x	x				x		

